



## Kết nối Các đối tác

**hsc**  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**HSC KẾT NỐI** mọi khả năng tốt nhất trong lĩnh vực Nghiên cứu, Công nghệ và Nguồn nhân lực để cung cấp những thông tin đáng tin cậy và chính xác cũng như những giải pháp tài chính chiến lược đến với khách hàng. HSC phát triển lớn mạnh song hành cùng khách hàng trên con đường gặt hái thành công thông qua việc thường xuyên nâng cấp nguồn lực, hướng đến trở thành một thương hiệu lớn trong lĩnh vực đầu tư và tài chính.

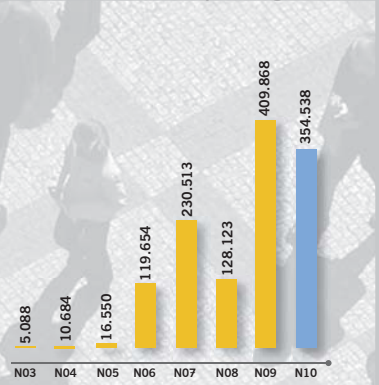
Trong năm 2010, những nỗ lực không ngừng của HSC đã được tưởng thưởng xứng đáng với việc trở thành Công ty Chứng khoán duy nhất tại Việt Nam lọt vào Top 20 công ty chứng khoán hàng đầu ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, được đánh giá dựa trên kết quả cuộc khảo sát Extel tổ chức bởi Thomson Reuters. Danh hiệu này đã giúp HSC vươn lên ngang tầm với những công ty chứng khoán đa quốc gia như JP Morgan và Goldman Sachs.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được làm bước đà hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai, HSC sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh để trở thành cầu nối tin cậy cho các nhà đầu tư và khách hàng, mang đến thành công cộng hưởng cho tất cả **CÁC ĐỐI TÁC** của chúng tôi.



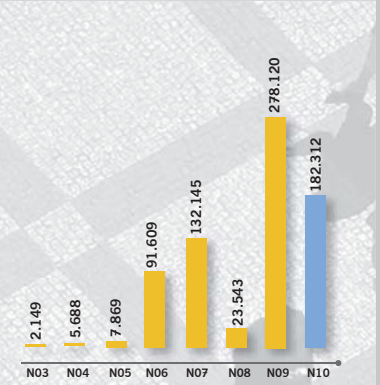
## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Doanh thu thuần (triệu đồng)



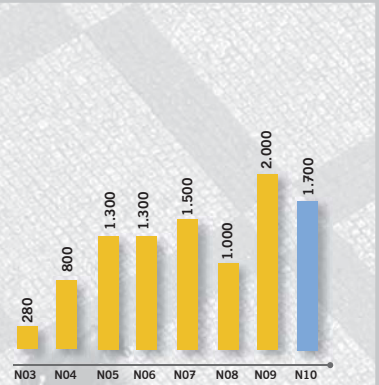
CAGR\* +83%

Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)



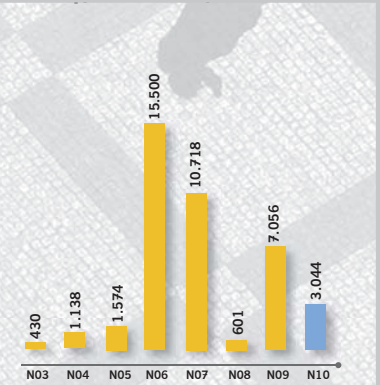
CAGR\* +89%

Cổ tức (VNĐ)



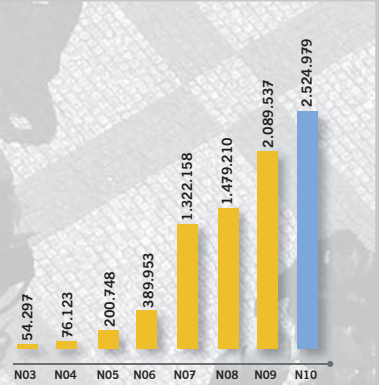
CAGR\* +29%

Thu nhập trên 1 cổ phiếu cơ bản (VNĐ)



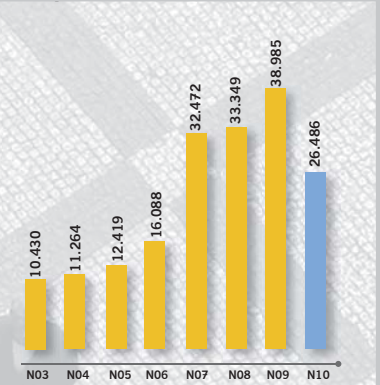
CAGR\* +32%

Tổng tài sản (triệu đồng)



CAGR\* +73%

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (VNĐ)



CAGR\* +14%

CAGR\*: tốc độ tăng trưởng trong 8 năm

| KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TRIỆU ĐỒNG)   | 2003      | 2004      | 2005      | 2006       | 2007       | 2008       | 2009       | 2010              |
|---|-----------|-----------|-----------|------------|------------|------------|------------|-------------------|
| Doanh thu thuần                             | 5.088     | 10.684    | 16.550    | 119.654    | 230.513    | 128.123    | 409.868    | <b>354.538</b>    |
| Trong đó:                                   |           |           |           |            |            |            |            |                   |
| - Môi giới chứng khoán (thuần)              | 99        | 509       | 706       | 7.650      | 33.517     | 32.601     | 91.736     | <b>109.171</b>    |
| - Tự doanh (thuần)                          | 926       | 7.932     | 12.380    | 103.033    | 174.179    | (6.676)    | 216.514    | <b>(13.566)</b>   |
| - Dịch vụ tài chính doanh nghiệp            |           |           |           |            |            |            | -          | <b>39.986</b>     |
| - Dịch vụ tư vấn                            | 1.396     | 1.182     | 2.054     | 2.897      | 3.543      | 8.719      | 3.039      | <b>4.576</b>      |
| - Dịch vụ hỗ trợ thanh toán                 | -         | -         | 457       | 4.886      | 13.301     | 30.547     | 43.296     | <b>153.015</b>    |
| - Lãi tiền gửi                              | 2.667     | 1.061     | 953       | 1.188      | 5.973      | 62.932     | 55.283     | <b>61.355</b>     |
| Chi phí hoạt động                           | 2.915     | 3.328     | 10.065    | 18.313     | 50.275     | 71.922     | 85.361     | <b>127.509</b>    |
| Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi    | -         | -         | -         | -          | 32.082     | 32.654     | (11.807)   | <b>(872)</b>      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh           | 2.173     | 7.356     | 6.485     | 101.341    | 148.156    | 23.547     | 336.314    | <b>227.901</b>    |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác                         | (24)      | (1.668)   | 1.872     | (135)      | (58)       | (4)        | -          | -                 |
| Lợi nhuận trước thuế                        | 2.149     | 5.688     | 8.357     | 101.206    | 148.098    | 23.543     | 336.314    | <b>227.901</b>    |
| Lợi nhuận sau thuế                          | 2.149     | 5.688     | 7.869     | 91.609     | 132.145    | 23.543     | 278.120    | <b>182.312</b>    |
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TRIỆU ĐỒNG)</b>    |           |           |           |            |            |            |            |                   |
| Tổng tài sản                                | 54.297    | 76.123    | 200.748   | 389.953    | 1.322.158  | 1.479.210  | 2.089.537  | <b>2.524.979</b>  |
| Vốn chủ sở hữu                              | 52.149    | 56.318    | 62.094    | 160.881    | 649.443    | 1.316.046  | 1.538.496  | <b>1.589.171</b>  |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>               |           |           |           |            |            |            |            |                   |
| Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE) | 4%        | 10,3%     | 11,4%     | 50,7%      | 25,4%      | 1,8%       | 19,5%      | <b>11,7%</b>      |
| Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)     | 4%        | 8,7%      | 5,7%      | 31,0%      | 15,4%      | 1,7%       | 15,6%      | <b>7,9%</b>       |
| <b>CHỈ TIÊU CHO 1 ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU</b>       |           |           |           |            |            |            |            |                   |
| Số lượng cổ phiếu phát hành                 | 5.000.000 | 5.000.000 | 5.000.000 | 10.000.000 | 20.000.000 | 39.463.400 | 39.463.400 | <b>59.999.686</b> |
| Bình quân số lượng cổ phiếu đang lưu hành   | 5.000.000 | 5.000.000 | 5.000.000 | 5.910.334  | 12.329.627 | 39.200.372 | 39.415.855 | <b>59.900.668</b> |
| Thu nhập trên 1 cổ phiếu cơ bản - VNĐ       | 430       | 1.138     | 1.574     | 15.500     | 10.718     | 601        | 7.056      | <b>3.044</b>      |
| Thu nhập trên 1 cổ phiếu suy giảm - VNĐ     | 36        | 95        | 132       | 1.526      | 2.217      | 400        | 4.704      | <b>3.044</b>      |
| Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VNĐ        | 10.430    | 11.264    | 12.419    | 16.088     | 32.472     | 33.349     | 38.985     | <b>26.486</b>     |
| Cổ tức - VNĐ                                | 280       | 800       | 1.300     | 1.300      | 1.500      | 1.000      | 2.000      | <b>1.700*</b>     |

(\* Số liệu tạm tính năm 2010)



## MỤC LỤC

- 02 Những thành tựu nổi bật năm 2010
- 04 Tổng quan
- 04 Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 05 Chặng đường phát triển

06

### KẾT NỐI NHÀ ĐẦU TƯ VỚI THỊ TRƯỜNG



- 08 Giải thưởng Extel 2010
- 10 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 16 Thông tin cổ đông

18

### KẾT NỐI NGUỒN VỐN VỚI SỰ TĂNG TRƯỞNG



- 20 Khách hàng tiêu biểu: Công ty Cổ phần Việt Thái Quốc tế
- 23 Tổng quan kinh tế Việt Nam
- 26 Tổng quan thị trường chứng khoán năm 2010

28

### KẾT NỐI TRI THỨC VỚI SỨC MẠNH



- 30 Sàn giao dịch chứng khoán ảo
- 32 Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát
- 34 Ban Điều hành
- 37 Năng lực cốt lõi  
(Công nghệ, Nghiên cứu, Nguồn nhân lực)
- 40 Quản lý Rủi ro & Quản trị Doanh nghiệp
- 41 Quan hệ nhà đầu tư

42

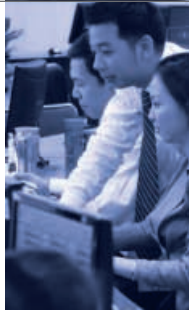
### KẾT NỐI DOANH NGHIỆP VỚI CỘNG ĐỒNG



- 44 Các hoạt động hướng đến cộng đồng
- 46 Trách nhiệm đối với xã hội

48

### KẾT NỐI VIỆT NAM VỚI THẾ GIỚI



- 50 Kết nối Việt Nam và thế giới
- 52 Khách hàng Cá nhân
- 54 Khách hàng Tổ chức
- 56 Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp
- 58 Các dự án tiêu biểu năm 2010
- 59 Giải thưởng và các Danh hiệu nổi bật

60

### KẾT NỐI NĂNG LỰC VỚI THÀNH QUẢ

- 61 Báo cáo tài chính 2010

## Những thành tựu nổi bật năm 2010

Năm 2010 là một năm thành công tốt đẹp của công ty HSC. Trong việc phát triển và mở rộng những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của mình, công ty tiếp tục gìn giữ và phát huy hơn nữa thế mạnh nền tảng trong các chức năng kinh doanh ở cả hai nghiệp vụ là Môi giới chứng khoán và Tư vấn tài chính doanh nghiệp. Những thành công vượt bậc đã đạt được giúp HSC ngày càng củng cố vững chắc thêm uy tín của mình với tư cách là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

### NÂNG CAO VỊ THẾ, GIA TĂNG THỊ PHẦN

Trong năm 2010, HSC đã gia tăng tổng thị phần của mình từ 4,8% (năm 2009) lên 5,9%. Kết quả này đã nâng mức xếp hạng của công ty từ hạng thứ 4 lên hạng thứ 3 về thị phần tại thị trường Việt Nam. Về mặt lợi nhuận, HSC đã đạt được 182 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đóng góp thu nhập cho cổ đông 3.044 đồng trên mỗi cổ phiếu.

### GẶT HÁI THÀNH QUẢ

Trong cuộc bầu chọn Giải thưởng Extel của Hãng thông tấn Thomson Reuters trên quy mô toàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, HSC đã được bình chọn là Công ty Chứng khoán số 1 Việt Nam về Môi giới và Nghiên cứu Thị trường. Cuộc Khảo sát uy tín này là một chứng thực rõ ràng và độc lập từ khách hàng và từ thị trường cũng như từ tất cả các công ty có đủ năng lực, chuyên môn được đề cử tham gia bình chọn. Bên cạnh đó, HSC cũng đạt thành tích cao trong các giải thưởng có uy tín khác như “Giải Bạch Kim” trong ngành Tài chính – Thị trường Vốn do LACP trao tặng cho Báo cáo thường niên 2009. Cuộc thi đã thu hút hơn 3000 báo cáo thường niên từ các quốc gia trên thế giới tham dự. Các giải thưởng này khẳng định đẳng cấp quốc tế và năng lực cạnh tranh cao của HSC trong lĩnh vực chứng khoán.

### MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI

Việc chính thức đưa vào hoạt động phòng giao dịch Trần Hưng Đạo và Bà Triệu vào tháng 3 năm 2010, phòng giao dịch Ba Tháng Hai vào tháng 5 năm 2010 cùng với việc khai trương văn phòng giao dịch mới Kim Liên vào tháng 8 năm 2010, đã nâng tổng số chi nhánh của HSC lên 8 chi nhánh, với 4 chi nhánh tại Hà Nội và 4 chi nhánh ở Thành phố Hồ Chí Minh.

### TRỤ SỞ CHÍNH QUY MÔ HƠN, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HƠN

HSC đã chuyển trụ sở chính đến AB Tower ở đường Lê Lai, một trong những công trình kiến trúc nổi bật ở TP. HCM và tọa lạc ngay giữa khu trung tâm nhộn nhịp. Văn phòng mới của HSC được đặt tại lầu 5 & 6 bao gồm Trung tâm dữ liệu Công nghệ thông tin tân tiến và các văn phòng hành chính rộng rãi, hiện đại. Theo kế hoạch, nơi đây sẽ là trụ sở lâu dài của HSC trong bốn mươi năm nữa.

### HOÀN THIỆN CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP THỂ

Một số thay đổi trong quản lý đã được thực hiện trong năm 2010 để phù hợp với hệ thống quản trị tập thể được xây dựng từ năm 2009. HSC đã bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc điều hành mới (COO), người chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý rủi ro. Công ty cũng bổ nhiệm Giám đốc Môi giới mới và đề bạt một Giám đốc Điều hành phụ trách khu vực phía Bắc. Bên cạnh đó, HSC cũng tăng cường thêm hai Giám đốc Điều hành đảm nhiệm vai trò lãnh đạo nghiệp vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp. Chúng tôi đã sáp nhập Bộ phận Phân tích và Kinh doanh khách hàng tổ chức với nhau để thành lập Khối Khách hàng tổ chức. Với những thay đổi này, HSC tự tin có đội ngũ cán bộ lãnh đạo hàng đầu trong ngành.







Trong năm 2011, HSC đặt mục tiêu sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa. Công ty sẽ chạy hết tốc lực và phát huy cao nhất, tận dụng lợi thế trên đà những thành tựu đã đạt được nhằm khẳng định vị thế của mình là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.



## Tổng quan

# TỔNG QUAN

HSC là công ty chứng khoán chuyên nghiệp có uy tín và được công nhận ở Việt Nam - một trong những nền kinh tế phát triển nhất Châu Á. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính cho các khách hàng tổ chức hay cá nhân, các dịch vụ tư vấn đầu tư toàn diện dựa trên những nghiên cứu có cơ sở và đáng tin cậy. HSC đã đạt được những thành công đáng ghi nhận trong việc kết nối các doanh nghiệp với các nhà đầu tư cũng như tạo dựng được các mối quan hệ đối tác lâu dài đối với khách hàng thuộc khối dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Được thành lập vào năm 2003 do sự hợp tác chiến lược của hai tổ chức tài chính hàng đầu, Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (HIFU) và Tập đoàn Tài chính Dragon Capital - Công ty quản lý quỹ uy tín nhất có nguồn gốc tại Anh quốc và là tâm điểm của thị trường tài chính đang nổi tại Việt Nam.

Chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào tháng 5/2009 với mã chứng khoán là HCM, vốn chủ sở hữu hiện nay của HSC trị giá 1.600 tỉ đồng (xấp xỉ 77 triệu USD), đưa HSC trở thành một trong những công ty ổn định nhất trong cả nước, mạnh về mặt tài chính cũng như năng lực đầu tư.

HSC không ngừng trau dồi năng lực chuyên môn chính như Nghiên cứu, Công Nghệ và Nguồn nhân lực để tạo điều kiện phát triển mới và hoàn thiện những dịch vụ tài chính như cung cấp vốn, sáp nhập & chuyển nhượng và bảo lãnh phát hành, với trọng tâm xây dựng quan hệ và cung cấp những sản phẩm có giá trị cộng thêm, qua đó phát triển quy mô Công ty dựa trên nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

## Tầm nhìn

Chúng tôi phấn đấu trở thành công ty đứng đầu trong ngành và thị trường chứng khoán Việt Nam, trở thành định chế tài chính được tin cậy nhất, đánh giá cao nhất và đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của các thị trường vốn tại Việt Nam.

## Sứ mệnh

Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi tạo ra sự khác biệt với một đẳng cấp nổi trội, nâng cao tính chuyên nghiệp, sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và sự gắn kết nhân bản.

## Giá trị cốt lõi

Tại HSC, chúng tôi nỗ lực giữ gìn các giá trị cốt lõi của công ty và coi đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình.

### TÍNH TRUNG THỰC CAO

Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác khi mua bán, làm việc và hợp tác với HSC trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế.

### SỰ CÔNG HIẾN NGHỀ NGHIỆP CAO

Ở tất cả các cấp bậc, nhân viên HSC đều cam kết cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, vượt qua sự mong đợi của đối tác, và xây dựng quan hệ tốt đẹp với các đối tác.

### TÍNH CHUYÊN NGHIỆP CAO

Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và quy trình thực hiện các giao dịch nhằm đem đến cho khách hàng lợi ích cao nhất.



## Chặng đường phát triển

2009

- Chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là HCM.
- Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade và ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến VIP-Trade, phiên bản cao cấp hơn với cổng thông tin giao dịch thời gian thực.
- Thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội.
- Được công nhận là một trong 4 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất trong hơn 100 công ty chứng khoán trên cả nước.

2008

- HSC tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 394,634 tỷ đồng.
- Quan hệ đối tác chiến lược vững chắc với DAISHIN, một trong ba công ty chứng khoán hàng đầu tại Hàn Quốc.
- Ra mắt Trung tâm hỗ trợ khách hàng PBX và hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade cho phép mở giao dịch qua Internet.
- Thành lập Phòng giao dịch Hậu Giang tại TP. HCM.

2007

- HSC tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.
- Thành lập chi nhánh Hà Nội tại phố Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm.
- Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược HDBANK và IDICO.

2006

- HSC tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- Trụ sở chính và Phòng giao dịch được chuyển đến toà nhà Capital Palace ở đường Thái Văn Lung, Quận 1, TP. HCM.

2003

- HSC chính thức thành lập sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 vào ngày 23/04/2003, và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003.
- Với số vốn ban đầu là 50 tỷ đồng, HSC là một trong số ít các công ty chứng khoán trong nước có số vốn điều lệ lớn nhất trong năm 2003.



## Kết nối Nhà đầu tư



HSC cung cấp cho các khách hàng cá nhân và các tổ chức đầu tư cách tiếp cận vào thị trường Việt Nam thông qua nhiều loại sản phẩm cổ phiếu và trái phiếu, trong cả thị trường sơ cấp cũng như thứ cấp. Sở hữu một trong những mạng lưới phân phối lớn nhất Việt Nam giúp HSC có khả năng cung cấp các sản phẩm phân tích và dịch vụ tư vấn đáng tin cậy, trang bị cho các nhà đầu tư những hiểu biết sâu sắc về thị trường





với Thị trường

Kết nối Nhà đầu tư  
với Thị trường

Năm 2010, HSC đạt giá trị giao dịch khớp lệnh 52,2 nghìn tỉ đồng, góp phần gia tăng thị phần của dịch vụ môi giới lên 6%. Công ty cũng đã nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến, mở rộng thêm nhiều chức năng để giúp cho khách hàng có thể thực hiện giao dịch qua điện thoại và Internet một cách thuận tiện hơn.





## GIẢI THƯỞNG EXTEL 2010

### Giải thưởng công nhận thứ hạng cao nhất trong hoạt động Môi giới và Nghiên cứu thị trường

# EXTEL

IDENTIFYING EXCELLENCE

HSC tự hào là Đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong danh sách “hàng đầu” của Khu vực Châu Á Thái Bình Dương. HSC cam kết sẽ không ngừng nâng cao đẳng cấp chuyên nghiệp vốn từ lâu đã trở thành một tiêu chí đặc trưng của công ty trong quá trình hoạt động trên thị trường.

Các giải thưởng khảo sát Extel của Hãng Thông tấn Thomson Reuters có thể được xem là giải Oscars trong lĩnh vực chứng khoán, nhằm vinh danh những doanh nghiệp bên mua, những nhà môi giới và các nhóm quan hệ nhà đầu tư trên khắp châu Á Thái Bình Dương, Nhật Bản, châu Âu (toàn châu Âu). Giải thưởng này quyết định những người thắng cuộc dựa vào các kết quả khảo sát hàng năm. Họ thu thập các phiếu bình chọn từ rất nhiều nhà đầu tư cá nhân và tổ chức khác nhau cũng như từ các công ty niêm yết, chính là các khách hàng và những người quan tâm đến các công ty được bình chọn với sự đánh giá, xem xét kỹ lưỡng.

Cái tên Extel bắt nguồn từ công ty Exchange Telegraph (Điện tín hồi đoái), là công ty đầu tiên kết nối London và New York bằng điện tín và là một trong những hãng tin/nhà cung cấp tin tức hàng đầu về thông tin tài chính tại khu vực xuyên Đại Tây Dương vào những năm 1900. Năm 1974, cuộc khảo sát Extel đầu tiên đã được tiến hành để thu nhận các ý kiến và phiếu bình chọn từ các giám đốc quản lý vốn trong lĩnh vực dịch vụ cũng như đưa ra những lời khuyên dựa trên các phân tích từ kết quả nghiên cứu tại các công ty môi giới chứng khoán. Từ lần tổ chức đầu tiên chỉ có 53 công ty quản lý vốn tham gia, số lượng thành viên tiếp tục tăng lên mỗi năm và hiện nay có trên 7.500 công ty từ 62 quốc gia tham gia với tổng cộng hơn 250.000 phiếu bầu chọn cá nhân (Căn cứ trên Khảo sát Extel toàn châu Âu của Hãng Thông tấn Thomson Reuters).

Công ty này được Thomson (hiện nay là Thomson Reuters) mua lại vào năm 2000 và Khảo sát Extel đã được đổi tên thành Thomson Reuters Extel. Khảo sát ban đầu tập trung vào các công ty quản lý vốn có trụ sở tại Vương quốc Anh và hiện nay đã mở rộng phạm vi đến Bắc Mỹ, châu Á Thái





Bình Dương (bao gồm cả Úc và New Zealand) và Nhật Bản. Hiện nay các xếp hạng này bao gồm các công ty đã công bố thị giá chứng khoán và các nhà quản lý vốn theo các xếp hạng cơ bản của các công ty chứng khoán. Các công ty chứng khoán được xếp hạng toàn diện về các mặt Kinh tế học & Chiến lược, Nghiên cứu thị trường chứng khoán và Kinh doanh vốn cổ phần. Tất cả các số liệu Khảo sát và các quy trình đều được đánh giá độc lập bởi Hãng Kiểm toán Deloitte.

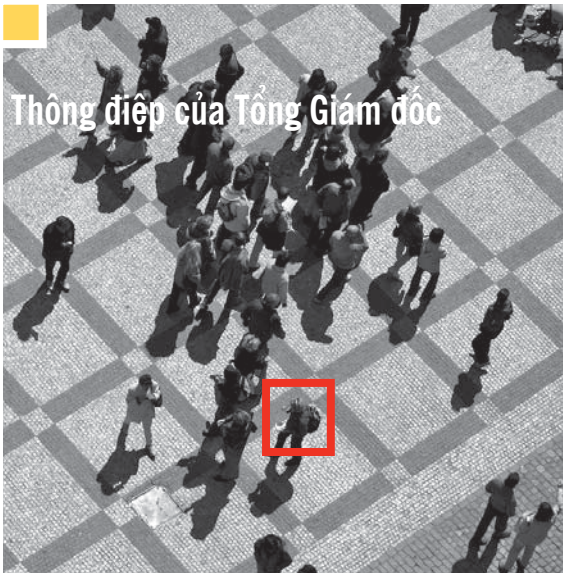
Việt Nam thuộc nhóm châu Á Thái Bình Dương trong cuộc khảo sát của Thomson Reuters lần đầu tiên vào năm 2010, trong việc công nhận thị trường đầu tư và tài chính tăng trưởng nhanh tại đây. Cuộc khảo sát này được tiến hành từ tháng 9 đến tháng 11 năm ngoái và kết quả được công bố vào tháng 12.

Theo kết quả khảo sát với các công ty quản lý vốn tại Việt Nam, HSC đã được công nhận là:

- Công ty chứng khoán số 1 (toàn diện) tại Việt Nam
- Công ty chứng khoán số 1 về Môi giới và Nghiên cứu Thị trường chứng khoán tại Việt Nam
- Đứng thứ 14 trong các công ty chứng khoán hàng đầu về nghiên cứu chiến lược và kinh tế vĩ mô của châu Á Thái Bình Dương (không bao gồm Nhật Bản).
- Đứng thứ 19 trong các công ty chứng khoán hàng đầu về nghiên cứu thị trường tại châu Á (không bao gồm Nhật Bản).
- Đứng thứ 20 về Môi giới trong các công ty chứng khoán hàng đầu châu Á (không bao gồm Nhật Bản).

Giải thưởng Khảo sát Extel công nhận sự xuất sắc trong quản lý quỹ và thị trường chứng khoán, đồng thời giúp các nhà đầu tư lựa chọn những công ty dẫn đầu về mặt kiến thức chuyên môn, phân tích chính xác và tận tâm trong dịch vụ khách hàng. Đây là lần đầu tiên Việt Nam được Extel xếp vào bảng xếp hạng ở châu Á và HSC tự hào là Đại diện duy nhất của Việt Nam có mặt trong danh sách “hàng đầu” của Khu vực châu Á Thái Bình Dương. HSC cam kết sẽ không ngừng nâng cao đẳng cấp chuyên nghiệp vốn từ lâu đã trở thành một tiêu chí đặc trưng của mình trong hoạt động trên thị trường.





HSC đã hoàn thành rất nhiều mục tiêu đồng thời đạt được nhiều cột mốc quan trọng trong năm và do đó chúng ta có nhiều lý do để ăn mừng năm 2010 như một năm thành công.







### Kính thưa quý cổ đông, khách hàng, các đồng nghiệp và đối tác,

Khi chúng ta bước vào năm 2010, nền kinh tế thế giới đang trải qua giai đoạn hậu khủng hoảng với những hy vọng mong manh về khả năng đã qua khỏi đáy thị trường và những lạc quan thận trọng giữa những dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế. Tuy nhiên, tại một số nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn tồn tại nhiều lo ngại về các hậu quả sau khủng hoảng, thậm chí nghi ngờ về một giai đoạn suy thoái kéo dài tiếp theo.

Tại Việt Nam, chúng ta đã đón năm 2010 với nhiều sức ép lên hệ thống kinh tế và tài chính bao gồm nguy cơ lạm phát, lãi suất cao và tiền đồng tiếp tục mất giá. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng ăn mừng kỷ niệm 10 năm thành lập với nhiều kỳ vọng về những thay đổi trong chính sách và những quy mô mở rộng trong các hoạt động chứng khoán đã được chờ đợi từ lâu. Tuy nhiên, hầu hết những thay đổi trong chính sách khi được thảo luận và đề xuất đã không trở thành hiện thực vì nhiều lý do khác nhau, trong đó cũng bao gồm việc bị ảnh hưởng bởi những hoạt động của các cơ quan chức năng trong việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng diễn ra vào đầu năm 2011.

Tại HSC, chúng ta chào đón năm 2010 sau khi trải qua năm 2009 với kết quả tài chính khá tốt sau khi thị trường hồi phục. Nhưng chúng ta đã xem 2010 như “một trang sử mới” để tiến hành phát triển toàn lực các ngành nghề kinh doanh cốt lõi và bắt đầu một giai đoạn phát triển ổn định tiếp theo bất chấp những bất ổn và thách thức của thời kỳ hậu khủng hoảng.

#### Năm 2010: Những thách thức và những thành tựu của HSC

Mặc dù không hoàn toàn đạt được kế hoạch lợi nhuận đã đề ra trong năm 2010 do những yếu tố bất lợi của thị trường nhưng HSC đã hoàn thành rất nhiều mục tiêu đồng thời đạt được nhiều cột mốc quan trọng trong năm và do đó chúng ta có nhiều lý do để ăn mừng năm 2010 như một năm thành công.

#### Tăng trưởng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

Với HSC, trước hết và quan trọng nhất đó là một năm rất thành công trong việc phát triển và mở rộng những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Chúng ta tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa những nền móng trụ cột cơ bản của các chức năng kinh doanh trong cả hai lĩnh vực Môi giới và Ngân hàng đầu tư. Trong lĩnh vực Môi giới, chúng ta đã mở rộng hệ thống phân phối qua việc thành lập thêm các phòng giao dịch: Trần Hưng Đạo và Ba Tháng Hai ở thành phố Hồ Chí Minh, Bà Triệu và Kim Liên ở Hà Nội. Đội ngũ Môi giới của công ty được tăng cường lên tới 350 nhân viên gồm cả khối Khách hàng Cá nhân và khối Khách hàng Tổ chức.

Với các Phòng giao dịch mới và số lượng nhân viên môi giới tăng đáng kể, cộng thêm khả năng hỗ trợ nguồn vốn cho nhà đầu tư nên thị phần giao dịch của HSC đã tăng trưởng từ 4,8% năm 2009 lên 5,9% trong năm 2010. Thành quả tăng trưởng thị phần từ khối Khách hàng Cá nhân đã đưa HSC từ hạng thứ 4 tiến lên vị trí xếp hạng thứ 3 trong số tất cả các công ty chứng khoán về thị phần trên cả 2 sàn giao dịch HOSE và HNX. Đối với nghiệp vụ môi giới Khách hàng Tổ chức, HSC tiếp tục duy trì vị trí thứ 2 trên tổng thị phần giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. Nếu xét cả 2 khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức thì trong năm 2010 HSC đã thực hiện nhiều lệnh giao dịch hơn, giá trị giao dịch cao hơn, đồng thời đạt

# 5,9%

thị phần môi giới

Thành quả tăng trưởng thị phần từ khối Khách hàng Cá nhân đã đưa HSC từ hạng thứ 4 tiến lên vị trí xếp hạng thứ 3 trong số tất cả các công ty chứng khoán về thị phần trên cả 2 sàn giao dịch HOSE và HNX.

# 350

nhân viên môi giới

gồm cả khối Khách hàng Cá nhân và khối Khách hàng Tổ chức.

## Thông điệp của Tổng Giám đốc

# 182

## Tỷ Đồng

Lợi nhuận sau thuế

# 11,7%

Tỷ suất thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân

Là “**Công ty Chứng khoán Số 1 tại Việt Nam**”, HSC quyết tâm tiến đến năm 2011 với nỗ lực cao nhất, tận dụng những lợi thế mình đã gây dựng làm đà phát triển và mở rộng thị trường nhằm củng cố vững chắc vị thế trong các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

được doanh thu phí giao dịch và doanh thu tín dụng tăng cao hơn bao giờ hết so với những năm trước.

Trong mảng nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính, năm 2010 công ty đã lần đầu tiên đạt được lợi nhuận và thu được mức phí cao nhất từng ghi nhận được từ trước đến nay. Chúng ta đã thực hiện một dự án Tài trợ tài chính bắc cầu khá lớn cho một công ty trước khi phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu tiên (pre-IPO) và đồng thời hỗ trợ khách hàng này bằng những giải pháp tái cơ cấu và phát hành chứng khoán riêng lẻ. Tại bất kỳ thời điểm cụ thể nào trong năm, HSC đều quản lý chứng khoán hàng đầu khác để quản lý việc phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO) cho một công ty phát triển bất động sản lớn. Đây được xem là dự án đầu tiên dưới dạng hợp tác đồng quản lý, đồng thu xếp vốn giữa 3 công ty trong ngành Tư vấn tài chính tại Việt Nam, đánh dấu sự khởi đầu của một đẳng cấp hợp tác và phát triển mới trong ngành chứng khoán. HSC đã tư vấn cho một số thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) tiêu biểu bao gồm một dự án về viễn thông, một dự án về bất động sản và một dự án về ngành hàng tiêu dùng bán lẻ. Cùng với một số những dự án khác đang thực hiện, chúng tôi tin rằng đây sẽ nguồn thu nhập chính của khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm nay. Đồng thời chúng tôi cũng thấy rõ tầm quan trọng của sự kết hợp tương hỗ giữa các hoạt động kinh doanh cốt lõi, đặc biệt giữa khối Tư vấn Tài Chính Doanh Nghiệp và khối Khách hàng Cá nhân, góp phần quản lý tính thanh khoản của chứng khoán để đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của thị trường.

Đầu năm 2010 HSC đã quyết định thận trọng giảm bớt danh mục tự doanh, nhờ vậy Công ty đã chủ động hơn trong hoàn cảnh các thị trường suy giảm; hạn chế tối đa các thiệt hại về tài chính và dự phòng tài chính trong năm 2010. Chiến lược của HSC trong hoạt động tự doanh là không đầu cơ theo cảm tính phản ứng của thị trường trong ngắn hạn – một phương thức gây rủi ro thanh khoản cao. HSC ý thức được việc quản lý một số lượng lớn mã cổ phiếu trong danh mục tự doanh trên thị trường chứng khoán như trước đây ẩn chứa nhiều rủi ro và có khả năng bị xem như là một mâu thuẫn về lợi ích với khách hàng của HSC. Chiến lược tự doanh mới của HSC sẽ tiếp cận theo hướng đồng hành và hỗ trợ, theo đó thì bộ phận Ngân quỹ sẽ điều hành quá trình đầu tư tạo tính thanh khoản bán và thanh khoản mua cho khách hàng.

### Khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành:

Danh tiếng của HSC đã vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam như một công ty chứng khoán mạnh về năng lực môi giới và nghiên cứu thị trường. Công ty đã giành được giải thưởng Exel danh giá của hãng thông tấn quốc tế Thomson Reuters công nhận năng lực HSC với vị trí cao nhất là “Công ty Chứng khoán Số 1 Việt Nam về



Môi giới và Nghiên cứu thị trường năm 2010". Trong giải bình chọn đặc biệt này, HSC cũng vinh dự là công ty chứng khoán Việt Nam duy nhất được vào danh sách 20 Công ty chứng khoán hàng đầu của khu vực châu Á Thái Bình Dương. Chúng tôi rất tự hào về sự kiện này vì giờ đây Việt Nam đã có tên trên bản đồ của ngành chứng khoán trong khu vực.

#### **Củng cố đội ngũ lãnh đạo cấp cao:**

Để đạt được sự phát triển trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như vậy, HSC đã củng cố nguồn nhân lực và bố trí đúng thể mạnh của những nhân sự cấp cao để phát huy cao nhất hiệu quả đóng góp. Lần đầu tiên Công ty bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành do anh Trịnh Hoà Giang đảm nhiệm, và tập trung chú trọng đến việc quản lý rủi ro. Chúng ta

cũng đã chào đón anh Lê Công Thiện, người từng giữ vị trí Tổng Giám đốc của một công ty chứng khoán khác, trong vai trò Giám đốc Điều hành mới của Khối Khách hàng cá nhân. Chúng ta đã nâng cấp chi nhánh Hà Nội lên thành văn phòng Khu vực miền Bắc, đồng thời thăng chức Giám đốc Điều hành đối với anh Bạch Quốc Vinh để quản lý toàn bộ Khu vực miền Bắc. Khối Tư vấn Doanh nghiệp cũng được tăng cường "gấp đôi" với sự bổ nhiệm anh Phạm Minh Phương đồng hành với anh Kelly Wong trong vai trò quản lý. Công ty cũng đã sáp nhập bộ phận Phân tích và Kinh doanh Khách hàng Tổ chức với nhau để thành lập Khối Khách hàng Tổ chức do anh Johan Kruimer và anh Fiachra MacCana đồng lãnh đạo. Chúng tôi hoàn toàn tự tin rằng hiện nay HSC đang có đội ngũ lãnh đạo cấp cao có năng lực

nhất và dày dặn kinh nghiệm nhất so với bất kỳ công ty nào khác trong ngành.

#### **Tăng cường đầu tư dài hạn vào công nghệ và cơ sở hạ tầng**

Định hướng dài hạn trong kế hoạch tăng trưởng và mở rộng thị trường đòi hỏi sự đầu tư dài hạn về mặt cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cũng như cơ sở vật chất văn phòng. Vào thời điểm thị trường văn phòng cho thuê đã phần nào hạ nhiệt, HSC đã nắm bắt cơ hội ký hợp đồng đảm bảo thuê dài hạn toàn bộ hai tầng của tòa nhà AB Tower, một tòa cao ốc văn phòng mới hạng A thuộc khu vực trung tâm của TP. HCM. Với địa điểm mới thuận tiện cho phép HSC đầu tư xây dựng được một trung tâm dữ liệu tiên tiến nhất và không gian văn phòng trụ sở chính hiện đại, là nơi an cư ổn định để gạt hái sự tăng trưởng bền vững trong bốn mươi năm tới.

Nếu xét cả 2 khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức thì trong năm 2010 HSC đã thực hiện nhiều lệnh giao dịch hơn, giá trị giao dịch cao hơn, đồng thời đạt được doanh thu phí giao dịch và doanh thu tín dụng tăng cao hơn bao giờ hết so với những năm trước.

#### **Bảo đảm khả năng sinh lời và lợi nhuận cho cổ đông**

Điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là bất chấp điều kiện thị trường không được như mong muốn, HSC vẫn đạt được mức sinh lời tốt trong năm khi mà nhiều công ty trong ngành bị thua lỗ. Lợi nhuận sau thuế đạt 182 tỷ đồng, đem lại thu nhập 3.044 đồng/cổ phiếu cho các cổ đông và Tỷ suất thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) là 11,7%. Hội đồng Quản trị của HSC đã thống nhất đề xuất trả cổ tức 17% (trên mệnh giá 10.000 đồng) cho các cổ đông.

#### **Năm 2011: Khởi đầu kỷ nguyên mới với những thách thức và mục tiêu mới**

Là "Công ty Chứng khoán Số 1 tại Việt Nam", HSC quyết tâm tiến đến năm 2011 với nỗ lực cao nhất, tận dụng những lợi thế mình đã gây dựng làm đà phát triển và mở rộng thị trường nhằm củng cố vững chắc vị thế là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

#### **Dự báo kết quả tài chính tốt hơn cho năm 2011**

Năm 2011 đã bắt đầu và chúng tôi thấy những dấu hiệu của thêm một năm tài chính đầy thách thức nữa ở phía trước. Với những tác động kéo dài do sự trượt giá tiền đồng của Ngân hàng Trung ương, mức lãi suất và lạm phát cao cùng với giá xăng dầu và điện nước tăng cao hơn, thị trường chứng khoán đã đối mặt với sự bất ổn vào giữa tháng hai. Tuy nhiên, những mục tiêu cho năm 2011 của HSC đã được xác định rõ. Với mục tiêu tăng thị phần môi giới bình quân từ 5,9% lên 6,8% và với giả định rằng giá trị giao dịch thị trường bình quân hàng ngày sẽ tăng 20% so với năm 2010, HSC đặt mục tiêu tăng 34% tổng thu nhập phí môi giới trong năm 2011. Mặc dù dự kiến vào những lúc cao điểm, tổng giá trị dư nợ giao dịch ký quỹ có thể đạt 1.200 tỷ đồng, nhưng dự kiến dư nợ bình quân không thay đổi nhiều so với mức bình quân năm 2010, vào khoảng 800 tỷ đồng. Thu nhập năm 2011 từ các hoạt động môi giới (với tỷ lệ hiện tại là 12% từ khối Khách hàng Tổ chức và 88% từ khối Khách hàng Cá nhân) được dự đoán sẽ đóng góp 33% vào tổng thu nhập (tăng so với 31% của năm 2010) trong khi thu nhập từ các giao dịch ký quỹ

## Thông điệp của Tổng Giám đốc



HSC nhắm tới việc tiếp cận những đối tác lớn hơn, có năng lực, có sự tương đồng với HSC và có nguồn lực mạnh với mục đích huy động thêm nhiều nguồn lực và năng lượng cho bộ máy hoạt động của chúng ta.

sẽ đóng góp khoảng 33% tổng thu nhập (giảm so với 40% của năm trước). Thu nhập từ các hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân quỹ sẽ đóng góp 33% còn lại, đem lại lợi nhuận trước thuế là 297 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 237 tỷ đồng. Đây là kế hoạch khá bảo thủ chưa tính đến khả năng sinh lời tiềm năng trong việc đầu tư cổ phiếu và trái phiếu trong hoạt động tự doanh. Thêm vào đó, trong các kế hoạch của mình HSC đã thận trọng dùng mức lãi suất bình quân thấp hơn nhiều so với các mức lãi suất trên thị trường hiện nay.

### Tăng cường nguồn lực tài chính và sử dụng nguồn vốn vào hoạt động:

Những kế hoạch tài chính năm 2011 của HSC có tính đến giả định rằng công ty sẽ hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 400 tỷ đồng sau khi kế hoạch huy động vốn được các cổ đông thông qua. Mặc dù HSC vẫn sở hữu hơn 500 tỷ đồng tiền mặt, nguồn vốn thêm vào đó có thể nâng vốn pháp định của công ty lên 1.000 tỷ đồng và tổng vốn chủ sở hữu lên khoảng 2.000 tỷ đồng. Dự kiến vào những lúc thị trường cao điểm, nguồn vốn này sẽ giúp HSC chủ động tăng cường hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ khách hàng giao dịch ký quỹ, hỗ trợ thanh khoản cho các dịch vụ môi giới, tài trợ tài chính bắc cầu, tư vấn tài chính doanh nghiệp và tự doanh ở cả thị trường cổ phiếu và trái phiếu. Mặc dù năm 2010, HSC đã quyết định giảm dần các hoạt động tự doanh, nhưng trước những cơ hội tốt và triển vọng tăng trưởng của thị trường trong năm 2011, khi một số cổ phiếu đã có giá rất tốt thì công ty cũng nên nắm lấy thời cơ, nắm bắt xu hướng của thị trường để đầu tư dài hạn, cũng như thực hiện những giao dịch ngắn hạn để tiến dần đến giai đoạn có đủ những khả năng tạo lập thị trường.

### Nâng cao mức giá cổ phiếu của công ty:

Trong năm 2011, bên cạnh các mục tiêu tài chính, HSC cũng hướng tới việc xây dựng mức giá giao dịch xứng đáng với giá trị cổ phiếu của mình. Tuy những thành tựu đạt được đã chứng minh rằng HSC đang sở hữu một nền tảng cơ sở vững chắc hơn các đối thủ trong ngành nhưng những giá trị này vẫn chưa được nhận biết và thể hiện vào thị giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán HCM trên HOSE). Với những thách thức hiện tại của nền kinh tế vĩ mô đồng thời khi thị trường bị giảm điểm vào giữa tháng hai, cổ phiếu của HSC được giao dịch với giá thấp hơn 9% so với giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 1/2011, tương ứng với hệ số giá trên thu nhập (P/E) là 7,8 lần trong năm 2010, và 7,2 lần P/E tính trên thu nhập dự tính cho năm 2011 (giá đã pha loãng). So với các đối thủ trong ngành, trong bối cảnh điều kiện thị trường Việt Nam ở trạng thái “bình thường”, HSC kỳ vọng đưa giá trị cổ phiếu HCM đạt mức P/E vào khoảng từ 12 đến 14 khi P/E bình quân của thị trường trở lại mức 10 lần.

Việc tạo ra mức giá cao hơn cho cổ phiếu cũng phản ánh tiềm năng lợi nhuận bất thường trong hoạt động tự doanh và tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC. Chúng tôi đặt mục tiêu nhắm đến việc sở hữu những dự án tiềm năng và các “thương vụ”



trong mảng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp để từ đó tạo ra những cơ hội cho hoạt động ngân hàng đầu tư. Bảng cân đối tài chính rất mạnh của HSC (hiện tại có 39% tiền mặt) đã giúp mở đường cho một số dự án được bắt đầu từ năm 2010 bằng các hoạt động cho vay bắc cầu. Với mục tiêu mang đến cho khách hàng các sản phẩm ở cả thị trường thứ cấp cũng như thị trường sơ cấp, các dự án từ khối tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC đã góp phần cung cấp năng lượng cho khối môi giới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

#### Tiếp cận các đối tác chiến lược:

HSC nhắm tới việc tiếp cận những đối tác lớn hơn, có năng lực, có sự tương đồng với HSC và có nguồn lực mạnh với mục đích huy động thêm nhiều nguồn lực và năng lượng cho bộ máy hoạt động của chúng ta. Một trong những định hướng kinh doanh là việc nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp mang lại cho HSC khả năng đưa các sản phẩm đầu tư của mình đến kết nối với các sản phẩm trong lĩnh vực quản lý quỹ - nơi mà các nhà đầu tư vẫn đang tìm kiếm cơ hội tại thị trường Việt Nam, và khi mà các quý mở được phép hoạt động. Một công ty trong cùng tập đoàn với HSC là Công ty Quản lý Quỹ Việt Nam (VFM – do Tập đoàn Tài chính Dragon Capital sở hữu phần lớn) có tiềm năng trở thành một kênh huy động vốn hiệu quả khi các sản phẩm tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC đáp ứng được những yêu cầu của nhà đầu tư. HSC cũng tham gia sở hữu một phần vốn tại VFM và đang nỗ lực phát triển các sản phẩm đầu tư thông qua VFM vào các thời điểm thích hợp.

Với nền tảng năng lực dồi dào trong lĩnh vực môi giới và tư vấn doanh nghiệp ở Việt Nam, HSC cũng hướng tới việc phát huy khả năng môi giới ra phạm vi quốc tế và tiếp cận cơ hội phục vụ các nhà đầu tư Việt Nam muốn đầu tư ra nước ngoài. HSC đã thiết lập quan hệ với các công ty chứng khoán toàn cầu ở các thị trường nước ngoài và khơi dẫn dòng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam một cách hiệu quả. Chúng ta hoàn toàn có khả năng tận dụng các kênh phân phối đã có này để dẫn dắt các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài khi luật pháp Việt Nam cho phép.

Với kế hoạch tăng trưởng và mở rộng đây tham vọng, HSC sẵn sàng đón nhận cơ hội để sáp nhập với một hoặc hai đối

tác chiến lược khác. Ngoài Tập đoàn Tài chính Dragon Capital và Công ty Đầu tư Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hiện tại đều là các cổ đông chiến lược của công ty, Cơ hội liên minh chiến lược với một tập đoàn tài chính hoặc tập đoàn công nghiệp trong nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tài chính, hoặc với một tổ chức môi giới/ngân hàng đầu tư có tầm cỡ quốc tế cũng nằm trong tầm ngắm chiến lược của HSC.

#### Xây dựng văn hóa lãnh đạo và phát triển thể hệ lãnh đạo tương lai của HSC:

Năm 2011 được xem là năm đầu tiên trong giai đoạn phát triển kế tiếp của HSC. Trong bốn năm qua, công ty đã vượt qua “Quá khứ”, thành công với “Hiện tại” và sẽ tăng tốc hướng đến “Tương lai”. Ngành chứng khoán của Việt Nam còn non trẻ và thu hút rất nhiều trí thức trẻ tuổi. Với tỷ lệ luân chuyển nhân viên khá thấp so với các công ty cùng ngành, HSC đã trở thành lựa chọn lý tưởng trong ngành tài chính về môi trường làm việc đối với các chuyên viên môi giới trẻ, chuyên viên đầu tư chứng khoán, chuyên gia phân tích, kế toán viên, chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp...v.v... Chúng tôi vui mừng nhận thấy ở những nhân viên trẻ sự nhiệt huyết, năng lực, tinh thần trách nhiệm và cam kết cao trong công việc khi được giao quyền và khuyến khích sự sáng tạo. HSC nhận định những nhân viên này đích thực sẽ là NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO TƯƠNG LAI của công ty - những người cần được nuôi dưỡng và mài giũa để trở thành những Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hay Giám đốc điều hành của HSC trong tương lai. Đó là lý do tại sao ở giai đoạn này, HSC muốn xây dựng và nâng cao ý thức về VĂN HÓA LÃNH ĐẠO tại công ty. Bắt đầu từ năm 2011, công ty hướng tới việc triển khai các chương trình chính thức để phát triển và đào tạo kỹ năng giao tiếp ứng xử cũng như kỹ năng lãnh đạo cho những đồng nghiệp trẻ. HSC cũng nhắm tới việc tìm kiếm và vinh danh những nhà lãnh đạo trẻ tuổi với phần thưởng xứng đáng tại các buổi lễ Tổng kết hàng Quý. Công ty khuyến khích các Giám đốc điều hành và các Trưởng bộ phận lên kế hoạch tìm người kế nhiệm và tích cực tiến cử những nhà lãnh đạo trẻ trong nội bộ.

Ngoài việc đẩy mạnh văn hóa lãnh đạo trong công ty, HSC cũng tiếp cận những sinh viên đang học tại các trường đại học danh tiếng ở trong nước và nước

ngoài để thu hút họ trở thành nhân viên của Công ty trong tương lai. Để thực hiện kế hoạch này, HSC đã cộng tác với Trường Đại học Kinh tế Luật (UEL) để xây dựng và tài trợ cho “Cuộc thi giao dịch thị trường chứng khoán ảo” nhằm nâng cao hiểu biết của sinh viên về thị trường chứng khoán và cách thức hoạt động của nó. Năm nay và những năm tiếp theo, HSC sẽ tiếp tục xây dựng các chương trình và trao học bổng cho các sinh viên tại các trường kinh tế, tài chính và ngân hàng. Để thu hút những cử nhân trẻ tuổi và những sinh viên các bậc sau đại học ở các trường đại học nước ngoài, HSC đã tài trợ các chương trình thực tập, bao gồm chương trình “Tài trợ Giáo dục - Cơ hội Thực tập tại Việt Nam (SEO-IV)” cho các sinh viên từ các trường đại học Mỹ và châu Âu đang trong thời gian nghỉ hè đến Việt Nam để tham gia vào các nghiệp vụ Nghiên cứu, Môi giới và Ngân hàng Đầu tư của HSC với mục đích mang đến cho sinh viên trải nghiệm thực tế về ngành học của họ trước khi ra trường.

#### Thay lời kết:

HSC đã và sẽ tiếp tục xây dựng giá trị quan trọng cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi và thương hiệu của mình. Chúng ta đã xây dựng được một nền tảng vững chắc mà trên đó công ty sẽ tiếp tục phát triển bền vững và có sức cạnh tranh cao ngay cả trong những thời kỳ khó khăn như năm 2010 và hiện tại. HSC đã được công nhận là một trong 20 doanh nghiệp chứng khoán có năng lực tốt nhất khu vực châu Á Thái Bình Dương và công ty chứng khoán hoạt động tốt nhất ở Việt Nam. Để chúng ta tiếp tục nhay vọt để vươn tới vị thế cao hơn trong tương lai sẽ là một thách thức lớn. Tuy nhiên, HSC hoàn toàn tự tin rằng chân trời của chúng ta còn rất xa và rộng nhưng chúng ta đã xác định được tầm nhìn và chiến lược rõ ràng, và chúng ta sẽ đến được những chân trời đó. Nhân dịp này, tôi muốn cảm ơn tất cả các quý cổ đông, khách hàng, đồng nghiệp và đối tác vì đã dành cho chúng tôi sự ủng hộ và sự tin tưởng mà nhờ đó HSC vững bước tiến vào giai đoạn phát triển kế tiếp trong tương lai.

*Johan Nyvene*

Johan Nyvene  
Tổng Giám đốc

## Cơ cấu cổ đông

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong kỳ của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan:

| Họ và tên                | Tên giao dịch trong tổ chức | Số CP sở hữu ngày 1/1/2010 |         | Thay đổi trong kỳ |         |            |         | Số CP sở hữu ngày 24/2/2011 |         |
|--------------------------|-----------------------------|----------------------------|---------|-------------------|---------|------------|---------|-----------------------------|---------|
|                          |                             | Số lượng                   | Tỷ lệ % | Số CP tăng        | Tỷ lệ % | Số CP giảm | Tỷ lệ % | Số lượng                    | Tỷ lệ % |
| <b>Hội đồng Quản trị</b> |                             |                            |         |                   |         |            |         |                             |         |
| Ngô Kim Liên             | Chủ tịch HĐQT               | 0                          | 0,00    |                   |         |            |         | 0                           | 0,00    |
| Lê Anh Minh              | Phó Chủ tịch HĐQT           | 14.070                     | 0,02    | 7.035             | 0,01    |            |         | 21.105                      | 0,04    |
| Đỗ Hùng Việt             | Phó Chủ tịch HĐQT           | 57.750                     | 0,10    | 28.875            | 0,05    |            |         | 86.625                      | 0,14    |
| Hoàng Đình Thắng         | Thành viên HĐQT             | 0                          | 0,00    |                   |         |            |         | 0                           | 0,00    |
| Nguyễn Quyết Chiến       | Thành viên HĐQT             | 0                          | 0,00    |                   |         |            |         | 0                           | 0,00    |
| Phạm Nghiêm Xuân Bắc     | Thành viên HĐQT             | 262.216                    | 0,44    | 131.108           | 0,22    | 15.000     | 0,03    | 378.324                     | 0,63    |
| Johan Nyvene             | Thành viên HĐQT             | 50.000                     | 0,08    | 85.200            | 0,04    |            |         | 135.200                     | 0,23    |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                             |                            |         |                   |         |            |         |                             |         |
| Võ Văn Châu              | Trưởng BKS                  | 42.210                     | 0,07    | 21.105            | 0,04    | 20.000     | 0,03    | 43.315                      | 0,07    |
| Đoàn Văn Hình            | Thành viên BKS              | 1.500                      | 0,00    | 750               | 0,00    |            |         | 2.250                       | 0,00    |
| Nguyễn Thị Thanh Vân     | Thành viên BKS              | 94.093                     | 0,16    | 47.046            | 0,08    | 94.000     | 0,16    | 47.139                      | 0,08    |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                             |                            |         |                   |         |            |         |                             |         |
| Johan Nyvene             | Tổng Giám đốc               | 50.000                     | 0,08    | 85.200            | 0,04    |            |         | 135.200                     | 0,23    |
| Trịnh Hoài Giang         | Phó Tổng Giám đốc           | 83.217                     | 0,14    | 86.608            | 0,14    | 74.000     | 0,12    | 95.825                      | 0,16    |
| Phạm Minh Phương         | Phó Tổng Giám đốc           | 30.850                     | 0,05    | 52.295            | 0,09    |            |         | 83.145                      | 0,14    |
| <b>Kế toán trưởng</b>    |                             |                            |         |                   |         |            |         |                             |         |
| Lâm Hữu Hồ               | Kế toán trưởng              | 19.500                     | 0,03    | 35.750            | 0,06    |            |         | 55.250                      | 0,09    |



## 1. Tỷ lệ sở hữu vốn


| Danh mục                         | Cổ đông trong nước |           | Cổ đông nước ngoài |           | Tổng            |           |
|----------------------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|-----------------|-----------|
|                                  | Giá trị            | Tỷ lệ (%) | Giá trị            | Tỷ lệ (%) | Giá trị         | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn đầu tư CSH           | 305.998.470.000    | 51,00     | 293.998.390.000    | 49,00     | 599.996.860.000 | 100,00    |
| Cổ đông Nhà nước                 | 180.000.000.000    | 30,00     |                    | 0,00      | 180.000.000.000 | 30,00     |
| Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên     |                    | 0,00      | 188.546.400.000    | 31,42     | 188.546.400.000 | 31,42     |
| Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% | 20.268.520.000     | 3,38      | 68.623.890.000     | 11,44     | 88.892.410.000  | 14,82     |
| Cổ đông sở hữu dưới 1%           | 104.152.500.000    | 17,36     | 36.828.100.000     | 6,14      | 140.980.600.000 | 23,50     |
| Công đoàn Công ty                |                    | 0,00      |                    | 0,00      | 0               | 0,00      |
| Cổ phiếu quỹ                     | 1.577.450.000      | 0,26      |                    | 0,00      | 1.577.450.000   | 0,26      |

## 2. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

| Danh mục  | SL Cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số lượng Cổ đông | Cơ cấu cổ đông |         |
|---|-------------|---------|------------------|----------------|---------|
|   |             |         |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| Tổng số lượng cổ phiếu  | 59.999.686  | 100,00  | 2.543            | 77             | 2.466   |
| 1 Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% CP trở lên)                         | 36.854.640  | 61,42   | 2                | 2              |         |
| Trong nước  | 18.000.000  | 30,00   | 1                | 1              |         |
| Nước ngoài  | 18.854.640  | 31,42   | 1                | 1              |         |
| 2 Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%) | 12.254.839  | 20,42   | 33               | 33             |         |
| Trong nước  | 2.374.940   | 3,96    | 13               | 13             |         |
| Nước ngoài  | 9.879.899   | 16,47   | 20               | 20             |         |
| 3 Cổ đông khác  | 10.732.462  | 17,89   | 2.508            | 42             | 2.466   |
| Trong nước  | 10.067.162  | 16,78   | 2.434            | 37             | 2.397   |
| Nước ngoài  | 665.300     | 1,11    | 74               | 5              | 69      |
| 4 Công đoàn Công ty   |             | 0,00    |                  |                |         |
| 5 Cổ phiếu quỹ  | 157.745     | 0,26    |                  |                |         |

## 3. Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ công ty

| STT                                   | Tên tổ chức/cá nhân               | Số CMND/Hộ chiếu/<br>ĐKKD  | Địa chỉ   | Số cổ phần        | Tỷ lệ nắm giữ |
|---------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---|-------------------|---------------|
| Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) |                                   |                            |   |                   |               |
| 1                                     | Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước | 0300535140 ngày 13/04/2010 | 33 - 39 Pasteur, Quận 1, TP.HCM                             | 18.000.000        | 30,00         |
| 2                                     | Dragon Capital Markets Limited    | C00001 ngày 27/07/2000     | P.1901, Tầng 19, Mê Linh, Số 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM | 18.854.640        | 31,42         |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>                     |                                   |                            |   | <b>36.854.640</b> | <b>61,42</b>  |



## Kết nối Nguồn vốn



Với thế mạnh về mạng lưới phân phối và năng lực tài chính, nghiệp vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC có khả năng thu xếp tài trợ bắc cầu, phát hành vốn cổ phần dưới hình thức phát hành riêng lẻ và dựng sổ cũng như bảo lãnh phát hành để mang lại hiệu quả huy động vốn cao nhất cho các doanh nghiệp và để liên kết các nguồn lực tài chính của thị trường với nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh của Việt Nam





với Sự tăng trưởng

Trong năm 2010, HSC đã đạt được một số giao dịch nổi bật giúp nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực Tư vấn tài chính doanh nghiệp và củng cố thêm uy tín, tên tuổi của công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Kết nối Nguồn vốn  
với Sự tăng trưởng





Khách hàng tiêu biểu:

## Công ty Cổ phần Việt Thái Quốc tế

### Tái cơ cấu để nâng cao năng lực và giá trị doanh nghiệp

HSC đã cùng với VTI phát triển kế hoạch tái cấu trúc toàn diện nhằm cải tiến hiệu quả hoạt động, nâng cao tính minh bạch tài chính, phân bổ các nguồn lực hiệu quả hơn, tạo điều kiện cho quá trình huy động vốn trong các kênh hoạt động kinh doanh chính của Công ty và quan trọng nhất là tăng cường vốn chủ sở hữu và nâng tầm giá trị doanh nghiệp.

Việt Thái Quốc tế (VTI) là công ty sở hữu thương hiệu nổi tiếng nhất trong ngành cà phê Việt Nam: Highlands Coffee. Được sáng lập vào năm 1998 bởi David Thái - một “Người Việt sống ở nước ngoài”, Highlands Coffee là công ty đầu tiên ra đời và được chuyển đổi hình thức hoạt động công ty cổ phần từ năm 2000. Cà phê Highlands hiện nay đã thực sự trở thành một thương hiệu lớn của người Việt, mang chất lượng pha chế tuyệt vời đặc trưng của Việt Nam đến với những người sành cà phê ở trong nước cũng như ở nước ngoài thông qua hệ thống gần 100 cửa hàng tại 6 tỉnh và thành phố trên khắp Việt Nam: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu và Đồng Nai. VTI đã và đang mở rộng hoạt động kinh doanh các sản phẩm cà phê của mình ra nước ngoài, vào năm 2010 Công ty ra mắt dòng sản phẩm cà phê pha sẵn (RTD) và đã được phân phối tới trên 17 quốc gia ở châu Á và Mỹ.

Ngoài ngành nghề kinh doanh cà phê truyền thống, VTI đã và đang tận dụng những năng lực và thế mạnh sẵn có để xây dựng một mô hình sản phẩm nhắm đến cùng đối tượng khách hàng nhằm mở rộng phạm vi kinh doanh. Hiện nay, VTI sở hữu các quyền nhượng quyền thương mại độc quyền tại Việt Nam cho các thương hiệu quốc tế lớn như Nike, giày Aldo, đồ lót nữ La Vie En Rose và cà phê Hard Rock được quản lý bởi Phòng phát triển ngành hàng Tiêu dùng. VTI hiện cũng đang sở hữu 49% cổ phần tại chi nhánh Việt Nam, của Tập





đoàn Grey Global thuộc công ty WPP, một công ty chuyên về quảng cáo và truyền thông có dịch vụ toàn diện hàng đầu với nhiều khách hàng nằm trong danh sách Fortune 1.000 công ty và thương hiệu lớn trên thế giới.

Mục tiêu trở thành nhà bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam đã thúc đẩy VTI với nhu cầu tái cơ cấu trong năm 2010 để kiểm soát sự tăng trưởng và mở đường cho những kế hoạch lớn hơn. HSC đã cùng với VTI phát triển kế hoạch tái cấu trúc nhằm cải tiến hiệu quả hoạt động, nâng cao tính minh bạch tài chính, phân bổ các nguồn lực hiệu quả hơn, tạo điều kiện gia tăng vốn trong các hoạt động kinh doanh của VTI và quan trọng nhất là tăng cường vốn chủ sở hữu và nâng tầm giá trị doanh nghiệp.

HSC đã hỗ trợ VTI xác định những lĩnh vực chủ lực cần tăng trưởng của mình trong từng hoạt động kinh doanh chính và tìm hiểu các nhu cầu vốn cho quá trình mở rộng. Qua đó VTI có khả năng tác động, thay đổi và tái cấu trúc các bộ phận và hoạt động kinh doanh chính trong tổng thể hoạt động của mình; và nhờ đó đã cải thiện tính minh bạch và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện. Lần đầu tiên, mỗi hoạt động kinh doanh chính của VTI giờ đây đã có thể được nhìn nhận một cách rõ ràng và có khả năng tài chính độc lập.

Nỗ lực hợp tác đã giúp VTI đạt được không chỉ các mục tiêu hoạt động của mình mà HSC còn cung cấp những giải pháp nhằm giúp VTI đạt được những mục tiêu tài chính. Điều này đóng góp vào sự tăng trưởng trong tương lai cho VTI, một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam.





Mô hình của HSC hiện tại dự báo thâm hụt thương mại trong năm 2011 sẽ vào khoảng 12,1 tỷ USD, giảm 3,9% so với mức 12,6 tỷ USD của năm 2010.

# Định hướng tương lai

Hiện tại HSC dự báo GDP Việt Nam năm 2011 sẽ tăng trưởng 6,5%





# Tổng quan Kinh tế Việt Nam

## GDP sẽ tiếp tục tăng trưởng nhưng sẽ không tăng trưởng mạnh

Vài tuần trước, hầu hết các chuyên gia kinh tế đều cho rằng dự báo tăng trưởng GDP 7,5% cho năm 2011 là hợp lý. Hiện tại, với định hướng chính sách tiền tệ đảo ngược 180 độ thì mọi sự chú ý đổ dồn vào tác động của việc tốc độ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng cung tiền M2 được hạ xuống đối với tăng trưởng GDP trong năm nay. Trên thực tế, mục tiêu tăng trưởng GDP chính thức sẽ được hạ xuống bao nhiêu so với mục tiêu đề ra ban đầu sẽ phụ thuộc vào độ dài thời gian chính sách tiền tệ tương đối thắt chặt được áp dụng.

Chúng tôi nói “chính sách tiền tệ tương đối thắt chặt” vì hầu hết các quốc gia khác, thậm chí là cả các quốc gia đang phát triển; thì mục tiêu tăng trưởng cung tiền M2 ở mức 15% và tăng trưởng cung tiền 18% vẫn là tương đối cao. Và điều này có lẽ là biểu hiện của việc sử dụng đồng vốn chưa hiệu quả tại Việt Nam (nếu không muốn nói là việc sử dụng đồng vốn tại Việt Nam có thể tạo ra lạm phát) và mục tiêu tăng trưởng GDP điều chỉnh có thể từ 6,5-7% là cao nhất. Hiện tại HSC dự báo GDP năm 2011 sẽ tăng trưởng 6,5% với giả định chính sách thắt chặt tiền tệ sẽ được duy trì đến giữa Q2 và mặc dù lãi suất có thể giảm sau đó, thì chúng tôi cho rằng mục tiêu tăng trưởng cung tiền M2 và tăng trưởng tín dụng sẽ được giữ vững trong khoảng thời gian còn lại của năm. Điều này là đáng ca ngợi nếu so với những gì đã diễn ra trước đây cũng như các mục tiêu được đề ra trong quá khứ, và chúng tôi nhận thấy đã có một sự thay đổi tại NHNN và hy vọng những thay đổi này sẽ tiếp tục được duy trì để những mục tiêu đã được đưa ra sẽ được thực hiện.

## Cán cân thương mại

Thâm hụt thương mại đã tăng 7,7%, từ 11,7 tỷ USD trong năm 2009 lên 12,6 tỷ USD trong năm 2010. Kim ngạch xuất khẩu tăng 7,5%, đạt 60,0 tỷ USD trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 6,7%, đạt 72,6 tỷ USD. Mô hình của HSC hiện tại dự báo thâm hụt thương mại trong năm 2011 sẽ vào khoảng 12,1 tỷ USD, giảm 3,9% so với mức 12,6 tỷ USD của năm 2010. Triển vọng lạc quan đối với thâm hụt thương mại trong năm nay dựa trên một số yếu tố gồm: (1) môi trường chính trị thế giới hiện tại đang trở nên phức tạp, đặc biệt tại khu vực Trung Đông, và do đó, giá dầu thô có thể sẽ tiếp tục tăng và Việt Nam hiển nhiên là người hưởng lợi từ diễn biến này do nước ta là nước xuất khẩu ròng đối với mặt hàng dầu; (2) Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng mới cho năm dưới 20%, chúng tôi cho rằng kim ngạch nhập khẩu sẽ được hạn chế ở mức hợp lý; và (3) sau khi phá giá đồng nội tệ vào ngày 11/2, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ trở nên rẻ hơn và các sản phẩm nhập khẩu sẽ trở nên đắt hơn. Do vậy, chúng tôi cho rằng nhập khẩu sẽ giảm và xuất khẩu sẽ tăng. Tuy nhiên, do hàm lượng nhập khẩu trong hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở mức cao, đến 70%, do đó, cả kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu đều giảm nhưng nhập khẩu sẽ giảm mạnh hơn.

## Tỷ giá

Hai tuần kể từ đợt phá giá tiền đồng ngay sau Tết âm lịch, áp lực lên tỷ giá cuối cùng cũng đang dịu xuống một chút vào tuần trước với tỷ giá giữa mua và bán hiện đã ở dưới mức 22.000 đồng. Tỷ giá giữa mua và bán trên thị trường tự do và thị

trường liên ngân hàng lần lượt ở mức 21.850 và 21.260 vào ngày 23/2, tương đương cao hơn trần tỷ giá 4,64% và 1,8%. Tuy nhiên, mặc dù đã đạt được những tiến triển trong việc giảm chênh lệch giữa tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá tự do so với trần tỷ giá; thì vẫn còn nhiều việc phải làm trước khi tỷ giá thực sự ổn định trở lại. Để đạt được điều này, NHNN đã nâng lãi suất; rút tiền về thông qua thị trường mở và hạn chế hoạt động kinh doanh vàng miếng. Hiện tại, cơ quan này còn đang thực hiện thêm các biện pháp hành chính. Và Nghị quyết 11 hay văn bản số 1535/NHNN-QLNH đã được ban hành ngày 25/2, yêu cầu các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối báo cáo số dư tiền gửi ngoại tệ của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trước ngày 4/3.

Về dài hạn, sẽ khó có thể phục hồi niềm tin của công chúng vào tiền đồng trừ khi những biện pháp ổn định thị trường ngoại hối sau đây được thực hiện.

- Tình trạng đô la hóa tại Việt Nam vẫn còn ở mức độ cao. Trong năm 2010, tốc độ tăng trưởng tín dụng cả tiền đồng và ngoại tệ, riêng tiền đồng, riêng ngoại tệ lần lượt là 29,8%, 27,1%, và 51,3%. Và điều này khiến tình hình trở nên khó kiểm soát hơn.
- Một nhân tố khác là giá vàng. Giữa chênh lệch của giá vàng trong nước và giá vàng thế giới cũng như xu hướng biến động của giá vàng với biến động tỷ giá có mối quan hệ song hành. Hiện tại, mối liên hệ này đã trở nên chặt chẽ và do đó khuyến khích việc nhập khẩu vàng để đầu cơ. Nhập

## Tổng quan Kinh tế Việt Nam

khẩu ròng đối với vàng trong năm 2010 và trong Q4/2010 lần lượt là 1,7 tỷ USD và 2,1 tỷ USD. Đây là lý do chính phủ gần đây đã ban bố việc kiểm soát chặt hoạt động kinh doanh vàng miếng.

- Cũng giống như mọi nền kinh tế khác, giữa tỷ giá và lượng cung tiền M2 có mối quan hệ chặt chẽ. Lượng cung tiền M2 (bao gồm 4 thành phần chính: tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn trong hệ thống ngân hàng; tiền mặt bên ngoài hệ thống ngân hàng và tiền gửi ngoại tệ) là chỉ báo tốt nhất đối với thanh khoản tiền đồng. Lượng cung tiền đồng đã tăng mạnh bên trong và ngoài hệ thống ngân hàng, do đó giá trị của tiền đồng hiện đang chịu sức ép giảm giá. Những nhân tố đằng sau việc tăng cung tiền là việc tăng cả tiền gửi kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn trong hệ thống ngân hàng. Tốc độ tăng trưởng cung tiền là quá cao và vượt trên mọi chỉ báo kinh tế khác và điều này đã tạo ra một lượng thanh khoản dư thừa trong hệ thống. Và lượng thanh khoản dư thừa này dẫn tới việc giá cả leo thang, trong đó có giá đồng USD và giá vàng.
- Đồng VNĐ nên được neo vào một giỏ các đồng tiền chính chứ không chỉ riêng đồng USD vì hiện tại hoạt động giao thương của Việt Nam đã diễn ra tích cực với nhiều quốc gia chứ không chỉ riêng với Hoa Kỳ.

### CPI

Việc duy trì tỷ lệ lạm phát cả năm 2011 dưới 7% sẽ là một thử thách đối với chính phủ. Việc giá xăng và điện tăng lần lượt 17,68% và 15,28% trong thời gian gần đây sẽ góp phần làm tăng lạm phát kỳ vọng tại Việt Nam. Thực tế Việt Nam hiện vẫn đang đối mặt với cả lạm phát do cầu kéo và chi phí đẩy. Lạm

phát do cầu kéo xuất phát từ chính sách tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 29,8% trong năm 2010; và tác động của chính sách tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ này đã tạo ra tác dụng lạm phát tiềm ẩn và hiện giờ đang thể hiện rõ. Lạm phát do chi phí đẩy do cả giá nguyên liệu đầu vào trong nước và quốc tế tăng như: dầu, xăng và lương thực. Bên cạnh đó, việc phá giá 8,5% gần đây của tiền đồng vào ngày 11/2/2011 chắc chắn cũng sẽ có tác động tới lạm phát. Nếu Chính phủ không có những biện pháp thích hợp nhằm kiềm chế lạm phát, thì theo chúng tôi, lạm phát năm 2011 có thể lên tới 14%.

Và trước tình hình này, vào ngày 24/2, chính phủ đã công bố một gói các giải pháp chống lạm phát và bình ổn tỷ giá. Theo chương trình này, tăng trưởng cung tiền sẽ ở khoảng 15-16%, tăng trưởng tín dụng dưới 20%, thâm hụt ngân sách dưới 5% GDP và thâm hụt thương mại dưới 16% tổng giá trị thương mại. Bên cạnh đó, tín dụng đối với các ngành phi sản xuất sẽ bị hạn chế. Hoạt động kinh doanh vàng miếng cũng sẽ bị kiểm soát chặt. Cho tới nay, phản ứng của nền kinh tế trước những biện pháp này là không mạnh nhưng những biện pháp này phần nào cũng đã có tác dụng bình ổn. Nếu chính phủ kiểm soát chặt và giữ vững mục tiêu của từng cũng như toàn bộ các biện pháp nêu trên, thì chúng ta có lý do để nghĩ tới con số lạm phát dưới một con số. Tuy nhiên, do tiền sử là chính phủ thường không đạt được đúng những mục tiêu đề ra trong quá khứ, nên chúng tôi cho rằng lạm phát sẽ ở mức hai con số trong năm nay.

### Lãi suất có thể giảm kể từ Q2 nhưng sẽ không giảm mạnh

Giá cổ phiếu và lãi suất có một mối liên hệ nghịch chiều khá rõ ràng.

Trên thực tế, việc lãi suất thực liên tục tăng kể từ cuối năm 2008 đã có tác động tiêu cực đối với thị trường. Do đó, để thị trường chứng khoán tăng mạnh mẽ trong năm 2011 thì trước tiên lãi suất phải giảm nhanh và giảm mạnh. Và điều này trên thực tế rất khó xảy ra. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lãi suất đã đạt đỉnh và sẽ giảm dần từ cuối Q1. Nhưng với lạm phát vẫn giữ ở mức tương tự như trong năm 2010 trong những tháng còn lại của năm, thì lãi suất không thể giảm nhiều. Và do đó, thị trường chứng khoán chỉ có thể tăng nhẹ trong năm nay.

Và cũng cần lưu ý rằng chính sách tiền tệ tại Việt Nam vẫn còn quá lỏng. Đây có lẽ là một nghịch lý khi mà lãi suất thực tế ở vào 6% (lãi suất danh nghĩa là 18%) trong khi thực tế thì không phải ai cũng chịu cùng mức lãi suất như nhau. Trên đây là lãi suất thị trường áp dụng cho thành phần kinh tế tư nhân và cho các cá nhân nhưng chúng tôi nhận thấy có một hệ thống "lãi suất quan hệ" theo đó các NHQD cho các DNNN vay với lãi suất thấp. Và đây chính là nơi sự rò rỉ chính sách diễn ra. Lỗ hổng rò rỉ này cần được lấp lại và điều này đòi hỏi có sự hậu thuẫn về mặt chính trị. Và, sau Đại hội Đảng, việc ổn định giá cả và đổi mới DNNN đã trở thành chương trình nghị sự hàng đầu.

Tất cả những điều này hứa hẹn áp lực lạm phát sẽ lắng dịu nhưng chưa đủ để lãi suất giảm mạnh. Và còn một nhân tố khác nữa, do ảnh hưởng của các quy định mới trong ngành ngân hàng, chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động đã tăng mạnh. Với hệ số LDR tối đa hiện tại ở mức trần 80%; nhiều tổ chức tín dụng đang tìm cách giảm hệ số này. Và với việc các khoản cho vay là tài sản sinh lãi cao nhất trong số các tài sản sinh lãi, thì các ngân hàng đã tìm cách lách tác động này



thông qua việc tăng lãi suất cho vay để nâng tỷ lệ NIM. Điều này sẽ khiến lãi suất cho vay tăng cao hơn nhiều so với lãi suất huy động và lợi suất trái phiếu chuẩn thường là thước đo hữu hiệu nhất về áp lực lạm phát.

Do đó, mặc dù có thể dự báo được lợi suất trái phiếu chính phủ và lãi suất liên ngân hàng sẽ bắt đầu giảm kể từ giờ khi mà áp lực lạm phát suy giảm thì chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và lãi suất cho vay trước mắt sẽ khó có khả năng giảm do các ngân hàng tìm cách giữ tỷ lệ NIM không bị giảm. Do đó HSC dự báo lãi suất cho vay trong năm 2011 có thể giảm xuống 15-16%, tương đương giảm 3% từ mặt bằng hiện tại. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lãi suất sẽ khó giảm mạnh dưới ngưỡng này cho tới khi áp lực lạm phát không còn nữa. Và điều này có thể cần thời gian khoảng 12 tháng.

#### Triển vọng tài khóa năm 2011

Chúng tôi ước tính thâm hụt ngân sách năm 2010 vào khoảng 59,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 3,03% GDP theo GFS và 5,8% theo tính toán của Việt Nam), thấp hơn nhiều so với con số thâm hụt dự kiến là 74,4 nghìn tỷ đồng. Điều này chủ yếu là do doanh thu thuế trong năm 2010 tăng, đạt 486,7 nghìn tỷ đồng (tăng 34,9%).

Theo kế hoạch ngân sách ban đầu của Bộ tài chính, thâm hụt tài khóa năm 2011 ước tính đạt 120,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 5,3% GDP. Tuy nhiên, do những bất ổn trong bức tranh kinh tế vĩ mô tại Việt Nam, trong đó lạm phát kỳ vọng cao và tỷ giá bất ổn, chính phủ hiện tại đang tập trung ưu tiên vào ổn định kinh tế thay vì tập trung vào tăng trưởng. Do đó, hiện tại, mục tiêu tỷ lệ thâm hụt so với GDP mới sẽ dưới 5%.

Cũng theo Bộ tài chính, Chính phủ

dự kiến huy động 595 nghìn tỷ đồng (tăng 12,7%) trong năm nay, trong đó 559 nghìn tỷ đồng là từ doanh thu thuế và phần còn lại từ bán tài sản viện trợ. Về mặt chi tiêu ngân sách, Bộ tài chính dự báo đạt chi tiêu ngân sách đạt 676,3 nghìn tỷ đồng (tăng 14,98%).

Chênh lệch giữa thu và chi ngân sách là 71,36 nghìn tỷ đồng, dự kiến sẽ được đáp ứng thông qua lượng phát hành trái phiếu ròng trong nước (tổng lượng trái phiếu phát hành trừ đi lượng trái phiếu đáo hạn), đạt 55 nghìn tỷ đồng (tăng 40,9%) và tổng trái phiếu phát hành ròng ra nước ngoài là 16,3 nghìn tỷ đồng (giảm 18,7%). Tuy nhiên, Kho bạc Nhà nước gần đây đã công bố kế hoạch hạn chế phát hành trái phiếu trong năm nay xuống bằng hoặc dưới 45 nghìn tỷ đồng nhằm giảm thâm hụt ngân sách.

#### Triển vọng thị trường trái phiếu năm 2011

Thị trường trái phiếu năm 2011 sẽ đối mặt với một số thách thức liên quan đến những bất ổn trong kinh tế vĩ mô. Lạm phát kỳ vọng vẫn đang tăng do giá xăng và điện gần đây đã lần lượt tăng 17,68% và 15,28%. Lợi suất trái phiếu sẽ vẫn ở mức cao với lãi suất bình quân hiện tại ở vào 11,4%. Lợi suất gần đây tăng ở tất cả các kỳ hạn do lo ngại lạm phát tăng và do tâm lý liên quan đến sự bất ổn trên thị trường ngoại hối. Do đó, xu hướng chính đối với lợi suất trái phiếu vẫn nghiêng về tăng.

Về cung và cầu trái phiếu, lợi suất sẽ không giảm trong tương lai gần. Sẽ có khoảng 64,87 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ và trái phiếu ngân hàng phát triển Việt Nam (cả gốc và lãi) sẽ đáo hạn trong năm 2011. Kế hoạch phát hành trái phiếu ròng trong nước là 45 nghìn tỷ đồng và phát hành trái phiếu ròng quốc tế



# 64,87

## nghìn tỷ đồng

Trái phiếu chính phủ và trái phiếu ngân hàng phát triển Việt Nam (cả gốc và lãi) sẽ đáo hạn trong năm 2011.

là 16,3 nghìn tỷ đồng, tổng cộng là 61,3 nghìn tỷ đồng sẽ không đủ để bù cho lượng trái phiếu sẽ đáo hạn nói trên. Chưa kể các loại trái phiếu có cùng tính chất như trái phiếu chính phủ khác sẽ đáo hạn trong năm nay như trái phiếu địa phương, trái phiếu của các ngân hàng chính sách xã hội, trái phiếu của Tổng công ty đường cao tốc Việt Nam, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh... tổng cộng là 16 nghìn tỷ đồng. Điều này có nghĩa nguồn cung trái phiếu chính phủ tiềm năng có thể cao hơn dự kiến trong khi nhu cầu mua trái phiếu không cao do lạm phát đang tiếp tục tăng và do những bất ổn tỷ giá.

# Tổng quan thị trường chứng khoán năm 2010

Trong năm 2010, thị trường chứng khoán đã có một năm khó khăn với cả VN-index và HN-index biến động trong dải hẹp trong 7 tháng đầu năm và điều chỉnh giảm mạnh vào mùa hè, sau đó tăng và lấy lại một phần số điểm đã mất về cuối năm.

Thị trường chứng khoán đã khởi đầu năm 2010 một cách khởi sắc với tâm lý hứng khởi tiếp nối từ năm 2009. Nhưng với chính sách tiền tệ được thắt chặt do những lo ngại về lạm phát, sự khởi sắc đầu năm đã không còn nữa và thị trường bắt đầu rơi vào giai đoạn lình xình. Và cả hai chỉ số đã biến động trong dải hẹp trong cả năm.

Tuy nhiên, trái ngược với sự lình xình của các chỉ số, giá của từng mã cổ phiếu vẫn có sự biến động mạnh. Một số mã bluechip có lợi nhuận tốt và không bị pha loãng đã giữ giá tốt trong năm và trong một vài trường hợp, giá cổ phiếu còn tăng khá. Một số mã cổ phiếu đặc biệt như BVH (là mã có tỷ trọng lớn nhất trong VN-index được mua vào bởi các quỹ ETF và các nhà đầu tư nước ngoài khác) cũng đã có sự tăng trưởng mạnh về giá.

Đến cuối Q1, đầu Q2, một số mã có tính đầu cơ với vốn hóa trung bình, mà ban đầu tập trung vào các mã cổ phiếu của một số công ty con trong dòng PV đã bắt đầu thu hút được sự chú ý của các nhà đầu tư cá nhân. Giá của một số mã cổ phiếu trong số này đã tăng gấp nhiều lần chỉ trong vài tháng nhờ có đà tăng mạnh.

Các công ty chứng khoán đã quảng bá cho các mã này và trong một số trường hợp cung cấp vốn cho nhà đầu tư để mua vào các cổ phiếu này.

Tuy nhiên, sau khoảng 1 quý, những câu chuyện vốn ít ỏi quanh các cổ phiếu này bắt đầu không còn thuyết phục và những mục tiêu lợi nhuận mới được đặt ra đã không còn hấp dẫn. Kết quả là các mã này đã không tránh khỏi một đợt suy giảm diễn ra vào cuối mùa hè, cùng thời điểm với sự ảm đạm diễn ra trên thị trường.

Trên thị trường nói chung, hầu hết các mã bluechip mà đặc biệt là các mã thuộc ngành tài chính đã bắt đầu giảm liên tục kể từ đầu năm. Ngành này bị tác động bởi những lo ngại về lợi nhuận và sau đó là những thông tin về việc tăng vốn theo quy định của các ngân hàng (việc tăng vốn vốn được coi là một trong những cải cách trong quy định trong ngành này).

Vào cuối mùa hè vừa qua, mọi sự chú ý đã đổ dồn vào việc thực thi Thông tư 13, trong đó đưa ra những quy định chặt chẽ hơn nhiều liên quan đến tỷ lệ vốn cho vay trên vốn huy động (LDR) và hệ số an toàn vốn (CAR). Các nhà đầu tư bắt đầu lo ngại về không chỉ sự pha loãng cổ phiếu trong ngành mà cả việc các ngân hàng sẽ buộc phải bán cổ phiếu ra thị trường để có đủ vốn đáp ứng những quy định mới. Và tâm lý vốn đã bất ổn của nhà đầu tư do việc giá cổ phiếu không tăng trưởng cuối cùng đã hoàn toàn trở nên bi quan.

Và vào tháng 8 năm 2010, giá cổ phiếu đã đồng loạt giảm với việc bán ra cổ phiếu ở một số mã có tính đầu cơ cũng đóng một vai trò quan trọng đẩy thị trường đi xuống. Các ngân hàng đã trở nên thận trọng trong việc cho vay đầu tư chứng khoán và điều này càng làm tăng áp lực bán ra. Và phần lớn cổ phiếu được bán ra là từ các nhà đầu tư cá nhân, những người đã chờ đợi một đợt tăng giống như trong năm 2009 của thị trường.

Quá trình tăng vốn trong ngành ngân hàng cũng được coi là một biểu hiện trên bề mặt của sóng ngầm tăng vốn của gần như hầu hết các công ty niêm yết. Các nhà đầu tư đã chịu sức ép từ kế hoạch tăng vốn của nhiều công ty trong giai đoạn Q3/Q4. Pha loãng trở thành một từ phổ biến và thị trường đã trừng phạt những công ty tăng vốn mà không có kế hoạch sử dụng hợp lý.

Các thị trường cuối cùng cũng đã lập đáy vào tháng 10 là thời điểm PV Gas niêm yết thành công và cổ phiếu này có mức định giá thấp. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng đã tham gia thị trường tích cực hơn và đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy thị trường đi lên từ đáy trong Q4. Do đó, vào cuối năm, cả VN-index và HN-index đã phục hồi đáng kể. Và thị trường đang nhìn về năm 2011 với một tâm lý lạc quan nhưng thận trọng.





Vào cuối năm, cả VN-index và HN-index đã phục hồi đáng kể. Và thị trường đang nhìn về năm 2011 với một tâm lý lạc quan nhưng thận trọng.



## Dự báo thành quả

Thị trường chứng khoán đã khởi đầu năm 2010 một cách khởi sắc với tâm lý hưng khởi tiếp nối từ năm 2009.



Kết nối Tri thức



HSC chú trọng vào việc khuyến khích động viên và bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo cho tương lai bằng cách tạo dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng vững chắc cho những chuyên viên môi giới và tư vấn đầu tư tương lai thông qua nhiều hoạt động từ thiện và chương trình giáo dục hợp tác với các trường Đại học

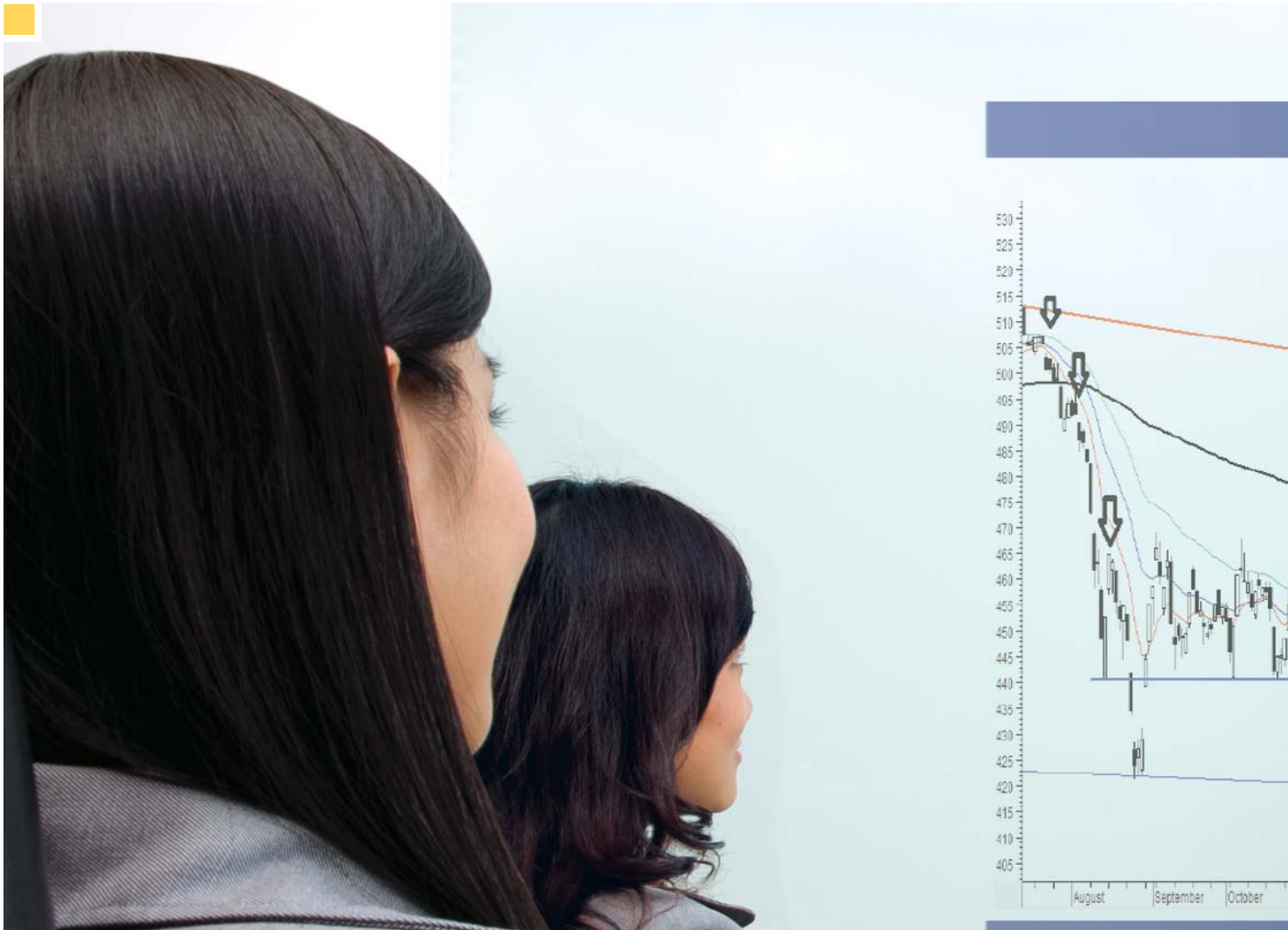




với Sức mạnh

Kết nối Tri thức  
với Sức mạnh

HSC duy trì một chương trình quản lý “danh mục đầu tư chứng khoán” thường niên và một sân giao dịch chứng khoán ảo cho các sinh viên của 6 trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh và chương trình thực tập cho những sinh viên đủ điều kiện để đào tạo họ về quản lý đầu tư và giao dịch trong một môi trường học tập năng động.



## Sàn giao dịch chứng khoán ảo - Từ Trường học đến Sàn giao dịch

Mục tiêu của cuộc thi là để khuyến khích những sinh viên tham gia cùng nhau làm việc và lập chiến lược giao dịch chứng khoán; kết hợp những kỹ năng phân tích và những hiểu biết của họ về thị trường dựa vào kiến thức đã được học với các xu hướng hiện nay trên thị trường cũng như để làm quen với những vấn đề phức tạp trong hoạt động giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Nhằm cung cấp cho các sinh viên một công cụ giúp họ hiểu được những kiến thức thực tế về giao dịch trên thị trường chứng khoán, HSC đã liên kết với một số trường đại học cho ra đời chương trình mang tên Sàn giao dịch chứng khoán ảo dành cho những ai theo học chuyên ngành tài chính và kinh tế muốn mở rộng kiến thức ra ngoài phạm vi được học tại trường.

Chương trình Sàn giao dịch chứng khoán ảo đã tồn tại được 6 năm và năm 2010 đã thu hút hơn 3.000 tài khoản đăng ký từ sáu trường đại học: Đại học Kinh tế & Luật, Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Mở, Đại học Kỹ thuật và Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

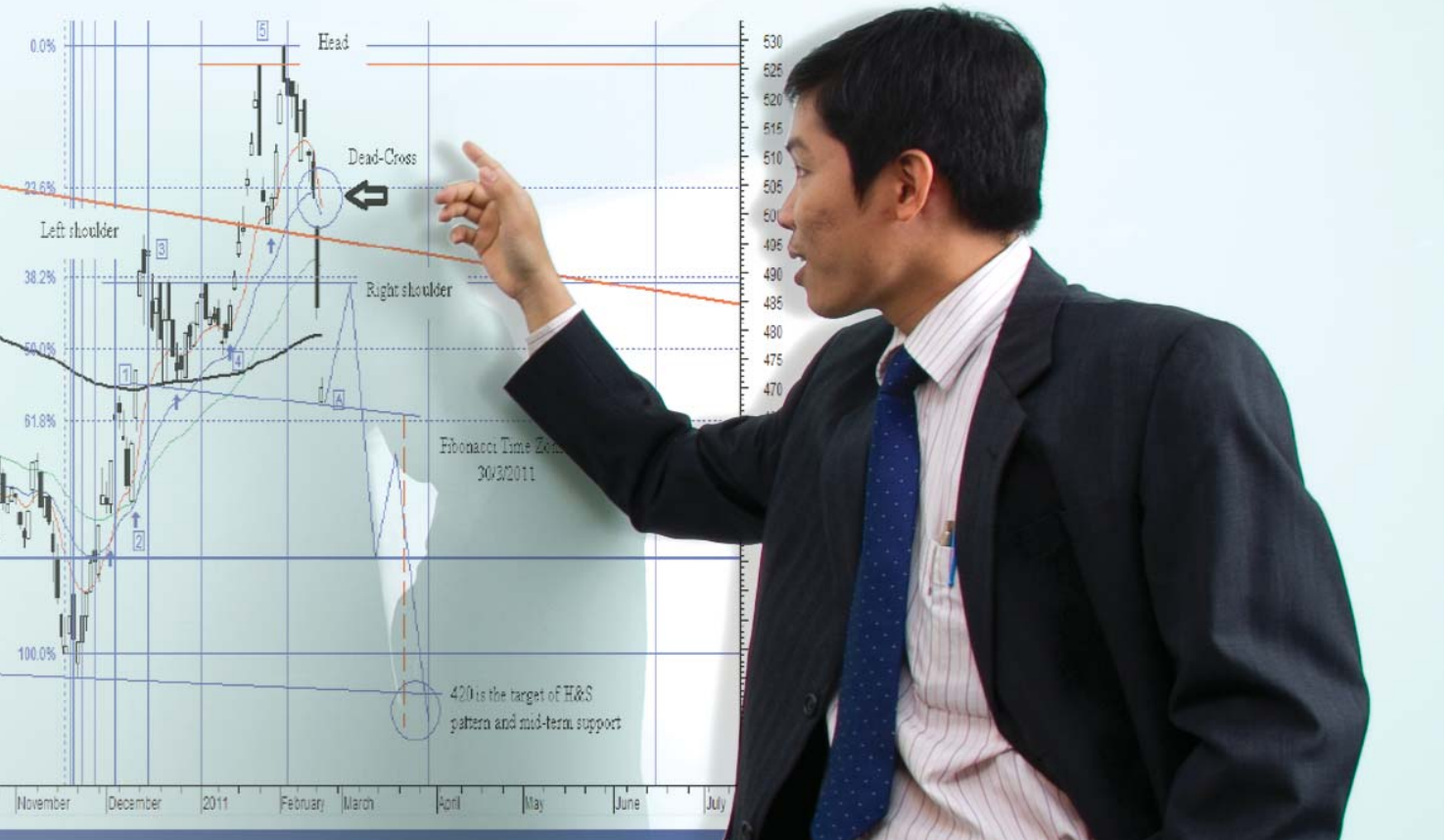
Mang tính chất khích lệ, một cuộc thi đã được khởi xướng giữa các nhóm sinh viên và các cá nhân. Nhóm và cá nhân đạt lợi nhuận cao nhất trong vòng 1 tháng sẽ nhận được giải thưởng bằng tiền mặt là 5 triệu đồng, và các giải khuyến khích trị giá 3 triệu đồng được trao cho những người về nhì. Mục tiêu của cuộc thi là để khuyến khích những sinh viên tham gia cùng nhau làm việc và lập chiến lược giao dịch chứng khoán; kết hợp những kỹ năng phân tích và những hiểu biết của họ về thị trường dựa vào kiến thức đã được học với các xu hướng hiện nay trên thị trường cũng như để làm quen với những vấn đề phức tạp trong hoạt động giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Bắt đầu bằng một tài khoản tiền mặt ảo sử dụng để kinh doanh chứng khoán, các sinh viên nỗ lực tạo ra danh mục đầu tư sinh lợi nhất qua việc sử dụng giao dịch mô phỏng giống như thực tế. Họ có thể mua và bán cổ phiếu trong thời gian giao dịch và đánh giá lại hiệu quả giao dịch của mình vào cuối mỗi ngày. Trong quá trình xây dựng danh mục đầu tư, các sinh viên nghiên cứu, định giá chứng khoán và đưa ra quyết định dựa trên những gì họ đã được học. Họ cùng làm việc trong các nhóm, thực hành





HO CHI MINH CITY SECURITIES CORPORATION



kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, đàm phán và hợp tác vì họ cần cạnh tranh để giành được vị trí cao nhất. Chương trình rất hấp dẫn và những kinh nghiệm thực tiễn mà họ trải qua là bài học tự nhiên cho người tham gia. Các sinh viên sau đó sẽ hiểu được về cách thức vận hành của nền kinh tế và những ảnh hưởng của nó đến lợi nhuận. Không chỉ cung cấp thêm kiến thức, những trải nghiệm từ thực tế này sẽ được các sinh viên áp dụng vào trong công việc hàng ngày ngay sau khi họ tốt nghiệp. Kết quả là họ sẽ nhận được sự đánh giá cao từ khách hàng, đồng nghiệp cũng như tạo được sự tin nhiệm đối với đội ngũ quản lý cấp cao của các công ty chứng khoán Việt Nam.

Việc nâng cao trình độ chuyên môn của những sinh viên tham gia chương trình này rõ ràng rất nổi bật vì chỉ trong vòng ba - bốn năm sau khi tốt nghiệp đại học, họ đã đảm nhận những vị trí quản lý cấp trung tại các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam; trong khi với hầu hết mọi sinh viên khác phải mất bảy tới mười năm để đạt được những vị trí như vậy.

Một trong những thành viên tích cực nhất của chương trình, Nguyễn Cảnh Thịnh - tốt nghiệp khoa Kinh tế Đại học Kinh tế & Luật - là người lãnh đạo nhóm tiên phong gồm 80 sinh viên đã tổ chức cuộc thi Sàn giao dịch chứng khoán ảo năm 2006. Theo Thịnh cho biết, cuộc thi này, ban đầu chỉ diễn ra trong một ngày (nhưng sau này là một tháng), thực sự rất có giá trị trong việc dạy cho sinh viên những kiến thức nền tảng về giao dịch chứng khoán. Hiện nay Thịnh đang áp dụng những kỹ năng làm việc nhóm, đàm phán, hợp tác và đặc biệt là kỹ năng lãnh đạo đã học được vào trong công việc hàng ngày với cương vị là Giám đốc phòng Giao dịch Lê Lai của HSC.

HSC vẫn thường xuyên quan tâm đầu tư vào việc đào tạo các chuyên gia tài chính tương lai cho Việt Nam, cấp học bổng và tạo các cơ hội thực tập cho những sinh viên ưu tú cũng như tài trợ cho cuộc thi Sàn giao dịch chứng khoán ảo được tổ chức hàng năm. HSC luôn tận tâm trong việc hỗ trợ kết nối sinh viên với các nguồn kiến thức để tạo điều kiện giúp họ phát huy khả năng ra ngoài phạm vi trường lớp và để họ có đủ năng lực nắm giữ những vị trí lãnh đạo khi gia nhập các doanh nghiệp.

## Hội đồng Quản trị



### Từ trái qua phải:

Bà Ngô Kim Liên  
Ông Lê Anh Minh  
Ông Đỗ Hùng Việt  
Ông Johan Nyvene  
Ông Hoàng Đình Thắng  
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc  
Ông Nguyễn Quyết Chiến

### **BÀ NGÔ KIM LIÊN**

#### **CHỦ TỊCH HĐQT**

Tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM, bà Liên đã từng đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính TP. HCM trong nhiều năm. Bà được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HSC vào năm 2007 và từ đó đến nay, bà đã có những đóng góp mang ý nghĩa thiết thực về mặt lãnh đạo công ty và về mặt định hướng chiến lược để phát triển HSC thành một công ty tư vấn và chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh đó, bà cũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản lý Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) từ tháng 3 năm 2010 đến nay.

### **ÔNG LÊ ANH MINH**

#### **PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyên là nghiên cứu sinh của học bổng Fulbright với bằng Cử nhân Đại học Ngân hàng và bằng sau đại học của Trường Quản trị Kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania - Mỹ. Ông bắt đầu sự nghiệp tại Công ty Tài chính Peregrine vào năm 1991 và sau đó gia nhập Ngân hàng Đại Nam với chức vụ Phó Giám đốc từ năm 1994 đến 1996. Ngoài ra, ông

cũng đã có 4 năm đảm nhận chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn Coca-Cola khu vực Đông Nam Á. Vào năm 2002, được bổ nhiệm làm Giám đốc Tập đoàn Tài chính Dragon, ông chịu trách nhiệm phụ trách các hoạt động tài chính của Tập đoàn.

### **ÔNG ĐỖ HÙNG VIỆT**

#### **PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**

Sau khi tốt nghiệp Đại học Luật Sài Gòn niên khóa 1972 - 1975, ông Việt nhận được Bằng Cử nhân Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế TP. HCM vào năm 1977 và bằng Quản trị Kinh doanh cùng trường vào năm 1995. Ông giữ chức vụ Trưởng phòng các nguồn vốn ủy thác của Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM từ năm 1998 đến năm 2002 và là một trong những thành viên tích cực của Ủy Ban điều hành thành lập HSC. Ông đã được bầu làm Giám đốc HSC từ năm 2003 đến năm 2006 và trở thành Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị từ giữa năm 2006 đến nay. Ông có những đóng góp quan trọng cho các hoạt động của HSC với kinh nghiệm dày dặn về quản lý vốn và thị

## Ban Kiểm soát



### Từ trái qua phải:

Ông Võ Văn Châu  
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ông Đoàn Văn Hình





trường chứng khoán.

**ÔNG JOHAN NYVENE**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính tại Đại học Philadelphia và Đại học La Salle thành phố Philadelphia, bang Pennsylvania - Mỹ. Sau 9 năm công tác tại Ngân hàng First Union (Wachovia) - Mỹ, ông tiếp tục giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng HSBC Việt Nam từ năm 1998 đến 2007. Ông còn là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Phòng Thương mại Hoa Kỳ (AMCHAM) tại Việt Nam. Năm 2007, ông gia nhập Tập đoàn Tài chính Dragon Capital đảm nhận cương vị Giám đốc sau 17 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng doanh nghiệp và ông đã được bổ nhiệm là thành viên của Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của HSC từ năm 2007 đến nay.

**ÔNG HOÀNG ĐÌNH THẮNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Với bằng Tiến sĩ Kinh tế học của Viện Kinh tế Trung Á, Taskent (Liên Bang Xô Viết cũ), ông Thắng đã giữ vị trí Trưởng phòng Kế hoạch của Quỹ

Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM (HIFU nay đổi tên thành HFIC) từ năm 1997. Trước đó, ông giữ chức vụ Phó phòng Đầu tư Công ty Lisin từ năm 1990 đến năm 1993. Ông đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp của HSC với vai trò là thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 6 năm 2007 bằng việc tổ chức những hoạt động đào tạo về tư vấn đầu tư, đấu thầu và quản lý dự án cũng như truyền đạt lại những kiến thức chuyên môn về Kinh tế và những kinh nghiệm làm việc tại các công ty nước ngoài.

**ÔNG PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Bắc tốt nghiệp bằng Cử nhân Kỹ thuật Ô tô tại Học viện Kỹ thuật Moscow năm 1984, bằng nghiên cứu sau đại học tại Học viện Luật Sở hữu Trí tuệ Moscow vào năm 1985, bằng Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội năm 1995 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Quản lý Henley tại London năm 2001. Ông đã giữ cương vị quan trọng như Chuyên viên pháp lý tại Cục Sáng chế - Bộ Khoa học và Công nghệ cũng như chức vụ Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc

thứ nhất và Luật sư của Tập đoàn InvestColsult Việt Nam. Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Luật Vision & Associates vào năm 1999. Ông trở thành thành viên của Hội đồng Quản trị HSC từ năm 2003 và đã có những đóng góp rất ý nghĩa cho HSC trong các lĩnh vực liên quan đến việc tuân thủ pháp luật.

**ÔNG NGUYỄN QUYẾT CHIẾN**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Ngay khi nhận được Bằng Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, ông Chiến đã giữ chức vụ Trưởng ban Tài chính Chứng khoán của Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM (HIFU nay đổi tên thành HFIC) từ năm 1997 đến năm 2006. Ông giữ chức vụ Giám đốc Kế hoạch và Hành chính tại Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM từ năm 2006. Ông được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị của HSC từ năm 2003 đến nay.

**ÔNG VÕ VĂN CHÂU**  
TRƯỞNG BAN

Trưởng Ban Kiểm soát của HSC và Cố vấn Ban Điều hành của Ngân hàng TMCP Đại Tín – TrustBank.

**BÀ NGUYỄN THỊ THANH VÂN**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của HSC và Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ của Công ty Thiên Phú.

**ÔNG ĐOÀN VĂN HÌNH**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của HSC và Giám đốc Tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op.

## Ban Điều hành

■  
**Ông Johan Nyvene**  
Tổng Giám đốc



■  
**Ông Trịnh Hoài Giang**  
Phó Tổng Giám đốc Điều hành



■  
**Ông Kelly Yin Hon Wong**  
Giám đốc Điều hành Bộ phận  
Tài chính Doanh nghiệp



■  
**Ông Phạm Minh Phương**  
Giám đốc Điều hành Bộ phận  
Tài chính Doanh nghiệp



### ÔNG JOHAN NYVENE TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nyvene được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị của HSC vào năm 2007 sau khi ông gia nhập Tập đoàn Tài chính Dragon Capital với cương vị Giám đốc. Dưới sự lãnh đạo của ông, HSC đã từng bước ổn định và phát triển bền vững, có mặt trong bảng xếp hạng các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam và hiện nay HSC xuất sắc đứng ở vị trí thứ 3 về thị phần. Những năm kinh nghiệm của ông trong hoạt động ngân hàng và tài chính tại Mỹ và Việt Nam đã giúp ông dẫn dắt đội ngũ lãnh đạo HSC thực hiện những cải tiến để giữ vững vị thế và tăng cường năng lực hoạt động của công ty.

### ÔNG TRỊNH HOÀI GIANG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin Đại học Công nghệ và chuyên ngành Tài chính Đại học Tài chính Kinh tế TP. HCM, ông Giang còn có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản trị Kinh doanh Toàn cầu Thunderbird tại Mỹ. Ông bắt đầu sự nghiệp tại ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) và được trao tặng học bổng chương trình Giảng dạy kinh tế Fulbright. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp tại Tập đoàn Tài chính Dragon Capital trước khi gia nhập HSC. Ngoài ra, ông là Phó chủ tịch HIệp hội trái phiếu Việt Nam.

### ÔNG PHẠM MINH PHƯƠNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

#### PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp cử nhân kinh tế trường Đại học Ngoại thương TP. HCM, ông Phương khởi đầu sự nghiệp tại Công ty Đầu tư và Thương mại PETEC. Sau đó, ông tiếp tục theo học tại trường Đại học Bentley, Boston, Hoa Kỳ, sở hữu hai bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Tài chính. Ông đảm nhận nhiều chức vụ quản lý cao cấp khác tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (HIFU nay đổi tên là HFIC) trước khi gia nhập vào HSC.

### ÔNG KELLY YIN HON WONG

#### GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

#### PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Kelly Wong tốt nghiệp trường đại học British Columbia - Canada với hai bằng cử nhân chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Quản trị hệ thống thông tin và nhận bằng Thạc sỹ Quản trị châu Á Thái Bình Dương từ Học viện Quản lý Quốc tế McRae Institute tại Canada năm 2004. Ông gia nhập Tập đoàn Pepsi Bottling Group với vai trò Đại diện Bán hàng năm 2002 sau khóa thực tập tại Công ty Zefer tại Boston - Mỹ, sau đó ông gia nhập HSBC Việt nam với trọng trách Trưởng phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp trước khi gia nhập HSC.





■ **Ông Johan Kruimer**  
Giám đốc Điều hành Bộ phận  
Khách hàng Tổ chức



■ **Ông Fiachra Mac Cana**  
Giám đốc Điều hành Bộ phận  
Khách hàng Tổ chức



■ **Ông Lê Công Thiện**  
Giám đốc Điều hành Bộ phận  
Khách hàng Cá nhân



■ **Ông Bạch Quốc Vinh**  
Giám đốc Điều hành  
khu vực phía Bắc

#### ÔNG LÊ CÔNG THIỆN

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Khoa Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Ngân hàng TP. HCM và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Maastricht - Hà Lan, ông Thiện đã giữ nhiều chức vụ cao trong ngành ngân hàng doanh nghiệp ở Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Deutsche Bank AG, Citibank và ANZ Việt Nam trước khi gia nhập HSC. Ông có bề dày 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, quản trị rủi ro và phát triển thị trường nội địa.

#### ÔNG BẠCH QUỐC VINH

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KHU VỰC PHÍA BẮC**

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế Ngoại thương trường Đại học Ngoại thương Hà Nội năm 2007 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính tại Đại học Oriwine - Vương quốc Anh năm 2009. Ông Vinh khởi nghiệp tại phòng Kinh doanh Công ty Coca Cola Hà Nội từ năm 1997 đến năm 2000. Ông đã giữ nhiều chức vụ quản lý tại Prudential Việt Nam như Trưởng nhóm Kinh doanh, Trưởng Ban Kinh doanh chi nhánh tại Hà Nội, Giám đốc văn phòng Tổng Đại Lý Prudential tại Nghệ An và Hà Tĩnh trước khi gia nhập HSC. Ông Vinh gia nhập HSC với chức danh Giám đốc Chi Nhánh Hà Nội vào tháng 6 năm 2007 trước khi được đề bạt vào vị trí Giám đốc Điều hành khu vực miền Bắc vào tháng 2 năm 2010.

#### ÔNG JOHAN KRUIMER

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC**

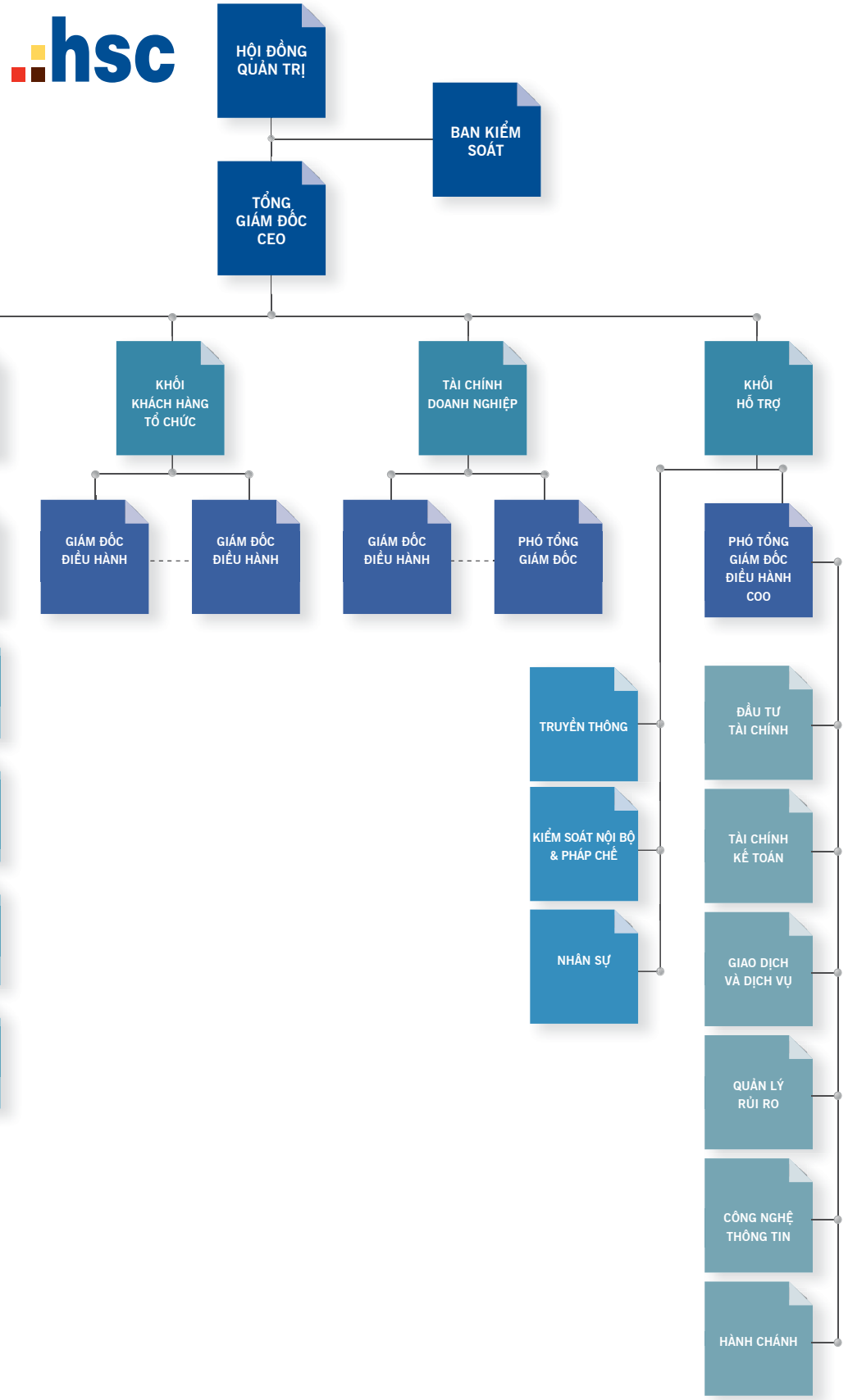
Là sáng lập viên của Asian Pacific Partners tại Amsterdam, ông Johan K. tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính & Đầu tư tại Free University of Amsterdam. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm về môi giới chứng khoán tại châu Âu và châu Á cũng như giữ các chức vụ quản lý cao cấp tại Pacific Basin Invest B.V., Ngân hàng ABN-AMRO và Krediet Bank Luxembourg trước khi gia nhập HSC.

#### ÔNG FIACHRA MAC CANA

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC**

Ông Fiachra M.C tốt nghiệp bằng Cử nhân Thương mại (Bằng danh dự) tại Dublin - Ireland và là người sáng lập mạng JCN Network - kênh cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính hàng đầu tại Nhật Bản. Ông được tạp chí Asia Money xếp hạng là 1 trong 15 chuyên gia phân tích chiến lược hàng đầu của Nhật Bản vào năm 2003. Ông đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư tại London và Tokyo và đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu của Quỹ Đầu tư Vinacapital. Sau đó, ông đã đảm trách cương vị Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Môi giới của Công ty Chứng khoán Vina Securities trước khi gia nhập HSC.

# Sơ đồ tổ chức







## Năng lực cốt lõi

Việc không ngừng nâng cấp cải tiến hệ thống đã giúp HSC đạt được tốc độ đặt lệnh cao nhất và giúp cho khách hàng giao dịch với thời gian nhanh nhất có thể.

## CÔNG NGHỆ

Với nhận thức công nghệ thông tin là công cụ tối quan trọng để kết nối các giao dịch, công ty đã không ngừng nâng cao năng lực về công nghệ để có thể rút ngắn thời gian giao dịch và bảo đảm giao dịch an toàn hơn cho các khách hàng năng động và hiện đại ngày nay.

HSC đã cung cấp cho khách hàng những phương thức giao dịch mới tiện lợi, dễ sử dụng và đảm bảo an toàn trên điện thoại di động và Internet. Với sự ra đời ứng dụng giao dịch trên điện thoại di động của HSC, khách hàng có thể nhận được thông tin trực tiếp từ các sàn giao dịch giúp họ quyết định nhanh để tận dụng các cơ hội hay tránh được tổn thất. Đồng thời, HSC cũng tạo điều kiện chuyển khoản và mở tài khoản trực tuyến nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thuận tiện trong giao dịch.

Sự gia tăng giao dịch trực tuyến trong năm 2010 cũng cho thấy xu hướng thay đổi thói quen giao dịch qua Internet của khách hàng hiện nay. Với ưu tiên hàng đầu cho tính tiện lợi và an toàn, HSC đã chứng tỏ khả năng vượt trội của hệ thống giao dịch qua mạng của mình một cách thuyết phục nhất qua số lượng giao dịch trực tuyến đạt tới 50% so với mức 35% của năm ngoái.

Trong năm 2010, HSC đã đầu tư nâng cấp hệ thống hỗ trợ giao dịch có tên G3B để thực hiện được nhiều chức năng hơn ngoài việc thanh toán bù trừ và lưu ký chứng khoán. Cho đến nay, hệ thống G3B này đã đem lại những tính năng tiên tiến cho phép khách hàng truy cập hệ thống và theo dõi trực tiếp một hay nhiều tài khoản thông qua một mô hình kết nối giữa tài khoản và khách hàng. Được phát triển vào đầu năm 2010, hệ thống đã trải qua giai đoạn thử nghiệm trong tháng 9 và chạy song song vào tháng 12 trước khi chạy chính thức vào tháng 2 năm 2011. Cùng với việc theo dõi tài khoản đảm bảo bằng tên người sử dụng được cá nhân hoá và mật khẩu, G3B còn đặt nền tảng cho các dịch vụ trực tuyến sau này như thực hiện quyền và đăng ký đầu giá.

Trụ sở mới của HSC tại toà nhà AB Tower gồm có Trung tâm Dữ liệu Công nghệ Thông tin với hơn 40 máy chủ IBM và cơ sở hạ tầng được nâng cấp phù hợp với các tiêu chuẩn công nghệ thông tin quốc tế cấp độ 3. Việc không ngừng nâng cấp cải tiến hệ thống đã giúp HSC đạt được tốc độ đặt lệnh cao nhất và giúp cho khách hàng giao dịch với thời gian nhanh nhất có thể.

HSC cũng đã tăng cường khả năng phục hồi và an ninh của các mạng chi nhánh, tạo hạ tầng kết nối ổn định trong trường hợp mất điện hoặc sự cố hệ thống bằng cách cho phép truy cập Internet sử dụng công nghệ mạng ảo riêng (VPN), đảm bảo các chi nhánh duy trì mạng trực tuyến kể cả khi mất điện đột xuất.

Hệ thống VIS, cổng thông tin giao dịch của HSC, cũng đã được nâng cấp tính năng vào năm 2010 với công nghệ heat map thể hiện xu hướng biến động cổ phiếu và những thay đổi thị trường. VIS cũng có thể cảnh báo sự dao động trong Chỉ số Index và Khối lượng giao dịch đột biến trong thị trường.



HSC đã cung cấp cho khách hàng những phương thức giao dịch mới tiện lợi, dễ sử dụng và đảm bảo an toàn trên điện thoại di động và Internet.



## Năng lực cốt lõi

HSC đặc biệt chú trọng đến chất lượng các sản phẩm nghiên cứu và đặt mục tiêu cung cấp thường xuyên các báo cáo hữu ích và đáng tin cậy cho khách hàng mỗi ngày. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao để thực hiện mục tiêu này.

## NGHIÊN CỨU

Khách hàng luôn có thể tiếp cận trực tiếp với các phân tích viên và các chuyên gia để được cung cấp những nghiên cứu chuyên sâu và nhiều thông tin hữu ích giúp họ đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn.

Năng lực nghiên cứu của HSC trong ngành đã được khách hàng công nhận rộng rãi. Năm 2010, HSC được Hãng thông tấn quốc tế Thomson Reuters xếp vị trí thứ nhất tại Việt Nam và thứ 19 trong danh sách các công ty chứng khoán hàng đầu tại khu vực châu Á Thái Bình Dương (không tính Nhật Bản) về nghiên cứu thị trường châu Á. HSC cũng là đại diện duy nhất của Việt Nam lọt vào top 20 công ty chứng khoán hàng đầu tại khu vực châu Á Thái Bình Dương, sánh vai cùng các tổ chức đa quốc gia lừng danh. Sự công nhận này khiến HSC cam kết mạnh mẽ hơn trong việc cung cấp các nghiệp vụ nghiên cứu tốt nhất cho khách hàng nhằm nâng cao chất lượng và mức độ tin cậy lên một tầm cao mới.

Cuối năm 2010, HSC đã sáp nhập Phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức và Phòng Nghiên cứu thành Khối Khách hàng Tổ chức. Việc tái cơ cấu này sẽ giúp các nhân viên phân tích phối hợp trực tiếp với các nhân viên quản lý khách hàng để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu cụ thể của từng khách hàng. Khách hàng luôn có thể tiếp cận trực tiếp với các phân tích viên và các chuyên gia để được cung cấp những nghiên cứu chuyên sâu và nhiều thông tin hữu ích giúp họ đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn.

Đội ngũ nghiên cứu hiện nay gồm 10 nhân viên phân tích ngành cùng với một nhóm 3 chuyên gia kinh tế vĩ mô, chuyên gia trái phiếu hoạt động dưới sự điều hành của Kinh tế gia trưởng và báo cáo trực tiếp cho Giám đốc Nghiên cứu. Ngoài ra, HSC còn có một nhóm nhỏ phụ trách lập báo cáo nhằm đảm bảo cho ra đời các bản báo cáo ấn tượng về mặt hình thức.

Hiện nay, HSC có 6 loại báo cáo thường kỳ: Bản tin ngày HSC, Báo cáo Phân tích công ty cơ bản; Báo cáo Phân tích công ty cập nhật, Báo cáo Chiến lược; Báo cáo Phân tích Ngành và Báo cáo Kinh tế Vĩ mô & Báo cáo thị trường Trái phiếu hàng tuần. Mới đây, HSC vừa xuất bản một nghiên cứu gồm 200 trang về ngành Ngân hàng Việt Nam và đây được xem là nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên thuộc lĩnh vực này. Đồng thời, bộ phận nghiên cứu cũng thường xuyên cung cấp các email/thư điện tử cập nhật thông tin hàng ngày để giúp khách hàng nắm được các diễn biến mới nhất của thị trường và doanh nghiệp.

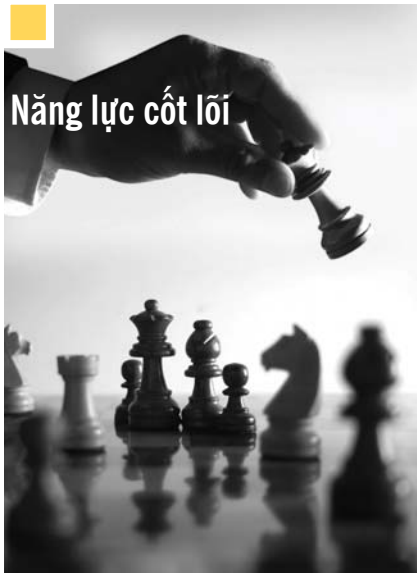
Thế mạnh của nhóm nghiên cứu xuất phát từ mối liên lạc thường xuyên giữa HSC với các doanh nghiệp – người cung cấp thông tin cho HSC, và khách hàng – người luôn đặt ra các câu hỏi thú vị. Độ giả của HSC liên tục đòi hỏi đội ngũ nghiên cứu phải nỗ lực hơn và cung cấp các sản phẩm tốt hơn; chính điều này là chìa khóa khiến chúng tôi không ngừng cải tiến hoàn thiện.

Một sản phẩm mới được đưa ra thị trường vào năm ngoái, Báo cáo Thị trường Trái phiếu là một bản tin tuần tập trung vào thị trường tiền tệ, trái phiếu và ngoại hối đang bùng nổ do một chuyên gia kinh tế cao cấp đã từng được học bổng Fulbright phụ trách. Bộ phận Nghiên cứu cũng hỗ trợ nghiệp vụ cho khối Khách hàng Cá nhân để phát triển các báo cáo cô đọng, súc tích trong phạm vi một trang giấy cho các khách hàng cá nhân tham khảo.

Chính khả năng dự báo nhu cầu của khách hàng và sự nỗ lực không ngừng cải tiến cho phù hợp với các nhu cầu đó đã phân biệt HSC với các công ty khác và giúp công ty phát triển nhanh chóng trong ngành công nghiệp tri thức này.







## Năng lực cốt lõi

Trình độ chuyên môn, đạo đức và tinh thần lãnh đạo là những đức tính mà HSC yêu cầu phải có ở đội ngũ nhân viên. Công ty giúp cho nhân viên của mình phát triển thông qua những tình huống nâng cao kỹ năng, các cuộc hội thảo đào tạo về quản lý và tinh thần lãnh đạo.

## NGUỒN NHÂN LỰC

HSC hoạt động trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực, do đó nguồn nhân lực là một trong những tài sản quý giá nhất của Công ty. Phương thức Quản trị tập thể là nhân tố chính tạo nên sự tăng trưởng. Các thể mạnh và năng lực của đội ngũ lãnh đạo được kết hợp tạo nên sức mạnh tổng hợp, để khởi xướng và thực hiện các hoạt động thiết thực nhằm hướng đến những thách thức và cơ hội lớn hơn qua đó mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

HSC cũng rất chú trọng đến việc thu hút và duy trì nguồn nhân lực cốt lõi. Thù lao và phúc lợi cho nhân viên tại HSC ở mức cao so với các công ty khác trong ngành, quan trọng hơn HSC còn cung cấp cho nhân viên một môi trường làm việc năng động, khuyến khích hình thức làm việc theo nhóm và khơi dậy khả năng sáng tạo, giúp họ chủ động nắm bắt và phát triển các kỹ năng lãnh đạo cần thiết. Ngoài ra, HSC còn triển khai một hệ thống chính sách nhân lực tiên tiến nhằm thu hút nhân viên và mang lại thu nhập thỏa đáng cho nhân viên dựa trên hiệu quả công việc.

Một trong những chính sách này là Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho nhân viên (ESOP), trong đó những nhân viên có đủ điều kiện sẽ được quyền sở hữu các cổ phần của công ty như là phần thưởng cho thành quả lao động của họ, một hình thức công nhận sự đóng góp có giá trị của họ với công ty. Một chính sách khác là Chương trình chăm sóc sức khỏe cao cấp, chế độ bảo hiểm y tế toàn diện với tất cả nhân viên chính thức và cả gia đình của họ, trong đó HSC thanh toán 100% phí bảo hiểm cho nhân viên và 50% cho những thành viên trong gia đình.

HSC khuyến khích, đào tạo và bồi dưỡng cho các nhân viên có tiềm năng để trở thành những nhà lãnh đạo trong tương lai. Trình độ chuyên môn, đạo đức và tinh thần lãnh đạo là những đức tính mà HSC yêu cầu phải có ở đội ngũ nhân viên. Công ty giúp cho nhân viên của mình phát triển thông qua những tình huống nâng cao kỹ năng, các cuộc hội thảo đào tạo về quản lý và tinh thần lãnh đạo.

Các hoạt động tập thể như các cuộc họp hàng quý, hàng năm, chương trình xây dựng đội nhóm và Ngày gia đình HSC nhằm tăng cường tinh thần hợp tác, kỹ năng giao tiếp ứng xử và tinh đoàn kết giữa các phòng ban được tất cả nhân viên hưởng ứng nồng nhiệt và nhiệt tình tham gia. HSC cũng tích cực tham gia vào các sự kiện thể thao và văn hóa được tổ chức bởi các đơn vị khác như Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM, Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP. HCM. HSC cũng đề cao triết lý làm việc lấy khách hàng làm trung tâm và hướng đến tính chuyên nghiệp, uy tín thể hiện ở mỗi nhân viên. Nhân viên được đào tạo để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, cả nội bộ và bên ngoài, để lắng nghe, hiểu và cung cấp các giải pháp kịp thời. Triết lý phục vụ này đảm bảo rằng khách hàng có được sự chăm sóc tốt nhất và nhân viên có đủ năng lực cung cấp các cam kết nhất quán trong công việc hàng ngày.



Đội ngũ nhân viên của HSC được đào tạo để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng cả trong nội bộ lẫn bên ngoài tổ chức, để lắng nghe, hiểu và cung cấp các giải pháp kịp thời.

|                    | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 |
|--------------------|------|------|------|------|------|
| Số lượng nhân viên | 81   | 112  | 171  | 212  | 416  |

## Quản lý Rủi ro & Quản trị Doanh nghiệp



HSC đã thiết lập một hệ thống quản lý rủi ro vững chắc, giúp dự báo và hạn chế rủi ro thông qua quy trình kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh và công tác quản trị.

Một quy trình kiểm soát rất chặt chẽ được áp dụng tại HSC với mục tiêu cao nhất là bảo vệ uy tín và sự tin cậy của các đối tác, khách hàng, cổ đông dành cho công ty.



Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động, HSC cũng phải đối mặt với một số nhân tố rủi ro đòi hỏi phải có các quy trình kiểm soát để hạn chế hoặc loại bỏ các khả năng làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Công ty. Những rủi ro về thị trường, tính thanh khoản, tín dụng cũng như những rủi ro về hoạt động, uy tín, luật pháp và quy định là cố hữu trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhưng điều đó không có nghĩa là Công ty không chuẩn bị kế hoạch phòng ngừa rủi ro.

HSC đã thiết lập một hệ thống quản lý rủi ro vững chắc, giúp dự báo và hạn chế rủi ro thông qua quy trình kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh và công tác quản trị. Hội đồng quản lý rủi ro bao gồm các thành viên có năng lực chuyên môn cao, thường xuyên họp với Ban lãnh đạo để thảo luận và điều chỉnh kịp thời các chính sách nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Những thay đổi này phải tuân thủ những quy định pháp luật mới cũng như tình hình thị trường trong và ngoài nước.

Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp được HSC đặt lên vị trí hàng đầu trong tất cả các hoạt động nội bộ cũng như bên ngoài. Một quy trình kiểm soát rất chặt chẽ được áp dụng tại HSC với mục tiêu cao nhất là bảo vệ uy tín và sự tin cậy của các đối tác, khách hàng, cổ đông dành cho công ty.

Để đảm bảo tính khách quan, cơ cấu Hội đồng Quản trị của HSC bao gồm các thành viên độc lập và vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị tách biệt với vai trò Tổng Giám đốc Điều hành. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm giám sát hoạt động tài chính của công ty và đề ra các chính sách tăng cường hiệu quả kinh doanh.

Vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành - do ông Trịnh Hoài Giang đảm nhận - là một vị trí mới được bổ nhiệm nhằm tập trung vào việc quản lý rủi ro và cải tiến hoạt động. Tất cả các Giám đốc Điều hành đều đồng thời tham gia vào vai trò lãnh đạo Công ty ngoài nhiệm vụ chuyên môn và hỗ trợ hoạt động của các bộ phận. Các Giám đốc điều hành tham gia vào những Hội đồng khác nhau để quản lý rủi ro trong tín dụng, đầu tư và các lĩnh vực khác.

Quản trị Doanh nghiệp ở HSC đóng vai trò sống còn trong việc tạo ra tăng trưởng bền vững và phát triển Công ty trong tương lai. HSC áp dụng những quy trình rõ ràng giữa khối kinh doanh và khối hỗ trợ để kiểm tra hợp lý và cân bằng mọi giao dịch. HSC cũng đảm bảo tính minh bạch trong việc báo cáo và thông tin phản hồi. Những hoạt động này nhằm duy trì sự tin cậy của các cổ đông và khách hàng, đồng thời tăng cường uy tín mà HSC đã tạo dựng được.





Website [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn) là cổng thông tin chính kết nối các nhà đầu tư với các thông tin cần thiết có liên quan đến hoạt động và chiến lược của HSC.

#### Thu hút các nhà đầu tư

Năm 2009, HSC chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán là HCM. HSC đã gây ấn tượng mạnh mẽ và lập kỉ lục với giá niêm yết tăng từ 27.000 đồng lên đến 120.000 đồng chỉ trong 20 ngày sau khi xuất hiện lần đầu tiên trên sàn giao dịch. Làn sóng các nhà đầu tư mới đã thúc đẩy HSC thành lập bộ phận quan hệ với các nhà đầu tư chịu trách nhiệm liên hệ giải quyết các yêu cầu và các vấn đề có liên quan.

Website [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn) là cổng thông tin chính kết nối các nhà đầu tư với các thông tin cần thiết có liên quan đến hoạt động và chiến lược của HSC. Website với trang Quan hệ cổ đông được trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và được cập nhật thường xuyên cung cấp kịp thời thông tin về kết quả kinh doanh cũng như các bước phát triển quan trọng khác của Công ty.

Là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, HSC thường xuyên tiếp xúc với các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tạo dựng các mối quan hệ hợp tác và tăng cường, củng cố thêm năng lực của công ty.

#### Duy trì tốt công tác quản trị doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của HSC gồm có 7 thành viên trong đó có 6 thành viên độc lập không tham gia công tác điều hành, 3 thành viên của Ban Kiểm soát cũng hoạt động độc lập và không tham gia điều hành. Trong số các thành viên của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát có 5 thành viên đã có chứng chỉ khóa đào tạo quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức. Số lượng cao các thành viên độc lập và vai trò tách biệt của Chủ tịch HĐQT với Tổng Giám đốc điều hành là tuân thủ theo chuẩn mực quốc tế để đảm bảo hiệu quả công tác quản trị công ty. Sơ lược tiểu sử của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được trình bày từ trang 32 đến trang 35.

Thù lao, HĐQT và Ban Kiểm soát được chi trả theo Nghị quyết số 02-2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2007 được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2006. Năm 2010, tổng thù lao mà HĐQT nhận được là 425.866.688 đồng và Ban Kiểm soát nhận được là 186.660.000 đồng.

HSC luôn duy trì tiêu chuẩn tốt nhất trong công tác quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông cũng như đảm bảo sự tăng trưởng liên tục và bền vững của công ty trong tương lai.





Mục tiêu của HSC là chia sẻ thành công và đóng góp cho sự phát triển của xã hội thông qua các hoạt động từ thiện để giúp đỡ những đối tượng kém may mắn. Trong nhiều năm qua, HSC đã tham gia vào chương trình Saigon Cyclo Challenge được tổ chức vào tháng 4 hàng năm





 với Cộng đồng

Đội ngũ nhân viên HSC cũng tham gia vào sự kiện toàn cầu bảo vệ môi trường - Giờ Trái đất - được tổ chức bởi Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên WWF. Trong ngày của sự kiện vào tháng 3 hàng năm, nhân viên HSC đã cùng tham gia với hàng triệu người trong thành phố và trên khắp thế giới, đồng loạt tắt đèn trong một giờ đồng hồ từ 20h30. Đây chính là lời cam kết của HSC nhằm hạn chế sự biến đổi của khí hậu toàn cầu.

Kết nối Doanh nghiệp  
với Cộng đồng



## Các hoạt động hướng đến cộng đồng Tạo ra sự cân bằng giữa Con người, Môi trường và Lợi nhuận

---

HSC là một trong những thành viên danh dự tham gia cuộc đua xích lô từ thiện Saigon Cyclo Challenge từ năm 2008. Đội ngũ nhân viên HSC cũng tham gia vào sự kiện toàn cầu về bảo vệ môi trường, “Giờ Trái đất” được tổ chức bởi Quý Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên WWF.

Đã hoạt động được 11 năm, Quỹ từ thiện Saigon Cyclo Challenge là nơi kết nối các công ty và các tổ chức lại với nhau trong niềm vui cùng nhiều hoạt động vì một xã hội tốt đẹp hơn. Được tổ chức bởi Hội từ thiện Trẻ em Sài Gòn (SCC), sự kiện hàng năm này đã nhanh chóng phát triển thành một hoạt động thể thao quan trọng trong chương trình công tác của Hội Từ thiện thành phố và đã thu hút ngày càng nhiều người tham gia. Tiền quyên góp được từ sự kiện này được sử dụng để hỗ trợ các chương trình giáo dục của SCC giúp đỡ những trẻ em kém may mắn tại Việt Nam.

Ngoài mục đích nhân đạo, Saigon Cyclo Challenge còn là nơi xây dựng tinh thần làm việc đội nhóm và hợp tác cho các doanh nghiệp và tổ chức. Mỗi nhà tài trợ cử một nhóm đại diện tham gia cuộc đua và các thành viên khác trong công ty sẽ cổ vũ, hỗ trợ cho họ.

Sự kiện này đã đạt được những thành tựu đặc biệt. Trong mười năm qua, hoạt động được đông đảo mọi người biết đến này đã giúp 40.000 học sinh được tiếp tục đến trường, xây dựng được 225 lớp học và mang





đến 1.960 khóa đào tạo nghề cho trẻ em. Sự kiện năm 2010 - được tổ chức ở Trường Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh - là chương trình kỷ niệm 10 năm hoạt động của Quỹ từ thiện Cyclo Challenge đã tập hợp được gần 50 nhóm đến từ các doanh nghiệp, trường học, lãnh sự quán và các tổ chức khác tại TP. HCM. HSC là một trong những thành viên danh dự tham gia cuộc đua xích lô từ thiện Saigon Cyclo Challenge từ năm 2008.

Đội ngũ nhân viên HSC cũng tham gia vào sự kiện toàn cầu bảo vệ môi trường, “Giờ Trái đất” được tổ chức bởi Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF). Sự kiện này được khởi xướng tại Sydney, Úc vào năm 2007, nơi có 2,2 triệu cá nhân và hơn 2.000 doanh nghiệp đã cùng nhau tắt đèn trong một giờ để giảm thiểu sự biến đổi khí hậu.

Sự kiện này hiện đã trở thành một hoạt động toàn cầu trong đó hàng triệu người trên khắp thế giới tập trung lại trong giờ này để tham gia các hoạt động và tham dự các hội thảo đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường cũng như nhận thức về những tác động nguy hiểm của hiện tượng nóng lên trên toàn cầu. Những biểu tượng như Cầu Golden Gate ở vịnh San Francisco và Cầu Cảng Sydney chìm trong bóng tối trong vòng một giờ để ủng hộ cho sự kiện toàn cầu này. Năm 2010, một kỷ lục được lập nên khi 128 nước trên khắp thế giới đã tham gia sự kiện “Giờ Trái đất”; tại Việt Nam, phong trào này cũng phát triển ngày càng mạnh và để góp phần nâng cao nhận thức về môi trường, nhân viên của HSC cũng tham gia Giờ Trái đất cùng với chương trình.

## Kết nối Cộng đồng, Đóng góp Giá trị



HSC nuôi dưỡng sự tin nhiệm bằng việc gương mẫu trong các hoạt động cộng đồng, gắn bó, có trách nhiệm với môi trường và xã hội để qua đó làm nổi bật những giá trị đóng góp của công ty.

**Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển cộng đồng, HSC xúc tiến nhiều hoạt động mang tính cộng đồng và khuyến khích nhân viên tham gia tích cực, có thể kể đến như hỗ trợ cho các nạn nhân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thăm hỏi những người nghèo cao tuổi và trẻ em bị bệnh ung thư. HSC cũng duy trì những hoạt động thân thiện với môi trường để đảm bảo tính bền vững của các chính sách quản lý nguồn lực của công ty.**

### Hướng đến cộng đồng

Ngoài việc thường xuyên tham gia vào chương trình gây quỹ từ thiện Saigon Cyclo Challenge và Giờ Trái đất, HSC còn tham gia vào các hoạt động từ thiện khác. Trong năm 2010 và đầu năm 2011, nhiều hoạt động từ thiện đã được tổ chức để hỗ trợ những đối tượng kém may mắn trong cộng đồng. Ngày 8/8/2010, nhân viên của HSC cùng với gần 10.000 người tập trung tại trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia vào chương trình đi bộ nhằm ủng hộ cho các nạn nhân chất độc màu gia cam (Dioxin) do Hội Chữ thập đỏ tổ chức.

Vào tháng 10 năm 2010, Hà Tĩnh, (tỉnh miền Trung cách Hà Nội 340km về phía Nam) bị chìm trong đợt lũ có sức tàn phá nặng nề và gây ra những thiệt hại ước tính hàng chục tỉ đồng. HSC đã gửi đội cứu trợ của mình đến tận nơi để kịp thời hỗ trợ cho các nạn nhân, cùng phối hợp với chính quyền địa phương để giúp những người bị ảnh hưởng bởi trận lũ có thể tiếp tục cuộc sống của họ.

Đầu năm 2011, nhân viên HSC đã tổ chức chuyến thăm hỏi, tặng quà Tết cho những người cao tuổi không nơi nương tựa sống tại Chùa Lâm Quang (Quận 8) và cho những trẻ em mắc bệnh ung thư tại Trung tâm Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện Công ty cũng đã trao những bao lì xì may mắn cho các cụ già và em nhỏ để mừng Tết cổ truyền. Chương trình này đã gắn kết các nhân viên ở nhiều phòng ban khác nhau và tạo điều kiện để họ có cơ hội chia sẻ với cộng đồng thông qua việc giúp đỡ những số phận kém may mắn trong xã hội.





## Trách nhiệm đối với xã hội

hsc

HSC thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm bớt các tác động của con người lên môi trường để qua đó phát triển công ty trở thành một doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Các phương pháp bảo tồn năng lượng và tái chế đã được thực thi nhằm đảm bảo rằng mỗi nhân viên đều góp phần vào việc giảm bớt rác thải ngay tại nơi làm việc của mình.

### Bảo vệ môi trường

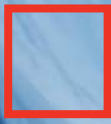
HSC thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm bớt các tác động của con người lên môi trường để qua đó phát triển công ty trở thành một doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Các phương pháp bảo tồn năng lượng và tái chế đã được thực thi nhằm đảm bảo rằng mỗi nhân viên đều góp phần vào việc giảm bớt rác thải ngay tại nơi làm việc của mình.

Các nhân viên được khuyến khích đề xuất những biện pháp nhằm mang đến lợi ích cho môi trường theo tiêu chí 3R (Giảm thiểu, Tái sử dụng và Tái chế) và những đề xuất mang tính khả thi được thực hiện như là một chính sách để tiếp tục cải thiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

### Giá trị của các công tác từ thiện

Với vai trò là một công ty chứng khoán hàng đầu, HSC luôn coi giá trị cao nhất là sự tín nhiệm có được từ cộng đồng, các cổ đông, khách hàng, đối tác và nhân viên. HSC nuôi dưỡng sự tín nhiệm này bằng việc gương mẫu trong các hoạt động, gắn bó, có trách nhiệm với môi trường và xã hội qua đó làm nổi bật những giá trị đóng góp của công ty đồng thời nhận được sự ủng hộ của nhân viên, khách hàng, đối tác, ngành, cộng đồng và Chính phủ.





## Kết nối Việt Nam



Với vai trò là một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, có thể nói, HSC là “đại diện” giới thiệu Việt Nam đến với thế giới. Trong sự hợp tác với các công ty chứng khoán lớn tại các thị trường hàng đầu như Mỹ, Hồng Kông và Singapore, HSC đã góp phần liên kết các nhà đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước







Công ty đã hợp tác với Auerbach Grayson & Co., một công ty môi giới chứng khoán có trụ sở tại New York chủ yếu giao dịch cổ phiếu với các công ty có trụ sở ngoài nước Mỹ, để tổ chức một chuỗi các sự kiện lưu động trong năm 2010 nhằm thu hút các cơ hội đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại.

Kết nối Việt Nam  
với Thế giới

với Thế giới

A  
TOWER



## Kết nối Việt Nam và thế giới

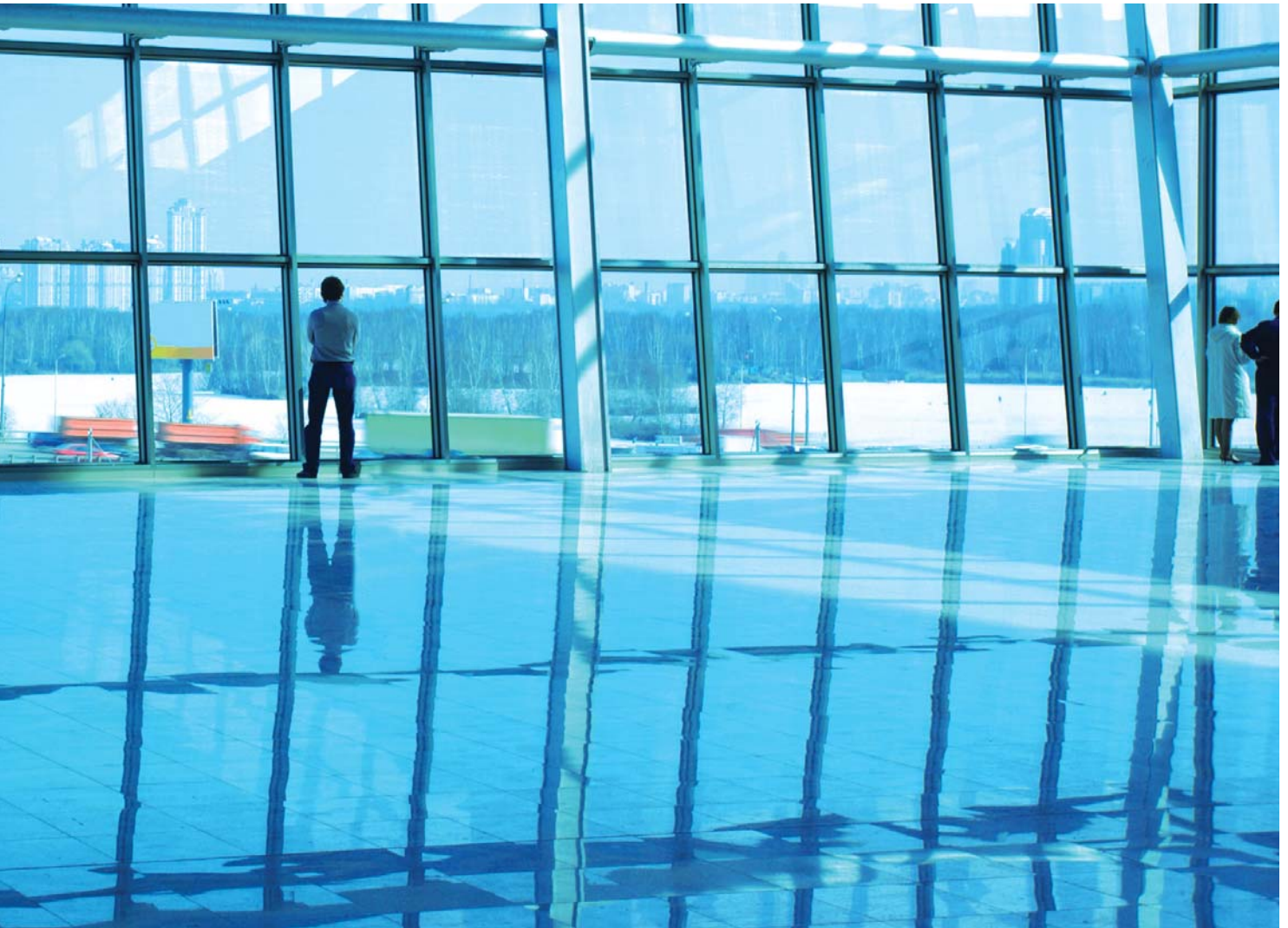
---

HSC đã tận dụng triệt để tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và đã không ngừng đem đến cho các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước những cơ hội đầu tư tốt nhất tại Việt Nam trong những năm qua.

Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất trên thế giới. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt được sự tăng trưởng đáng kinh ngạc. Và bất chấp những sự bất cân đối còn tồn tại, nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong những năm tới. GDP tăng trưởng 6,78% trong năm 2010 và từ năm 2011 trở về sau, triển vọng vẫn rất sáng lạn.

Triển vọng lạc quan này đã thu hút một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tất cả các ngành của nền kinh tế trong thập kỷ qua. Đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) cũng đạt khá cao trong những năm qua mặc dù dòng vốn này không ổn định (xét về dòng vốn thuần đưa vào nền kinh tế). FII đã tăng mạnh trong năm 2010, đạt 600 triệu USD, và đây là một sự khẳng định rõ ràng cho việc Việt Nam vẫn là một trong những điểm đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Những nỗ lực mới đây của Chính phủ Việt Nam nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và giảm bớt sự kiểm soát đối với nền kinh tế sẽ tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài đang tìm kiếm những cơ hội đầu tư dài hạn.





HSC đã tận dụng triệt để tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và đã không ngừng đem đến cho các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước những cơ hội đầu tư tốt nhất tại Việt Nam trong những năm qua. Mạng lưới các khách hàng tổ chức của chúng tôi đã không ngừng được mở rộng và mối quan hệ đối tác chiến lược của chúng tôi với Auerbach Grayson – một công ty chứng khoán chuyên hoạt động tại các thị trường mới nổi, có trụ sở tại thành phố New York, Mỹ đã chứng tỏ một bước tiến quan trọng của HSC trong việc đa dạng hóa khách hàng của mình. Trong năm 2010, đã có nhiều buổi giới thiệu cơ hội đầu tư được tổ chức tại châu Á, Hoa Kỳ và Châu Âu. Chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng những hoạt động này vì HSC luôn tâm niệm rằng sẽ ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài chọn Việt Nam làm điểm đến đầu tư.

Để giữ vững vị thế là một trong những công ty đứng đầu về mảng môi giới cho các khách hàng tổ chức trong cũng như ngoài nước, chúng tôi cần đến một tư duy có tính toàn cầu. Chúng tôi cần sự sáng tạo, cần khả năng theo kịp với những tiêu chuẩn kinh doanh quốc tế và phải luôn chuẩn bị cho mình để sẵn sàng đón đầu những xu thế trong tương lai. Do đó, HSC đã thiết lập bộ phận phân tích trái phiếu mặc dù thị trường trái phiếu của Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn sơ khai. Điều này tạo ra ưu thế cạnh tranh đồng thời nâng cao chuyên môn của chúng tôi trong việc phục vụ các nhà đầu tư tổ chức trên thị trường trái phiếu

HSC đã tạo lập được uy tín khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng tổ chức, cả về mặt môi giới và nghiên cứu phân tích. Và để giữ được ưu thế cạnh tranh của mình, HSC sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực cho bộ phận khách hàng tổ chức.



Bộ phận Khách hàng Cá nhân của HSC đạt mức tăng trưởng 26% về dịch vụ môi giới được phản ánh thông qua giá trị giao dịch khớp lệnh là 52,2 nghìn tỷ đồng trong năm 2010.





2010 là một năm đáng ghi nhận về mặt hiệu quả hoạt động của HSC. Ngoài việc gặt hái được sự công nhận cả ở Việt Nam và nước ngoài, HSC vẫn tiếp tục cải thiện thành tích của mình từ nhiều năm qua, mặc dù những khó khăn như tình hình khôi phục kinh tế vẫn diễn ra ở dưới mức trung bình và các biến động bất thường về tỷ giá đã hạn chế việc thực hiện kế hoạch năm của HSC.

### Tăng trưởng ấn tượng trong dịch vụ môi giới

Các con số do HOSE và HNX công bố cho thấy tổng giá trị khớp lệnh của hai sàn giao dịch trong năm 2010 xấp xỉ 621 nghìn tỉ đồng, giảm nhẹ so với 630 nghìn tỉ đồng năm 2009. Bất chấp sự sụt giảm này, khối Khách Hàng Cá Nhân của HSC đã đạt được mức tăng trưởng 26% trong dịch vụ môi giới của mình phản ánh qua giá trị khớp lệnh trong năm 2010 đạt 52,2 nghìn tỉ đồng so với 41,4 tỉ đồng trong năm 2009. Những con số này góp phần tăng thị phần môi giới lên mức 5,9% so với mức 4,82% năm 2009, đưa HSC lên vị trí thứ 3 trong ngành.

Có được những thành tựu trên là do:

### Tăng trưởng có sự kiểm soát chi phí

Trong năm 2010, để mở rộng mạng lưới tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội HSC đã mở thêm 3 Phòng giao dịch mới. Công ty đã áp dụng chiến lược tăng trưởng có sự kiểm soát chi phí khi bố trí nhân sự có đủ năng lực được đề bạt từ các Phòng giao dịch hiện có để điều hành các Phòng giao dịch mới, các nhân viên môi giới cũng được điều chuyển từ những phòng ban khác nhau của các Phòng giao dịch hiện có cùng với một số nhân viên mới. Biện pháp này giúp HSC đảm bảo được tính nhất quán trong chất lượng dịch vụ vì đội ngũ quản lý cấp trung và một bộ phận các nhân viên đều đã thâm nhập giá trị doanh nghiệp là sự chuyên nghiệp và uy tín với khách hàng. Các nhân viên đều được khuyến khích định hướng phát triển đến vị trí quản lý và được trao quyền cũng như được tạo điều kiện để thăng tiến thông qua những chính sách phát triển nhân lực nội bộ và chính điều này luôn giúp kích lệ tinh

thần nhân viên một cách tích cực.

Có thể nói, biện pháp này là chìa khóa để các chi nhánh mới có khả năng nhanh chóng đóng góp vào lợi nhuận chung của HSC. Những chi nhánh mới này đã đóng góp ước tính 9,9 nghìn tỉ đồng, xấp xỉ 19% trong tổng giá trị khớp lệnh của khối trong năm 2010.

### Tăng cường chuyên viên tư vấn

Hiện nay, HSC có 320 nhân viên quản lý tài khoản làm việc toàn thời gian phục vụ cho nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân. Năm 2009, HSC đi tiên phong trong chương trình môi giới chứng khoán và là công ty đầu tiên trong nước đáp ứng được với các tiêu chuẩn quốc tế về sử dụng các nhân viên tư vấn tài chính hay môi giới chứng khoán độc lập làm việc theo chế độ thù lao bằng hoa hồng. Do một số trở ngại về luật pháp và hành chính, HSC đã quyết định tạm gác chương trình này và thay vào đó là tập trung đào tạo theo hướng chuyên sâu để nâng cao các kỹ năng như kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, chăm sóc khách hàng cũng như trình độ phân tích kỹ thuật.

Thông qua chương trình “Nâng cao các kỹ năng”, HSC dự định phát triển đội ngũ chuyên viên tư vấn đầu tư với định hướng luôn đặt kết quả công việc lên hàng đầu để tiếp tục mang đến những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao nhất cho khách hàng.

### Hỗ trợ từ công tác nghiên cứu

Khối Khách hàng Cá nhân phối hợp chặt chẽ và được hỗ trợ tốt từ bộ phận Nghiên cứu với chuyên viên phân tích thường xuyên cung cấp các báo cáo bao gồm những nhận định thị trường súc tích và các khuyến nghị cổ phiếu phục vụ mục đích tham khảo cho khách hàng cá nhân. Những bản báo cáo cô đọng này rất dễ hiểu và toàn diện, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin của các khách hàng cá nhân. Ngoài ra trong trường hợp cần thiết bộ phận nghiên cứu sẽ cung cấp các báo cáo ngắn gọn trong vòng một trang chỉ trong vòng 4 tiếng đồng hồ khi nhận được yêu cầu từ các nhân viên chăm sóc khách hàng.

### Mang đến Giá trị

Thông qua những phát triển đột phá về công nghệ, điện thoại di động giờ đây không chỉ là một công cụ để giao tiếp hay gửi tin nhắn mà còn giúp chúng ta thay đổi cách làm việc. Điện thoại thông minh là một phương tiện giúp tạo ra giá trị gia tăng cho người dùng. HSC đã cho ra mắt dịch vụ giao dịch qua điện thoại di động mang lại cho khách hàng một công cụ hữu ích giúp các nhà đầu tư nắm bắt mọi diễn biến của thị trường và thông tin của mọi giao dịch. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ giao dịch cũng được cải tiến để giúp khách hàng theo dõi nhiều tài khoản một cách tiện lợi hơn. Khách hàng của HSC cũng có thể mở tài khoản và thực hiện chuyển khoản không giới hạn qua mạng trực tuyến. Những dịch vụ giá trị gia tăng này là cách mà HSC thực hiện những cam kết của mình trong việc cung cấp những phương thức tiếp cận và truy cập thông tin dễ dàng cho khách hàng.

Bên cạnh đó, HSC vẫn tiếp tục cung cấp các dịch vụ truyền thống như tư vấn, tổ chức những buổi hội thảo với mục đích chia sẻ và cập nhật xu hướng thị trường cho khách hàng. Các chuyên gia của HSC cũng như các chuyên gia bên ngoài được mời đến để trao đổi những bí quyết và các công cụ hữu ích phục vụ cho các khách hàng và các nhà đầu tư mới.

Việc nâng cấp hệ thống công nghệ đã tăng cường thể mạnh về tốc độ của HSC, đảm bảo việc đặt lệnh được diễn ra nhanh chóng với xác nhận ngay lập tức từ sàn giao dịch. Mục tiêu của công ty là tiếp tục phát triển đội ngũ chuyên viên tư vấn đầu tư và cải tiến hệ thống giao dịch nhằm mang lại những tiện ích tốt nhất cho khách hàng, và chính điều này đã làm nên thương hiệu của HSC.

## Khối Khách hàng Tổ chức



Trong năm 2010, HSC đã thiết lập quan hệ đối tác với các công ty chứng khoán nước ngoài nhằm tạo lập một chỗ đứng vững chắc tại các thị trường nước ngoài.





# Thu hút đầu tư, Tạo điều kiện cho tăng trưởng

Trong năm 2010, HSC đã sáp nhập bộ phận Kinh doanh môi giới Khách hàng tổ chức và bộ phận Nghiên cứu phân tích thành Khối Khách hàng tổ chức. Nhờ kết hợp được thế mạnh của đội ngũ quản lý tài khoản chuyên nghiệp và đội ngũ chuyên viên phân tích có chuyên môn sâu, HSC đã đạt được sự cải thiện trong hiệu quả hoạt động và xử lý nhanh hơn các giao dịch của khách hàng.

## Nghiên cứu phân tích

Nghiên cứu phân tích vẫn là một động lực và điểm tạo nên sự khác biệt chủ yếu của HSC. Hãng thông tấn danh tiếng, Thomson Reuters, đã công nhận thế mạnh của HSC trong mảng nghiên cứu phân tích thông qua việc đưa HSC vào danh sách các công ty chứng khoán hàng đầu châu Á (không tính đến Nhật Bản) về mặt nghiên cứu phân tích (HSC đứng thứ 19) và bầu chọn HSC là công ty chứng khoán số 1 tại Việt Nam xét toàn diện và xét riêng về nghiên cứu phân tích.

Khi đến với chúng tôi, khách hàng tổ chức sẽ nhận được những sản phẩm nghiên cứu phân tích có chất lượng cao, tin cậy và sắc bén với các báo cáo phân tích và nhận định thị trường được phát hành hàng ngày. Bản tin ngày của HSC, là bản tin duy nhất trong ngành chứng khoán Việt nam được xây dựng bởi một đội ngũ chuyên viên phân tích đông đảo và giàu kinh nghiệm. Các nhà đầu tư cá nhân còn có thể liên hệ trực tiếp với các chuyên viên phân tích để nhận được tư vấn ngay lập tức. Giá trị khác biệt này của HSC sẽ làm tăng sự tin tưởng của khách hàng vào năng lực nghiên cứu phân tích của HSC.

## Dịch vụ chuyên nghiệp

Nhằm có được lợi thế là người đi đầu và củng cố vị thế của mình trên thị

trường vốn Việt Nam, HSC đã thiết lập bộ phận Trái phiếu và thường xuyên phát hành Báo cáo trái phiếu. Thị trường trái phiếu Việt Nam còn khá sơ khai và bị chi phối bởi hai định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. Tuy nhiên, HSC tin tưởng rằng bằng việc sớm tạo ra nền tảng cho mình, công ty có thể phát triển được uy tín trên thị trường này cũng như nhanh chóng nâng cao được chuyên môn của mình trong lĩnh vực này.

Và thị trường trái phiếu chắc chắn sẽ phát triển vì đây là một thành phần hết sức quan trọng của thị trường vốn. Việt Nam có tiềm năng to lớn trong việc phát triển một thị trường trái phiếu hoàn thiện và hoạt động hiệu quả, sẽ đem lại những cơ hội đầu tư mới. Do đó, HSC đã chuẩn bị đón đầu xu thế này và đã thiết lập đội ngũ chuyên viên trái phiếu cũng như đầu tư nguồn lực cho thị trường trái phiếu.

## Củng cố các quan hệ đối tác

HSC đã phát triển bộ phận Khách hàng tổ chức thành một dịch vụ môi giới đầy đủ để có thể phục vụ nhiều đối tượng khách hàng tổ chức khác nhau như ngân hàng, công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí, quỹ phòng vệ, các công ty tư vấn đầu tư và các quỹ tương hỗ. HSC còn kết nối các nhà đầu tư tổ chức và các công ty trong nước, mở ra cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận và khám phá Việt Nam.

Trong năm 2010, HSC đã thiết lập quan hệ đối tác với các công ty chứng khoán quốc tế nhằm tạo lập chỗ đứng tại các thị trường nước ngoài. Hiện tại, HSC là đối tác tại Việt Nam của công ty chứng khoán toàn cầu Auerbach Grayson, có trụ sở tại Mỹ và cung cấp khả năng trực tiếp tiếp cận với các nghiên cứu và ý tưởng được thực hiện trực tiếp tại các thị trường thông qua

sự có mặt của họ tại 127 thị trường trên toàn thế giới. Auerbach Grayson có trụ sở tại New York và giúp các nhà đầu tư tại Mỹ có thể tiếp cận trực tiếp với các thị trường thông qua mạng lưới các đối tác trong lĩnh vực môi giới chứng khoán.

Là một đối tác của Auerbach Grayson, HSC có thể tiếp cận với thị trường chứng khoán Mỹ và những kiến thức kinh nghiệm dày dặn của công ty này. Đổi lại, HSC sẽ cung cấp cho Auerbach Grayson sản phẩm nghiên cứu độc lập, xử lý giao dịch đối với các yêu cầu của họ về cổ phiếu và trái phiếu tại Việt Nam.

## Khám phá thị trường nước ngoài

HSC đã tổ chức một loạt các buổi giới thiệu cơ hội đầu tư trong năm 2010 tại các thị trường quan trọng như Mỹ, Hồng Kông và Singapore. Những chuyến đi đến các thị trường này cho phép HSC tiếp xúc với những khách hàng hiện tại cũng như tiềm năng tại các quốc gia này và giới thiệu với họ về tiềm năng đầu tư tại Việt Nam.

Bộ phận khách hàng tổ chức cũng thường xuyên tiếp đón nhiều nhà đầu tư nước ngoài khi họ đến tìm hiểu khả năng đầu tư vào các công ty trong nước. Trung bình, HSC đón tiếp từ 3 đến 4 nhà đầu tư nước ngoài trong 1 tháng, tương đương một nhà đầu tư nước ngoài trong 1 tuần. HSC đã sắp xếp các chuyên thăm công ty, các cuộc gặp với lãnh đạo chủ chốt và cung cấp các sản phẩm nghiên cứu nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư này trong quá trình ra quyết định đầu tư.

Khối khách hàng tổ chức sẽ tiếp tục đóng góp bằng sự tăng trưởng vững chắc trong mảng môi giới khách hàng tổ chức cả trong và ngoài nước, dựa trên năng lực nghiên cứu phân tích đã được công nhận, và nguồn lực tài chính hùng mạnh cho phép tiếp cận các hoạt động bảo lãnh phát hành và đầu tư vào thị trường chứng khoán.

## Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp



## Dịch vụ khác biệt, Nâng cao chuyên môn

Vào cuối năm 2009, ngành tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam bước vào thời kỳ thay đổi toàn diện cả về phương thức giao dịch lẫn phương pháp tiếp cận thị trường. Hoạt động tư vấn truyền thống tiếp tục vững mạnh nhưng tốc độ tăng trưởng có phần chậm lại so với các năm trước đây khi thị trường đã vào giai đoạn chín muồi, và các công ty ngày càng có nhiều khả năng tiếp cận với các nguồn vốn khác nhau bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu có lãi suất cố định và trái phiếu chuyển đổi. Sự chuyển dịch trong các phương pháp tiếp cận nguồn vốn tài trợ đồng nghĩa với việc gia tăng sự cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn truyền thống nhưng đồng thời cũng mở ra cơ hội phát triển lớn hơn trong việc đa dạng hóa các nguồn thu nhập từ việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

Bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp của HSC xác định rõ sự cần thiết của việc thay đổi và điều này được thể hiện thông qua những nỗ lực tái cơ cấu vào đầu năm

2010. HSC thể hiện khả năng có thể nắm bắt được điểm cốt lõi trong sự thay đổi của động thái thị trường ngay từ lúc đầu bằng cách sắp xếp lại các nguồn lực của mình theo các sản phẩm và nhóm dịch vụ:

- Thị trường vốn cổ phần (ECM)
- Thị trường nợ (DCM)
- Mua bán và sáp nhập / Phát hành chứng khoán riêng lẻ (M&A)
- Các dịch vụ tài chính doanh nghiệp khác (CFS)

Việc tổ chức lại nguồn lực đã giúp HSC mở rộng kiến thức và vốn tri thức, nhờ đó công ty đã gạt hái được những kết quả đáng mừng. Việc chuyên môn hóa cũng giúp thực hiện công việc hiệu quả hơn, tập trung hơn với phương châm hướng tới khách hàng. Không ngừng củng cố sự trung thành và lòng tin của khách hàng, cùng với việc nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn đồng nghĩa với việc HSC có thể triển khai vốn tri thức, nguồn nhân lực và tài chính vào các khu vực khác nhau để đạt được kết quả cao nhất.





### Mua bán & Sáp nhập: Xây dựng niềm tin ở Việt Nam

Sau nhiều năm làm việc tại Việt Nam, Công ty Xây dựng Da Cìn (DCC) đã thực hiện mua lại tài sản lần đầu tiên thông qua HSC với một đối tác trong nước. HSC đóng vai trò như nhà tư vấn cho các quy trình cần thiết và phối hợp tất cả các bên liên quan trong suốt quá trình này.

DCC là một trong những công ty xây dựng thành công nhất và lớn nhất tại Đài Loan với cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch TWSE. Có bề dày 43 năm trong ngành, DCC đã tham gia vào các dự án với phạm vi từ cơ sở hạ tầng thành phố, giao thông công cộng, toà nhà thương mại cho tới các dự án phát triển khu dân cư. Là một phần trong chiến lược phát triển của mình, DCC đã có mặt tại Việt Nam được hơn hai năm để phân tích các cơ hội đầu tư tiềm năng tại đây, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản. Sau khi nghiên cứu rất nhiều dự án, đánh giá các cơ hội, DCC cuối cùng quyết định tiến hành các hoạt động đầu tư của mình. Để tạo điều kiện cho việc này, DCC đã mời HSC làm nhà Tư vấn chính trong các dự án đầu tư bất động sản tại Việt Nam.

Giao dịch này là giao đặc biệt đối với DCC vì đó là lần đầu tiên họ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Do đó DCC vẫn còn gặp phải một số hạn chế trong quản lý, đặc biệt là về các khía cạnh thực tiễn của dự án đầu tư và sự hiểu biết về pháp lý trong bối cảnh môi trường đầu tư đang có sự thay đổi. Ngoài việc giúp DCC định hướng được quy trình thực hiện, HSC cũng phải lấy uy tín đảm bảo với các bên có quyền lợi liên quan để họ luôn tin tưởng vào cơ cấu đầu tư, quá trình thực thi và thủ tục pháp lý của dự án đầu tư này. Với tư cách là nhà tư vấn chính, HSC có vai trò điều hành các bên có quyền lợi liên quan một cách thận trọng thông qua từng bước của quá trình đồng thời giảm thiểu rủi ro cho DCC thông qua các hoạt động giao dịch.

Sau vài tháng cơ cấu, đàm phán và thảo luận, DCC đã ký kết hợp tác với một nhà đầu tư phát triển dự án Bất động sản ở Việt Nam, kết quả là một giao dịch đánh dấu cột mốc quan trọng của DCC được thực hiện. HSC với tư cách là nhà tư vấn chính, đã đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình đầu tư của DCC và tiếp tục hoạt động như một nhà tư vấn chính được tin cậy trong các hoạt động đầu tư của DCC tại Việt Nam.

### Thị trường Vốn cổ phần: Quản lý rủi ro thị trường

Đối mặt với tình hình thị trường không ổn định, Habubank (HBB) đã quyết định niêm yết cổ phiếu của mình lên Sàn Chứng khoán Hà Nội (HNX). Để giúp HBB định hướng được quá trình này, HSC được lựa chọn làm Nhà tư vấn chính trong một nhóm các công ty chứng khoán để thiết kế một chiến lược niêm yết toàn diện và hoàn thành chiến lược đó trong thời gian ít hơn 2 tháng.

Sau nhiều dự tính và thảo luận nội bộ, Ban Điều hành của HBB đã quyết định Ngân hàng cần phải niêm yết các cổ phần của mình lên sàn HNX vì lợi ích lâu dài của thương hiệu, của các cổ đông và để hỗ trợ cho chiến lược tăng trưởng toàn diện. Do quan điểm đầu tư của nhà đầu tư đã thay đổi liên tục trong suốt cả năm nên thật khó khăn trong việc xác định rõ các điều kiện thị trường. Đánh giá việc xác định thời gian cho thị trường sẽ khá khó khăn, HBB đã đưa ra những tiêu chí khắt khe để lựa chọn nhà tư vấn giúp quản lý rủi ro thị trường khi niêm yết. Mục đích lựa chọn đơn vị tư vấn là để giúp HBB hiểu được các rủi ro tiềm ẩn, và cũng để xây dựng những chiến lược trước mắt và lâu dài nhằm giảm bớt những rủi ro trên. Sau quá trình lựa chọn nghiêm ngặt, HSC đã được tin tưởng chọn làm Đơn vị Tư vấn niêm yết chính.

Mục tiêu của HBB là công tác niêm yết được quản lý tốt, điều đó có nghĩa rằng giảm thiểu các yếu tố rủi ro đồng thời gia tăng các ảnh hưởng tích cực của việc niêm yết cho ngân hàng. HSC đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình này và đã hoàn thành nhiệm vụ phân tích các rủi ro tiềm ẩn và hoạch định một chiến lược niêm yết, tuy trong thời gian rất sát sao nhưng đã hạn chế được các rủi ro tiềm ẩn mà Ngân hàng phải đối mặt trước và sau khi niêm yết.

Sự hợp tác của HSC với HBB rất thành công nhờ có sự cộng tác nhiệt tình giữa hai công ty và sự hiểu biết lẫn nhau về các vấn đề liên quan cần giải quyết. Quá trình niêm yết đã diễn ra tốt đẹp và bất chấp tình hình thị trường khó khăn, công tác niêm yết của HBB đã được thực thi có hiệu quả do được lên kế hoạch chuẩn bị kỹ lưỡng.

### Mua bán & Sáp nhập: Tiền lên chặng đường mới

Đứng trước định hướng phát triển mới cho việc kinh doanh mạng di động của mình, Công ty Cổ phần dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) cần một nhà tư vấn có kiến thức chuyên môn và đạo đức liêm chính để giúp họ định hướng việc tiếp quản các đối tác kinh doanh của họ.

Sau thời gian hợp tác với đối tác nước ngoài, SPT đã xác định thay đổi phương hướng hoạt động mới bằng việc đảm nhận hoạt động kiểm soát công việc kinh doanh mạng di động. Đây là lúc SPT tiếp cận HSC yêu cầu tư vấn về việc mua lại này. Giao dịch này rất nhạy cảm và phức tạp xét về cấu trúc pháp lý, các điều khoản hợp tác và quan hệ lâu dài giữa hai bên. Nhiệm vụ đầu tiên của HSC là phải tìm hiểu lịch sử hợp tác giữa hai bên đồng thời hoạch định một hướng đi mới cho SPT.

Quá trình phức tạp hơn nữa bởi phải đảm bảo tiền độ, khi cả hai bên nhanh chóng thống nhất được giải pháp rõ ràng, hiệu quả. Để đạt được các mục tiêu mà SPT đề ra, HSC đã cùng một lúc đóng nhiều vai trò của nhà Tư vấn chính, bao gồm định giá, hoạch định chiến lược đàm phán và là điều phối viên. Quá trình phân tích là thách thức lớn nhất mà HSC đã vượt qua bằng cách thiết lập phương pháp tiếp cận riêng biệt vừa hợp lý về mặt tài chính đồng thời cũng đơn giản để nhóm đàm phán hiểu và sử dụng được. Cuối cùng, các đối tác cũng đã đi đến một thỏa thuận và đã đạt được kết quả như mong muốn.

Sự hợp tác của HSC và SPT chủ yếu dựa trên sự tin nhiệm, khi cả hai bên đang cố gắng tìm ra hướng đi cho những lĩnh vực chưa rõ ràng, nhưng cuối cùng HSC đã chứng minh được vai trò của mình không chỉ là một nhà tư vấn đáng tin cậy trong những hoàn cảnh nhạy cảm mà còn là một người thực thi có hiệu quả.

## Các dự án tiêu biểu năm 2010



Ngân hàng  
Cổ phần Nhà Hà Nội

Thị trường vốn cổ phần  
Tư vấn chính cho niêm yết  
(HNX)  
Tháng 12/2010



Công Ty Cổ phần  
Bột giặt Net

Thị trường vốn cổ phần  
Tư vấn duy nhất cho niêm yết  
(HNX)  
Tháng 9/2010

**Sacomreal**

Công Ty Cổ phần  
Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

Thị trường vốn cổ phần  
Đồng tư vấn cho niêm yết  
(HNX)  
Tháng 9/2010



Công Ty Cổ phần  
Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu

Thị trường vốn cổ phần  
Tư vấn duy nhất cho niêm yết  
(HSX)  
Tháng 7/2010



Công Ty Cổ phần  
Phân lân Văn Điển

Thị trường vốn cổ phần  
Tư vấn cổ phần hoá  
Tháng 6/2010



Công Ty Cổ phần  
Đầu tư CMC

Tư vấn M&A  
Định giá và Tư vấn giao dịch  
Tháng 8/2010



Công Ty Cổ phần  
Dịch vụ Bưu chính Viễn thông  
Sài Gòn

Tư vấn M&A  
Tư vấn duy nhất cho việc  
mua lại Stone  
Tháng 1/2010



Công Ty TNHH  
Xây dựng Da Cin

Tư vấn M&A  
Tư vấn chính cho Dự án đầu tư  
Bất động sản  
Tháng 4/2010



Công Ty Cổ phần  
Việt Thái Quốc tế

Tài chính doanh nghiệp  
Tư vấn duy nhất cho  
Tái cấu trúc  
Tháng 8/2010



Công Ty Cổ phần  
Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật  
TP. HCM

Tài chính doanh nghiệp  
Tư vấn chính cho  
Tái cấu trúc  
Tháng 8/2010



## Giải thưởng và các Danh hiệu nổi bật



Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về những thành tựu và đóng góp cho sự phát triển của thị trường Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010.



Giải thưởng “Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010” được tổ chức bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, Công ty Tài chính Dragon Capital và Báo Đầu tư Chứng khoán.



Báo cáo thường niên năm 2009 của HSC được trao Giải thưởng Bạch Kim - giải thưởng cao nhất cho Báo cáo thường niên xuất sắc trong ngành Tài chính - Thị trường Vốn trong cuộc thi Báo cáo thường niên Vision Awards 2009 do Liên đoàn Chuyên gia Truyền thông Mỹ LLC (LACP) tổ chức.



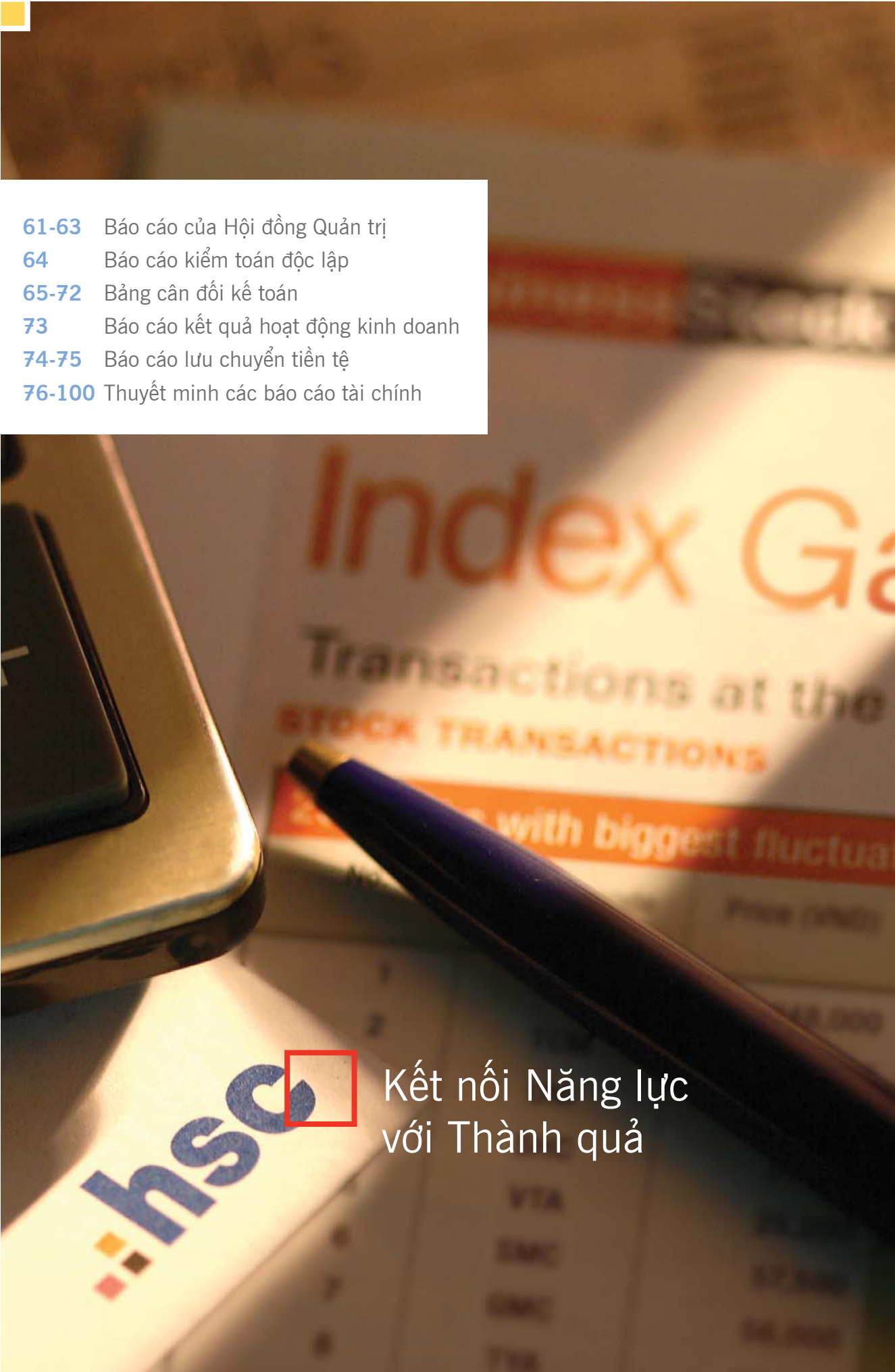
HSC được bình chọn là Công ty Chứng khoán Số 1 Việt Nam với giải thưởng Extel 2010 do hãng thông tấn Thomson Reuters tổ chức. HSC cũng là công ty duy nhất của Việt Nam nằm trong bảng xếp hạng những công ty chứng khoán hàng đầu châu Á Thái Bình Dương; xếp hạng thứ 14 về Nghiên cứu Chiến lược và Kinh tế khu vực châu Á Thái Bình Dương (không tính Nhật Bản).

**EXTEL**  
IDENTIFYING EXCELLENCE

HSC được bình chọn là Công ty môi giới và nghiên cứu thị trường chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam với giải thưởng Extel 2010 do hãng thông tấn Thomson Reuters tổ chức.

Năm 2010, HSC đã gặt hái được nhiều giải thưởng công nhận thành tích sau những năm xây dựng nền móng vững chắc để công ty vươn lên trở thành một công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam. Không chỉ được công nhận trong nước, HSC còn được công nhận trên bình diện thế giới khi giành được một số giải thưởng quốc tế có uy tín. Trong năm 2011, HSC quyết tâm tăng tốc dựa trên những lợi thế sẵn có. Bên cạnh đó, công ty cũng lên kế hoạch sẽ tiếp tục giữ vững vị trí Top 3 trong các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

- 61-63** Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 64** Báo cáo kiểm toán độc lập
- 65-72** Bảng cân đối kế toán
- 73** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 74-75** Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 76-100** Thuyết minh các báo cáo tài chính



Kết nối Năng lực  
với Thành quả



## Báo cáo tài chính 2010

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2 và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh tại Hà Nội, và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Từ tháng 10 năm 2010, Công ty đã chuyển trụ sở chính về tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower tại số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và đang trong quá trình đăng ký xin thay đổi địa chỉ trụ sở chính với cơ quan chức năng.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

|  | VND             |                 |
|--|-----------------|-----------------|
|  | 2010            | 2009            |
| Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm     | 182.311.697.653 | 278.119.318.635 |
| Cổ tức đã trả trong năm                | 158.704.190.250 | 20.769.370.960  |
| Cổ tức công bố nhưng chưa trả cuối năm | 3.461.084.209   | 42.405.496.459  |
| Lợi nhuận chưa phân phối               | 356.020.232.399 | 328.805.412.265 |

### CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 19/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm liên quan đến việc tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm và Thông báo số 79/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức giao dịch ngày 09 tháng 02 năm 2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 19.699.386 cổ phiếu.

Vào ngày 14 tháng 5 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 93/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm liên quan đến việc tăng vốn điều lệ bằng tiền. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 836.900 cổ phiếu.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 332/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 599.996.860.000 đồng.

## 2010 Báo cáo tài chính

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                          |              |                                       |
|--------------------------|--------------|---------------------------------------|
| Bà Ngô Kim Liên          | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |
| Ông Đỗ Hùng Việt         | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |
| Ông Lê Anh Minh          | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |
| Ông Nguyễn Quyết Chiến   | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007 |
| Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007 |
| Ông Johan Nyvene         | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |
| Ông Hoàng Đình Thắng     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |

### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |            |                                       |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Võ Văn Châu         | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007 |
| Ông Đoàn Văn Hinh       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007     |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |                    |                                    |
|----------------------|--------------------|------------------------------------|
| Ông Johan Nyvene     | Tổng Giám đốc      | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007  |
| Ông Phạm Minh Phương | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2007  |
| Ông Trịnh Hoài Giang | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007  |
| Ông Johan Kruimer    | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2007  |
| Ông Fiachra Mac Cana | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2008  |
| Ông Kelly Wong       | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2009 |
| Ông Bạch Quốc Vinh   | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2010 |
| Ông Lê Công Thiện    | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2010 |

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



## 2010 Báo cáo tài chính

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Bà Ngô Kim Liên  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Johan Nyvene  
Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 11 tháng 02 năm 2011

Số tham chiếu: 60790272/14473213

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”) như được trình bày từ trang 65 đến trang 100. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở Ý kiến Kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến Kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0264/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Xuân Đại  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0452/KTV



## 2010 Báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số      | TÀI SẢN  | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     |             | <b>2.336.386.799.783</b>  | <b>1.992.037.321.030</b>  |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>5</b>    | <b>1.239.484.828.799</b>  | <b>826.814.983.238</b>    |
| 111        | 1. Tiền  |             | 1.239.484.828.799         | 826.814.983.238           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                  |             | -                         | -                         |
| <b>120</b> | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>7.1</b>  | <b>176.894.977.382</b>    | <b>267.505.454.106</b>    |
| 121        | 1. Đầu tư ngắn hạn                             |             | 246.027.552.048           | 348.596.184.618           |
| 129        | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           |             | (69.132.574.666)          | (81.090.730.512)          |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |             | <b>916.024.962.385</b>    | <b>888.641.398.684</b>    |
| 131        | 1. Phải thu của khách hàng                     | 8           | 1.187.219.000             | 1.129.867.100             |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán                     |             | 249.323.003               | 150.000.000               |
| 133        | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                    |             | -                         | -                         |
| 135        | 4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán    | 8           | 846.655.755.480           | 655.156.686.651           |
| 138        | 5. Các khoản phải thu khác                     | 8           | 86.767.393.297            | 253.052.082.667           |
| 139        | 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 8           | (18.834.728.395)          | (20.847.237.734)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        |             | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>3.982.031.217</b>      | <b>9.075.485.002</b>      |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  |             | 3.447.856.603             | 3.647.183.496             |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                     |             | -                         | -                         |
| 154        | 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước         |             | -                         | 4.151.843.810             |
| 158        | 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 9           | 534.174.614               | 1.276.457.696             |

## 2010 Báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số      | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------|---|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     |             | <b>188.592.026.079</b>    | <b>97.500.118.701</b>     |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          |             | -                         | -                         |
| 211        | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            |             | -                         | -                         |
| 212        | 2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc       |             | -                         | -                         |
| 213        | 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    |             | -                         | -                         |
| 218        | 4. Phải thu dài hạn khác                      |             | -                         | -                         |
| 219        | 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          |             | -                         | -                         |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                    |             | <b>27.047.265.840</b>     | <b>18.187.800.019</b>     |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 10          | 15.989.696.602            | 8.150.351.057             |
| 222        | - Nguyên giá                                  |             | 30.850.717.382            | 16.659.017.280            |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (14.861.020.780)          | (8.508.666.223)           |
| 224        | 2. Tài sản cố định thuê tài chính             |             | -                         | -                         |
| 225        | - Nguyên giá                                  |             | -                         | -                         |
| 226        | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | -                         | -                         |
| 227        | 3. Tài sản cố định vô hình                    | 11          | 8.374.447.148             | 7.907.930.446             |
| 228        | - Nguyên giá                                  |             | 17.258.224.280            | 12.022.890.751            |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (8.883.777.132)           | (4.114.960.305)           |
| 230        | 4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang     | 12          | 2.683.122.090             | 2.129.518.516             |
| <b>240</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               |             | -                         | -                         |
| 241        | - Nguyên giá                                  |             | -                         | -                         |
| 242        | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | -                         | -                         |
| <b>250</b> | <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> |             | <b>20.596.836.384</b>     | <b>52.671.336.384</b>     |
| 251        | 1. Đầu tư vào công ty con                     |             | -                         | -                         |
| 252        | 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    |             | -                         | -                         |
| 253        | 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn                 |             | 20.596.836.384            | 52.671.336.384            |
| 254        | - Chứng khoán sẵn sàng để bán                 | 7.2         | 20.596.836.384            | 52.671.336.384            |
| 255        | - Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn        |             | -                         | -                         |
| 258        | 4. Đầu tư dài hạn khác                        |             | -                         | -                         |
| 259        | 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |             | -                         | -                         |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                |             | <b>140.947.923.855</b>    | <b>26.640.982.298</b>     |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 13          | 132.596.758.965           | 21.929.076.164            |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             |             | -                         | -                         |
| 263        | 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán             | 14          | 4.286.134.881             | 2.339.036.386             |
| 268        | 4. Tài sản dài hạn khác                       | 15          | 4.065.030.009             | 2.372.869.748             |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>2.524.978.825.862</b>  | <b>2.089.537.439.731</b>  |



## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>300</b> | <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | <b>935.807.516.076</b>    | <b>541.145.556.242</b>    |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          |             | <b>933.987.026.498</b>    | <b>539.363.206.242</b>    |
| 311        | 1. Vay và nợ ngắn hạn                          |             | -                         | -                         |
| 312        | 2. Phải trả người bán                          |             | 15.596.861                | 161.048.250               |
| 313        | 3. Người mua trả tiền trước                    |             | -                         | -                         |
| 314        | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 16          | 12.537.710.692            | 35.830.723.378            |
| 315        | 5. Phải trả người lao động                     |             | -                         | -                         |
| 316        | 6. Chi phí phải trả                            | 17          | 12.300.881.597            | 9.216.419.476             |
| 317        | 7. Phải trả nội bộ                             |             | -                         | -                         |
| 320        | 8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán    | 18          | 819.534.999.561           | 448.761.967.063           |
| 321        | 9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu   |             | 5.755.863.307             | 1.898.531.325             |
| 322        | 10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán     |             | -                         | -                         |
| 323        | 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 3.2         | 15.960.699.468            | -                         |
| 327        | 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ |             | -                         | -                         |
| 328        | 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 19          | 67.881.275.012            | 43.494.516.750            |
| 329        | 14. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 |             | -                         | -                         |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                          |             | <b>1.820.489.578</b>      | <b>1.782.350.000</b>      |
| 331        | 1. Phải trả dài hạn người bán                  |             | -                         | -                         |
| 332        | 2. Phải trả dài hạn nội bộ                     |             | -                         | -                         |
| 333        | 3. Phải trả dài hạn khác                       |             | -                         | -                         |
| 334        | 4. Vay và nợ dài hạn                           |             | -                         | -                         |
| 335        | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả             |             | -                         | -                         |
| 336        | 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm               |             | 1.820.489.578             | 1.782.350.000             |
| 337        | 7. Dự phòng phải trả dài hạn                   |             | -                         | -                         |
| 339        | 8. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư    |             | -                         | -                         |

## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số      | NGUỒN VỐN                             | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------|---------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>400</b> | <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>              | <b>20</b>   | <b>1.589.171.309.786</b>  | <b>1.548.391.883.489</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>              |             | <b>1.589.171.309.786</b>  | <b>1.538.496.366.573</b>  |
| 411        | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu          |             | 599.996.860.000           | 394.634.000.000           |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần               |             | 560.834.915.000           | 757.828.775.000           |
| 413        | 3. Vốn khác của chủ sở hữu            |             | -                         | -                         |
| 414        | 4. Cổ phiếu quỹ                       |             | (3.971.077.360)           | (1.941.442.200)           |
| 415        | 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản    |             | -                         | -                         |
| 416        | 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái         |             | -                         | -                         |
| 417        | 7. Quỹ đầu tư phát triển              |             | 3.961.374.994             | 3.961.374.994             |
| 418        | 8. Quỹ dự phòng tài chính             |             | 72.329.004.753            | 54.097.834.988            |
| 419        | 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu      |             | -                         | 1.110.411.526             |
| 420        | 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |             | 356.020.232.399           | 328.805.412.265           |
| <b>430</b> | <b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>  | <b>3.2</b>  | <b>-</b>                  | <b>9.895.516.916</b>      |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>            |             | <b>2.524.978.825.862</b>  | <b>2.089.537.439.731</b>  |



## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
|-------|--|------------------------------|------------------------------|
| 001   | 1. Tài sản cố định thuê ngoài                                    | -                            | -                            |
| 002   | 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ                          | -                            | -                            |
| 003   | 3. Tài sản nhận ký cược  | -                            | -                            |
| 004   | 4. Nợ khó đòi đã xử lý   | -                            | -                            |
| 005   | 5. Ngoại tệ các loại   | 55.770.975                   | 91.436.195                   |
| 006   | 6. Chứng khoán lưu ký  | 4.827.682.100.000            | 2.041.245.200.000            |
|       | <i>Trong đó:</i>   |                              |                              |
| 007   | 6.1. Chứng khoán giao dịch                                       | 4.253.557.280.000            | 1.883.974.420.000            |
| 008   | 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký               | 37.135.900.000               | 144.269.780.000              |
| 009   | 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước           | 4.058.588.990.000            | 1.667.783.750.000            |
| 010   | 6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài           | 157.832.390.000              | 71.920.890.000               |
| 011   | 6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác                    | -                            | -                            |
| 012   | 6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                             | 177.678.660.000              | 85.951.930.000               |
| 013   | 6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký     | 515.900.000                  | 1.680.000.000                |
| 014   | 6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 176.212.760.000              | 82.997.690.000               |
| 015   | 6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài | 950.000.000                  | 1.274.240.000                |
| 016   | 6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác          | -                            | -                            |
| 017   | 6.3. Chứng khoán cầm cố  | 252.500.000.000              | 43.909.450.000               |
| 018   | 6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký                  | -                            | -                            |
| 019   | 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước              | 252.500.000.000              | 43.909.450.000               |
| 020   | 6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài              | -                            | -                            |
| 021   | 6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác                       | -                            | -                            |
| 022   | 6.4. Chứng khoán tạm giữ   | -                            | -                            |
| 023   | 6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký                 | -                            | -                            |
| 024   | 6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước             | -                            | -                            |
| 025   | 6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài             | -                            | -                            |
| 026   | 6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác                      | -                            | -                            |

## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

|       |   | VNĐ                          |                              |
|-------|---|------------------------------|------------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| 027   | 6.5. Chứng khoán chờ thanh toán                                       | 122.503.600.000              | 27.409.400.000               |
| 028   | 6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký               | 14.900.000                   | 4.606.100.000                |
| 029   | 6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước           | 122.428.200.000              | 22.722.100.000               |
| 030   | 6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài           | 60.500.000                   | 81.200.000                   |
| 031   | 6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác          | -                            | -                            |
| 032   | 6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút                                    | 190.000.000                  | -                            |
| 033   | 6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký            | -                            | -                            |
| 034   | 6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước        | 190.000.000                  | -                            |
| 035   | 6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài        | -                            | -                            |
| 036   | 6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác                 | -                            | -                            |
| 037   | 6.7. Chứng khoán chờ giao dịch  | 21.252.560.000               | -                            |
| 038   | 6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký                | 315.620.000                  | -                            |
| 039   | 6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước            | 19.263.390.000               | -                            |
| 040   | 6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài            | 1.673.550.000                | -                            |
| 041   | 6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác                     | -                            | -                            |
| 042   | 6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay                             | -                            | -                            |
| 043   | 6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký     | -                            | -                            |
| 044   | 6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước | -                            | -                            |
| 045   | 6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài | -                            | -                            |
| 046   | 6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác          | -                            | -                            |
| 047   | 6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch                                     | -                            | -                            |



## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VNĐ

| Mã số      | CHỈ TIÊU   | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|
| <b>050</b> | <b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>     | <b>79.918.980.000</b>     | <b>33.059.090.000</b>     |
|            | <i>Trong đó:</i>   |                           |                           |
| 051        | 7.1. Chứng khoán giao dịch                                       | 78.082.700.000            | 32.930.290.000            |
| 052        | 7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký               | 3.978.190.000             | -                         |
| 053        | 7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước           | 74.104.510.000            | 31.623.970.000            |
| 054        | 7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài           | -                         | 1.306.320.000             |
| 055        | 7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác                    | -                         | -                         |
| 056        | 7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                             | 172.500.000               | 76.600.000                |
| 057        | 7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký     | -                         | -                         |
| 058        | 7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 172.500.000               | 76.600.000                |
| 059        | 7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài | -                         | -                         |
| 060        | 7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác          | -                         | -                         |
| 061        | 7.3. Chứng khoán cầm cố  | -                         | -                         |
| 062        | 7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký                  | -                         | -                         |
| 063        | 7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước              | -                         | -                         |
| 064        | 7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài              | -                         | -                         |
| 065        | 7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác                       | -                         | -                         |
| 066        | 7.4. Chứng khoán tạm giữ   | -                         | -                         |
| 067        | 7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký                 | -                         | -                         |
| 068        | 7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước             | -                         | -                         |
| 069        | 7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài             | -                         | -                         |
| 070        | 7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác                      | -                         | -                         |

## 2010 Báo cáo tài chính

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2010

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

|       |  | VNĐ                          |                              |
|-------|--|------------------------------|------------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| 071   | 7.5. Chứng khoán chờ thanh toán                                | 75.000.000                   | 52.200.000                   |
| 072   | 7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký        | -                            | -                            |
| 073   | 7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước    | 75.000.000                   | 52.200.000                   |
| 074   | 7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài    | -                            | -                            |
| 075   | 7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác   | -                            | -                            |
| 076   | 7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút                             | 1.588.780.000                | -                            |
| 077   | 7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký     | -                            | -                            |
| 078   | 7.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước | 1.588.780.000                | -                            |
| 079   | 7.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài | -                            | -                            |
| 080   | 7.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác          | -                            | -                            |
| 081   | 7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch                             | -                            | -                            |
| 082   | <b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>               | -                            | -                            |
| 083   | <b>9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>      | -                            | -                            |
| 084   | <b>10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá</b>                    | -                            | -                            |

## 2010 Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số     | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2010                 | Năm 2009                 |
|-----------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>01</b> | <b>1. Doanh thu</b>                                   |             |                          |                          |
|           | <i>Trong đó:</i>                                      |             |                          |                          |
| 01.1      | Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán              |             | 151.050.984.169          | 121.204.323.347          |
| 01.2      | Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn       |             | 59.435.391.796           | 267.795.435.514          |
| 01.3      | Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán              |             | -                        | 150.000.000              |
| 01.4      | Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán                |             | 32.375.137               | 52.741.959               |
| 01.5      | Doanh thu hoạt động tư vấn                            |             | 3.973.594.730            | 2.674.026.591            |
| 01.6      | Doanh thu lưu ký chứng khoán                          |             | -                        | -                        |
| 01.7      | Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá                   |             | -                        | 270.024.519              |
| 01.8      | Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản                    |             | -                        | -                        |
| 01.9      | Doanh thu khác  | 21          | 256.356.223.319          | 99.131.623.782           |
| <b>02</b> | <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                |             | -                        | -                        |
| <b>10</b> | <b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>     |             | <b>470.848.569.151</b>   | <b>491.278.175.712</b>   |
| <b>11</b> | <b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>                | <b>22</b>   | <b>(170.485.886.322)</b> | <b>(131.126.700.465)</b> |
|           | <i>Trong đó:</i>                                      |             |                          |                          |
|           | <i>Chi phí hoạt động kinh doanh</i>                   |             | (203.792.408.530)        | (281.416.752.641)        |
|           | <i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</i> |             | 33.306.522.208           | 150.290.052.176          |
| <b>20</b> | <b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>      |             | <b>300.362.682.829</b>   | <b>360.151.475.247</b>   |
| <b>25</b> | <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                | <b>23</b>   | <b>(72.532.012.678)</b>  | <b>(38.272.543.336)</b>  |
|           | <i>Trong đó:</i>                                      |             |                          |                          |
|           | <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>                   |             | (74.552.250.178)         | (51.130.997.336)         |
|           | <i>Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi</i>            |             | 2.020.237.500            | 12.858.454.000           |
| <b>30</b> | <b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>     |             | <b>227.830.670.151</b>   | <b>321.878.931.911</b>   |
| <b>31</b> | <b>8. Thu nhập khác</b>                               |             | <b>70.196.144</b>        | <b>14.434.532.505</b>    |
| <b>32</b> | <b>9. Chi phí khác</b>                                |             | -                        | -                        |
| <b>40</b> | <b>10. Lợi nhuận khác</b>                             | <b>24</b>   | <b>70.196.144</b>        | <b>14.434.532.505</b>    |
| <b>50</b> | <b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>          |             | <b>227.900.866.295</b>   | <b>336.313.464.416</b>   |
| <b>51</b> | <b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                | <b>25</b>   | <b>(45.589.168.642)</b>  | <b>(58.194.145.781)</b>  |
| <b>52</b> | <b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>                 |             | -                        | -                        |
| <b>60</b> | <b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                    |             | <b>182.311.697.653</b>   | <b>278.119.318.635</b>   |
| <b>70</b> | <b>15. Lãi trên mỗi cổ phiếu</b>                      |             |                          |                          |
|           | - Lãi cơ bản  | 26          | 3.044                    | 7.056                    |
|           | - Lãi suy giảm  | 26          | 3.044                    | 4.704                    |



## 2010 Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2010                | Năm 2009<br>(trình bày lại) |
|---|--|-------------|-------------------------|-----------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |             |                         |                             |
| <b>01</b>   | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>227.900.866.295</b>  | <b>336.313.464.416</b>      |
|   | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |             |                         |                             |
| 02  | - Khấu hao TSCĐ  | 10, 11      | 11.523.528.011          | 6.226.131.251               |
| 03  | - Các khoản dự phòng   | 22, 23      | (13.970.665.185)        | (119.817.718.106)           |
| 04  | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện  |             | -                       | -                           |
| 05  | - Lãi từ hoạt động đầu tư  |             | (266.609.598.299)       | (181.168.598.741)           |
| 06  | - Chi phí lãi vay  |             | -                       | -                           |
| <b>08</b>   | <b>3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>               |             | <b>(41.155.869.178)</b> | <b>41.553.278.820</b>       |
| 09  | - (Tăng) các khoản phải thu  |             | (17.420.872.255)        | (768.646.700.578)           |
| 10  | - Giảm đầu tư ngắn hạn   |             | 102.568.632.570         | 20.575.018.148              |
| 11  | - Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 439.219.937.390         | 311.936.583.035             |
| 12  | - (Tăng) chi phí trả trước   |             | (110.468.355.908)       | (15.531.967.018)            |
| 13  | - Tiền lãi vay đã trả  |             | -                       | -                           |
| 14  | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 25.2        | (69.381.901.196)        | (19.802.631.429)            |
| 15  | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  |             | -                       | -                           |
| 16  | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (11.678.194.827)        | (3.009.443.076)             |
| <b>20</b>   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       |             | <b>291.683.376.596</b>  | <b>(432.925.862.098)</b>    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |  |             |                         |                             |
| 21  | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          |             | (20.382.993.832)        | (8.707.222.476)             |
| 22  | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       |             | 48.594.858              | -                           |
| 23  | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    |             | (493.714.200.000)       | (563.890.140.078)           |
| 24  | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            |             | 532.528.995.372         | 1.659.338.591.821           |
| 25  | 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác  |             | -                       | -                           |
| 26  | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                       | -                           |
| 27  | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     |             | 254.075.271.277         | 59.482.174.594              |
| <b>30</b>   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>272.555.667.675</b>  | <b>1.146.223.403.861</b>    |

## 2010 Báo cáo tài chính

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

| Mã số  | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2010                 | Năm 2009<br>(trình bày lại) |
|--|---|-------------|--------------------------|-----------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |   |             |                          |                             |
| 31   | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu          | 20.1        | 8.369.000.000            | -                           |
| 32   | 2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |             | (1.234.008.460)          | (435.242.200)               |
| 33   | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                 |             | -                        | -                           |
| 34   | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay  |             | -                        | -                           |
| 35   | 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                       |             | -                        | -                           |
| 36   | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                              | 20.3        | (158.704.190.250)        | (20.769.370.960)            |
| <b>40</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                     |             | <b>(151.569.198.710)</b> | <b>(21.204.613.160)</b>     |
| <b>50</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                   |             | <b>412.669.845.561</b>   | <b>692.092.928.603</b>      |
| <b>60</b>  | <b>Tiền và các khoản tương đương đầu kỳ</b>                             |             | <b>826.814.983.238</b>   | <b>134.722.054.635</b>      |
| <b>61</b>  | <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>          |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                    |
| <b>70</b>  | <b>Tiền và các khoản tương đương cuối kỳ</b>                            |             | <b>1.239.484.828.799</b> | <b>826.814.983.238</b>      |

### GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ

VNĐ

| CHỈ TIÊU                         | Năm 2010        | Năm 2009 |
|----------------------------------|-----------------|----------|
| Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần | 196.993.860.000 | -        |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2 và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh tại Hà Nội, và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Từ tháng 10 năm 2010, Công ty đã chuyển trụ sở chính về tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower tại số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và đang trong quá trình đăng ký xin thay đổi địa chỉ trụ sở chính với cơ quan chức năng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 512 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2009: 212 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") được lập theo hệ thống Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán*

Ban Tổng Giám Đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

#### 3.2 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước ngoại trừ việc trình bày quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trình bày như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán. Do Thông tư số 244/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”, việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính kèm theo không được trình bày lại để phản ánh những thay đổi nói trên.

#### **Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

*Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:*

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

#### 3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

#### 3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

| Thời gian quá hạn                            | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30%                |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm        | 50%                |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm         | 70%                |
| Trên ba (03) năm                             | 100%               |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                     |           |
|---------------------|-----------|
| Phương tiện vận tải | 6 năm     |
| Thiết bị văn phòng  | 3 - 5 năm |
| Phần mềm tin học    | 3 - 4 năm |

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (02) đến bốn mươi (40) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

#### Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

#### Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

#### Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao Dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

#### 3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại (tiếp theo)

bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

#### 3.13 Lợi ích của nhân viên

##### 3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một nửa tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Công ty. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

##### 3.13.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

##### 3.13.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

##### *Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### 3.18 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

##### 4.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Môi giới và dịch vụ khách hàng | Tự doanh                | Kinh doanh nguồn vốn     | Các bộ phận khác        | Không phân bổ         | Tổng cộng                |
|--|--------------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
|  |                                |                         |                          |                         |                       | VNĐ                      |
| 1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh           | 151.050.984.169                | 59.435.391.796          | 253.733.969.328          | 6.628.223.858           | -                     | 470.848.569.151          |
| 2. Các chi phí trực tiếp                             | 41.401.294.355                 | 85.575.935.941          | 58.894.694.408           | 45.622.446.285          | -                     | 231.494.370.989          |
| 3. Chi phí khấu hao                                  | 2.919.511.838                  | 31.404.617              | 5.133.928.770            | 3.438.682.786           | -                     | 11.523.528.011           |
| 4. Lợi nhuận khác                                    | -                              | -                       | -                        | 70.196.144              | -                     | 70.196.144               |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>  | <b>106.730.177.976</b>         | <b>(26.171.948.762)</b> | <b>189.705.346.150</b>   | <b>(42.362.709.069)</b> | <b>-</b>              | <b>227.900.866.295</b>   |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>                 |                                |                         |                          |                         |                       |                          |
| 1. Tài sản bộ phận                                   | 19.843.018.757                 | 177.195.474.379         | 2.122.311.094.332        | 5.417.797.669           | -                     | 2.324.767.385.137        |
| 2. Tài sản phân bổ                                   | 102.619.369.319                | 547.303.303             | 4.925.729.727            | 32.017.243.228          | -                     | 140.109.645.577          |
| 3. Tài sản không phân bổ                             | -                              | -                       | -                        | -                       | 60.101.795.148        | 60.101.795.148           |
| <b>Tổng tài sản</b>                                  | <b>122.462.388.076</b>         | <b>177.742.777.682</b>  | <b>2.127.236.824.059</b> | <b>37.435.040.897</b>   | <b>60.101.795.148</b> | <b>2.524.978.825.862</b> |
| 1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp                     | 822.330.224.508                | -                       | 61.686.667.000           | 223.100.689             | -                     | 884.239.992.197          |
| 2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ                       | -                              | 131.386.861             | 1.182.481.752            | 7.686.131.387           | -                     | 9.000.000.000            |
| 3. Nợ phải trả không phân bổ                         | -                              | -                       | -                        | -                       | 42.567.523.879        | 42.567.523.879           |
| <b>Tổng công nợ</b>                                  | <b>822.330.224.508</b>         | <b>131.386.861</b>      | <b>62.869.148.752</b>    | <b>7.909.232.076</b>    | <b>42.567.523.879</b> | <b>935.807.516.076</b>   |

##### 4.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                    | VNĐ                          |                              |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
|                    | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Tiền mặt           | 294.714.979                  | 288.475.354                  |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.239.190.113.820            | 826.526.507.884              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>1.239.484.828.799</b>     | <b>826.814.983.238</b>       |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, tiền gửi ngân hàng có bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một đến hai tháng với lãi suất từ 13,50%/năm đến 16,80%/năm (vào ngày 31 tháng 12 năm 2009: lãi suất từ 10,47%/năm đến 13,00%/năm).

### 6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

|                          | VNĐ   |  |
|--------------------------|---|--|
|                          | Khối lượng giao dịch thực<br>hiện trong năm | Giá trị giao dịch<br>thực hiện trong năm |
| <i>a. Của Công ty</i>    |   |  |
| - Cổ phiếu               | 31.808.420                                  | 1.294.493.305.000                        |
| - Trái phiếu             | 3.650.000                                   | 363.770.950.000                          |
| <i>b. Của nhà đầu tư</i> |   |  |
| - Cổ phiếu               | 2.168.096.312                               | 69.073.465.495.700                       |
| - Trái phiếu             | 50.830.000                                  | 5.625.606.420.000                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>2.254.384.732</b>                        | <b>76.357.336.170.700</b>                |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

VNĐ

|  | Số lượng<br>(đơn vị) | Giá trị theo<br>sổ sách kế toán | So với giá thị trường |                         | Tổng giá trị<br>theo giá thị trường |
|--|----------------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------------------|
|  |                      |                                 | Tăng                  | Giảm                    |                                     |
| <i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> |                      |                                 |                       |                         |                                     |
| - Cổ phiếu niêm yết                        | 1.675.792            | 26.450.842.546                  | 35.335.766            | (3.979.437.799)         | 22.506.740.513                      |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết                   | 9.314.175            | 219.576.709.502                 | -                     | (65.153.136.867)        | 154.423.572.635                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                           |                      | <b>246.027.552.048</b>          | <b>35.335.766</b>     | <b>(69.132.574.666)</b> | <b>176.930.313.148</b>              |
| <i>Chứng khoán đầu tư</i>                  |                      |                                 |                       |                         |                                     |
| <i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>         |                      |                                 |                       |                         |                                     |
| - Trái phiếu                               | 200.000              | 20.596.836.384                  | -                     | -                       | 20.596.836.384                      |

#### 7.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

VNĐ

|  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn                    | 246.027.552.048              | 348.596.184.618              |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn              | (69.132.574.666)             | (81.090.730.512)             |
| <b>Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>176.894.977.382</b>       | <b>267.505.454.106</b>       |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá:

VNĐ

|                                    | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Dự phòng giảm giá đầu kỳ           | 81.090.730.512               | 189.549.554.129              |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 21.348.366.362               | 41.831.228.559               |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm  | (33.306.522.208)             | (150.290.052.176)            |
| <b>Dự phòng giảm giá cuối kỳ</b>   | <b>69.132.574.666</b>        | <b>81.090.730.512</b>        |

#### 7.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

VNĐ

|                                 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trái phiếu Chính phủ            | 20.596.836.384               | 20.596.836.384               |
| Trái phiếu Chính phủ địa phương | -                            | 32.074.500.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>20.596.836.384</b>        | <b>52.671.336.384</b>        |



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

| CHỈ TIÊU  | Tổng số                | Số đầu năm            |                       | Số phát sinh trong năm    |                           | Giảm                   | Tổng số              | Số cuối năm           |                       | Số dư phòng    |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
|   |                        | Số quá hạn            | Số khó đòi            | Tăng                      | Số khó đòi                |                        |                      | Số quá hạn            | Số khó đòi            |                |
| 1. Phải thu của khách hàng                              | 1.129.867.100          | 1.000.000.000         | 129.667.100           | 5.892.925.553             | 5.835.573.653             | 1.187.219.000          | -                    | -                     | 129.867.100           | 129.867.100    |
| - Phải thu dịch vụ tư vấn                               | -                      | -                     | -                     | 5.892.925.553             | 4.835.573.653             | 1.057.351.900          | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu hoạt động tự doanh                           | 1.129.867.100          | 1.000.000.000         | 129.667.100           | -                         | 1.000.000.000             | 129.867.100            | -                    | -                     | 129.867.100           | 129.867.100    |
| 2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán             | 655.156.686.651        | -                     | 15.781.390.634        | 10.213.895.430.375        | 10.022.396.361.546        | 846.655.755.480        | -                    | -                     | 15.788.918.795        | 15.788.918.795 |
| - Phải thu nhà đầu tư nước ngoài                        | 479.981.990            | -                     | -                     | 31.249.358.331            | 31.170.084.920            | 559.255.401            | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư             | 44.397.250.080         | -                     | 15.781.390.634        | 2.303.909.969.350         | 2.308.332.898.757         | 39.974.320.673         | -                    | -                     | 15.788.918.795        | 15.788.918.795 |
| - Phải thu từ hợp đồng đặt cọc mua cổ phần              | -                      | -                     | -                     | 265.000.000.000           | 265.000.000.000           | -                      | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư       | 610.223.834.581        | -                     | -                     | 7.029.745.083.126         | 6.833.935.545.561         | 806.033.372.146        | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu khách hàng giao dịch OTC                     | 55.620.000             | -                     | -                     | 583.991.019.568           | 583.957.832.308           | 88.807.260             | -                    | -                     | -                     | -              |
| 3. Các khoản phải thu khác                              | 253.052.082.667        | 27.893.372.903        | -                     | 382.217.913.762           | 548.502.603.132           | 86.767.393.297         | 2.915.942.500        | -                     | -                     | 2.915.942.500  |
| - Phải thu lãi từ hợp đồng đặt cọc mua cổ phần          | -                      | -                     | -                     | 39.985.876.737            | 39.985.876.737            | -                      | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu lãi trái phiếu                               | 5.276.895.771          | -                     | -                     | 10.431.951.970            | 13.067.939.069            | 2.640.908.672          | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu lãi tiền gửi Ngân hàng                       | 2.863.305.148          | -                     | -                     | 2.825.169.299             | 2.583.946.327             | 3.104.528.120          | -                    | -                     | -                     | -              |
| - Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại (*) | 244.893.372.903        | 27.893.372.903        | -                     | 328.408.250.648           | 492.707.957.696           | 80.593.665.855         | 2.915.942.500        | -                     | -                     | 2.915.942.500  |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn khác                      | 18.508.845             | -                     | -                     | 566.665.108               | 156.883.303               | 428.290.650            | -                    | -                     | -                     | -              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>909.338.636.418</b> | <b>28.893.372.903</b> | <b>15.911.057.734</b> | <b>10.602.006.269.690</b> | <b>10.576.734.538.331</b> | <b>934.610.367.777</b> | <b>2.915.942.500</b> | <b>15.918.785.895</b> | <b>18.834.728.395</b> |                |

(\*) : Số cuối năm có bao gồm khoản phải thu số tiền là VND 61.686.667.000 từ Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam ("PVFC") theo hợp đồng mua bán trái phiếu có kỳ hạn số 26/05/MBTP/HSC-PVFC được ký kết vào ngày 25 tháng 5 năm 2010 và phụ lục hợp đồng số 01 được ký kết vào ngày 18 tháng 8 năm 2010, theo đó, vào ngày 25 tháng 5 năm 2010, Công ty mua 100.000 trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội của PVFC và cam kết bán lại vào ngày 24 tháng 02 năm 2011 với lãi suất mua lại là 11%/năm.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

|                            | VNĐ                          |                              |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                            | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Tạm ứng                    | 322.576.014                  | 312.279.535                  |
| Tài sản thiếu chờ xử lý    | 166.200.000                  | 166.200.000                  |
| Đặt cọc thuê nhà, phần mềm | 45.398.600                   | 797.978.161                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>534.174.614</b>           | <b>1.276.457.696</b>         |

### 10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                           | VNĐ                 |                          |                |
|---------------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
|                           | Phương tiện vận tải | Trang thiết bị văn phòng | Tổng cộng      |
| <b>Nguyên giá:</b>        |                     |                          |                |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 3.219.787.884       | 13.439.229.396           | 16.659.017.280 |
| Mua trong năm             | -                   | 14.227.142.818           | 14.227.142.818 |
| Đầu tư XD CB hoàn thành   | -                   | 366.913.911              | 366.913.911    |
| Giảm do thanh lý          | -                   | (402.356.627)            | (402.356.627)  |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 3.219.787.884       | 27.630.929.498           | 30.850.717.382 |
| <i>Trong đó:</i>          |                     |                          |                |
| Đã khấu hao hết           | 13.640.000          | 4.582.802.892            | 4.596.442.892  |
| <b>Giá trị hao mòn:</b>   |                     |                          |                |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 1.420.553.390       | 7.088.112.833            | 8.508.666.223  |
| Khấu hao trong năm        | 538.904.647         | 6.215.806.537            | 6.754.711.184  |
| Giảm do thanh lý          | -                   | (402.356.627)            | (402.356.627)  |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 1.959.458.037       | 12.901.562.743           | 14.861.020.780 |
| <b>Giá trị còn lại:</b>   |                     |                          |                |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 1.799.234.494       | 6.351.116.563            | 8.150.351.057  |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 1.260.329.847       | 14.729.366.755           | 15.989.696.602 |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                           | VNĐ              |
|---------------------------|------------------|
|                           | Phần mềm tin học |
| <b>Nguyên giá:</b>        |                  |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 12.022.890.751   |
| Mua trong năm             | 3.472.728.924    |
| Đầu tư XDCB hoàn thành    | 1.762.604.605    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 17.258.224.280   |
| <i>Trong đó:</i>          |                  |
| <i>Đã khấu hao hết</i>    | 204.999.238      |
| <b>Giá trị hao mòn:</b>   |                  |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 4.114.960.305    |
| Tăng trong năm            | 4.768.816.827    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 8.883.777.132    |
| <b>Giá trị còn lại:</b>   |                  |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2010 | 7.907.930.446    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 8.374.447.148    |

### 12. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                              | VNĐ                          |                              |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                              | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Lắp đặt trung tâm dữ liệu    | 2.614.950.000                | -                            |
| Nâng cấp phần mềm giao dịch  | -                            | 1.762.604.605                |
| Mua sắm tài sản cố định khác | 68.172.090                   | 366.913.911                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>             | <b>2.683.122.090</b>         | <b>2.129.518.516</b>         |

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

|                                 | VNĐ                          |                              |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Chi phí tiền thuê văn phòng (*) | 126.866.386.442              | 18.595.617.764               |
| Chi phí cải tạo văn phòng       | 4.895.378.141                | 1.543.724.826                |
| Trả trước vật dụng văn phòng    | 834.994.382                  | 1.789.733.574                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>132.596.758.965</b>       | <b>21.929.076.164</b>        |

(\*): Bao gồm trong số này là khoản tiền 112.365.389.652 VNĐ thanh toán 100% giá trị hợp đồng thuê văn phòng tại AB Tower với diện tích là 1.802 mét vuông cho thời hạn 40 năm.



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2005/QĐ-TTLK ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

|  | VNĐ                  |
|--|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu                           | 120.000.000          |
| Tiền lãi nhận được của năm 2006, 2007      | 25.487.076           |
| Lãi nhận được trong năm 2009               | 52.901.505           |
| Tiền nộp bổ sung trong năm 2009            | 2.140.647.805        |
| <b>Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2009</b> | <b>2.339.036.386</b> |
| Lãi nhận được trong năm 2010               | 201.994.487          |
| Tiền nộp bổ sung trong năm 2010            | 1.745.104.008        |
| <b>Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2010</b> | <b>4.286.134.881</b> |

### 15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|  | VNĐ                          |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2) | 7.376.283.374                | 30.716.234.517               |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư             | 4.479.443.605                | -                            |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên              | 616.717.535                  | 318.119.895                  |
| Thuế giá trị gia tăng                            | 65.266.178                   | 84.967.998                   |
| Các loại thuế khác                               | -                            | 4.711.400.968                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>12.537.710.692</b>        | <b>35.830.723.378</b>        |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|   | VNĐ                          |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Phụ cấp hoàn thành công việc phải trả cho nhân viên | 9.000.000.000                | 7.167.892.437                |
| Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK                   | 2.795.224.947                | 1.925.527.037                |
| Chi phí phải trả khác                               | 505.656.650                  | 123.000.002                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>12.300.881.597</b>        | <b>9.216.419.476</b>         |

### 18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

|   | VNĐ                          |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ với Sở GDCK  | 513.321.240.000              | 113.172.421.000              |
| Tiền gửi thanh toán GDCK của nhà đầu tư | 303.038.955.561              | 332.387.192.063              |
| Phải trả nhà đầu tư GDCK chưa niêm yết  | 3.026.000.000                | 3.026.000.000                |
| Phải trả khác                           | 148.804.000                  | 176.354.000                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>819.534.999.561</b>       | <b>448.761.967.063</b>       |

### 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

|   | VNĐ                          |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Phải trả từ hợp đồng mua lại trái phiếu (*) | 61.686.667.000               | -                            |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông                 | 3.461.084.209                | 42.405.496.459               |
| Kinh phí công đoàn                          | 1.072.567.944                | 650.236.221                  |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 987.632.443                  | -                            |
| Bảo hiểm xã hội                             | 233.043.258                  | 137.363.075                  |
| Bảo hiểm y tế                               | 126.927.209                  | 115.988.459                  |
| Bảo hiểm thất nghiệp                        | 90.252.260                   | 74.745.260                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác  | 223.100.689                  | 110.687.276                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>67.881.275.012</b>        | <b>43.494.516.750</b>        |

(\*): Đây là khoản phải trả cho Công ty Amersham Industries Limited theo hợp đồng mua bán trái phiếu có kỳ hạn số 28/05/MBTP/HSC-DC được ký kết vào ngày 27 tháng 5 năm 2010, phụ lục hợp đồng số 01 được ký kết vào ngày 24 tháng 8 năm 2010 và phụ lục hợp đồng số 02 được ký kết vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, theo đó, vào ngày 27 tháng 5 năm 2010, Công ty bán 100,000 trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội cho Công ty Amersham Industries Limited và cam kết mua lại vào ngày 21 tháng 02 năm 2011 với lãi suất mua lại là 11.5%/năm. Số ngày tính lãi được tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2010 đến 24 tháng 8 năm 2010.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

#### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

|  | Vốn đầu tư của CSH     | Thặng dư vốn cổ phần   | Cổ phiếu quỹ           | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu kỳ   | 394.634.000.000        | 757.828.775.000        | (1.941.442.200)        | 3.961.374.994         | 54.097.834.988         | 328.805.412.265                   | 1.537.385.955.047        |
| - Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (*)                 | 196.993.860.000        | (196.993.860.000)      | -                      | -                     | -                      | -                                 | -                        |
| - Tăng vốn bằng tiền (**)                              | 8.369.000.000          | -                      | -                      | -                     | -                      | -                                 | 8.369.000.000            |
| - Lợi nhuận trong năm 2010                             | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | 182.311.697.653                   | 182.311.697.653          |
| - Mua cổ phiếu quỹ                                     | -                      | -                      | (2.029.635.160)        | -                     | -                      | -                                 | (2.029.635.160)          |
| - Trích lập quỹ dự phòng tài chính cho năm 2010        | -                      | -                      | -                      | -                     | 18.231.169.765         | (18.231.169.765)                  | -                        |
| - Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2009      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | (13.905.965.931)                  | (13.905.965.931)         |
| - Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu cho năm 2009 | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | (2.781.193.186)                   | (2.781.193.186)          |
| - Chia cổ tức  | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | (119.759.778.000)                 | (119.759.778.000)        |
| - Thuế TNDN trích thiếu năm trước                      | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | (435.208.637)                     | (435.208.637)            |
| - Các khoản khác                                       | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | 16.438.000                        | 16.438.000               |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                                   | <b>599.996.860.000</b> | <b>560.834.915.000</b> | <b>(3.971.077.360)</b> | <b>3.961.374.994</b>  | <b>72.329.004.753</b>  | <b>356.020.232.399</b>            | <b>1.589.171.309.786</b> |

(\*): Vào ngày 01 tháng 02 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 19/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm liên quan đến việc tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm và Thông báo số 79/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức giao dịch ngày 09 tháng 02 năm 2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 19.699.386 cổ phiếu.

(\*\*): Vào ngày 14 tháng 5 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 93/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm liên quan đến việc tăng vốn điều lệ bằng tiền. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 836.900 cổ phiếu.



**2010 Báo cáo tài chính**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

*20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

|  | Vốn đầu tư của CSH     | Thặng dư vốn cổ phần   | Cổ phiếu quỹ           | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu kỳ   | 394.634.000.000        | 757.828.775.000        | (645.000.000)          | 3.961.374.994         | 26.458.301.498         | 7.401.986.128             | 1.538.895.415                 | 132.269.417.751                   | 1.323.447.750.786        |
| - Lợi nhuận trong năm 2009                                     | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | -                         | -                             | 278.119.318.635                   | 278.119.318.635          |
| - Mua cổ phiếu quỹ   | -                      | -                      | (1.296.442.200)        | -                     | -                      | 861.200.000               | -                             | -                                 | (435.242.200)            |
| - Trích lập/(hoàn nhập) bổ sung các quỹ của năm tài chính 2008 | -                      | -                      | -                      | -                     | (172.398.374)          | 2.354.301.112             | 235.430.111                   | (2.417.332.849)                   | -                        |
| - Tạm trích lập quỹ cho năm 2009                               | -                      | -                      | -                      | -                     | 27.811.931.864         | -                         | -                             | (27.811.931.864)                  | -                        |
| - Sử dụng quỹ  | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | (721.970.324)             | (663.914.000)                 | -                                 | (1.385.884.324)          |
| - Cổ tức công bố   | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | -                         | -                             | (51.225.248.000)                  | (51.225.248.000)         |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                    | -                      | -                      | -                      | -                     | -                      | -                         | -                             | (128.811.408)                     | (128.811.408)            |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>   | <b>394.634.000.000</b> | <b>757.828.775.000</b> | <b>(1.941.442.200)</b> | <b>3.961.374.994</b>  | <b>54.097.834.988</b>  | <b>9.895.516.916</b>      | <b>1.110.411.526</b>          | <b>328.805.412.265</b>            | <b>1.548.391.883.489</b> |

VNĐ

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.2 Chi tiết vốn góp

|                      | VNĐ                      |                          |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
|                      | Năm 2010                 | Năm 2009                 |
| Vốn góp              | 599.996.860.000          | 394.634.000.000          |
| Thặng dư vốn cổ phần | 560.834.915.000          | 757.828.775.000          |
| Cổ phiếu quỹ         | (3.971.077.360)          | (1.941.442.200)          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b>1.156.860.697.640</b> | <b>1.150.521.332.800</b> |

#### 20.3 Các giao dịch về vốn và phân phối cổ tức

|                        | VNĐ                    |                        |
|------------------------|------------------------|------------------------|
|                        | Năm 2010               | Năm 2009               |
| <b>Vốn đã góp</b>      |                        |                        |
| Vốn góp đầu kỳ         | 394.634.000.000        | 394.634.000.000        |
| Vốn góp tăng trong năm | 205.362.860.000        | -                      |
| <b>Vốn góp cuối kỳ</b> | <b>599.996.860.000</b> | <b>394.634.000.000</b> |
| <b>Cổ tức đã trả</b>   | <b>158.704.190.250</b> | <b>20.769.370.960</b>  |

#### 20.4 Cổ tức

|  | VNĐ            |                |
|--|----------------|----------------|
|  | Năm 2010       | Năm 2009       |
| <b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm kế toán</b>   |                |                |
| <i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>                  |                |                |
| Cổ tức cho năm 2007: 500 đồng/cổ phiếu                 | -              | 35.354.000     |
| Cổ tức cho năm 2008: 1.000 đồng/cổ phiếu               | 9.457.900      | 20.734.016.960 |
| Cổ tức cho năm 2009: 2.000 đồng/cổ phiếu               | 99.015.910.000 | -              |
| Tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2010: 1.000 đồng/cổ phiếu | 59.678.822.350 | -              |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 20.5 Cổ phiếu

|  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>                 | <b>59.999.686</b>            | <b>39.463.400</b>            |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>                        |                              |                              |
| <i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i> |                              |                              |
| Cổ phiếu phổ thông   | 59.999.686                   | 39.463.400                   |
| <b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>                                 |                              |                              |
| <i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>                       |                              |                              |
| Cổ phiếu phổ thông   | 157.745                      | 64.628                       |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>                       |                              |                              |
| Cổ phiếu phổ thông   | 59.841.941                   | 39.398.772                   |

### 20.6 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

|                                | Mức trích lập từ lợi nhuận<br>sau thuế | Mức trích lập<br>tối đa |
|--------------------------------|--|-------------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5%                                     | 100% vốn điều lệ        |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 5%                                     | 10% vốn điều lệ         |

Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính số tiền lần lượt là 9.115.584.883 VNĐ và 9.115.584.883 VNĐ và đang chờ quyết định chính thức của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

### 20.7 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

## 21. DOANH THU KHÁC

|  | VNĐ                    |                       |
|--|------------------------|-----------------------|
|  | Năm 2010               | Năm 2009              |
| Doanh thu hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán               | 142.024.807.424        | 31.411.370.930        |
| Thu lãi tiền gửi ngân hàng                                   | 61.358.304.486         | 55.390.431.049        |
| Doanh thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán | 6.978.194.112          | 6.010.703.454         |
| Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư                 | 3.386.786.569          | 4.811.538.359         |
| Doanh thu khác   | 42.608.130.728         | 1.507.579.990         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>256.356.223.319</b> | <b>99.131.623.782</b> |



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VNĐ

|  | Năm 2010               | Năm 2009               |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)       | 84.677.908.119         | 172.770.586.748        |
| Chi phí nhân viên                              | 44.217.570.457         | 28.259.600.083         |
| Chi phí môi giới chứng khoán                   | 31.457.876.288         | 26.787.034.698         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 12.412.296.519         | 6.739.331.892          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 6.940.634.484          | 3.325.595.986          |
| Chi phí vật liệu, công cụ lao động             | 270.311.410            | 318.102.575            |
| Chi phí khác                                   | 2.467.444.891          | 1.385.272.100          |
| Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán   | 21.348.366.362         | 41.831.228.559         |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | (33.306.522.208)       | (150.290.052.176)      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>170.485.886.322</b> | <b>131.126.700.465</b> |

(\*): Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

### 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

|                                     | Năm 2010              | Năm 2009              |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý           | 32.133.113.098        | 22.606.369.054        |
| Chi phí thuê văn phòng              | 18.409.277.071        | 9.765.115.822         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 12.390.962.169        | 8.737.800.103         |
| Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng | 4.443.009.255         | 4.931.387.498         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 4.582.893.527         | 2.900.535.265         |
| Thuế, phí và lệ phí                 | 595.550.149           | 558.762.469           |
| Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng  | 284.370.590           | 209.695.521           |
| Chi phí khác bằng tiền              | 1.705.346.158         | 369.584.593           |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi   | 7.728.161             | 1.051.747.011         |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | (2.020.237.500)       | (12.858.454.000)      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>72.532.012.678</b> | <b>38.272.543.336</b> |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. LỢI NHUẬN KHÁC

|   | VNĐ               |                       |
|---|-------------------|-----------------------|
|   | Năm 2010          | Năm 2009              |
| <b>Thu nhập khác</b>                        |                   |                       |
| Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn (*) | -                 | 14.424.300.000        |
| Thu nhập khác                               | 70.196.144        | 10.232.505            |
|   | <b>70.196.144</b> | <b>14.434.532.505</b> |
| <b>Chi phí khác</b>                         | -                 | -                     |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>                       | <b>70.196.144</b> | <b>14.434.532.505</b> |

(\*): Đây là khoản thu nhập từ chuyển nhượng quyền đầu tư góp vốn dự án xây dựng nhà ở vào dự án của Công ty TNHH TM Him Lam.

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười (10) năm đầu và 25% trong những năm tiếp theo.

#### 25.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|   | VNĐ                   |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | Năm 2010              | Năm 2009              |
| Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 20%                       | 44.958.466.123        | 54.845.020.502        |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu năm trước | 630.702.519           | 19.802.631.429        |
| Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC         | -                     | (16.453.506.150)      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>45.589.168.642</b> | <b>58.194.145.781</b> |

#### 25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

|  | VNĐ                    |                        |
|--|------------------------|------------------------|
|  | Năm 2010               | Năm 2009               |
| <b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>                        | <b>227.900.866.295</b> | <b>336.313.464.416</b> |
| <b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b> |                        |                        |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>                        |                        |                        |
| Chi phí không được khấu trừ                              | 355.949.072            | 108.000.000            |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>                        |                        |                        |
| Thu nhập cố tức không chịu thuế                          | (3.464.484.750)        | (6.174.580.324)        |
| Hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết             | -                      | (56.021.781.581)       |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>         | <b>224.792.330.617</b> | <b>274.225.102.511</b> |
| Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 20%                    | 44.958.466.123         | 54.845.020.502         |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước               | 630.702.519            | 19.802.631.429         |
| Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC      | -                      | (16.453.506.150)       |
| <b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>         | <b>45.589.168.642</b>  | <b>58.194.145.781</b>  |
| <b>Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) đầu năm</b>             | <b>30.716.234.517</b>  | <b>(7.675.279.835)</b> |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước               | 452.781.411            | -                      |
| Thuế TNDN đã trả trong năm                               | (69.381.901.196)       | (19.802.631.429)       |
| <b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>                       | <b>7.376.283.374</b>   | <b>30.716.234.517</b>  |

#### 25.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính.



## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

|  | VND                    |                        |
|--|------------------------|------------------------|
|  | Năm 2010               | Năm 2009               |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông   | 182.311.697.653        | 278.119.318.635        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>    | <b>182.311.697.653</b> | <b>278.119.318.635</b> |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu              | 59.900.668             | 39.415.855             |
| <i>Ảnh hưởng suy giảm</i>  |                        |                        |
| Cổ phiếu thưởng (*)  | -                      | 19.707.927             |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b> | <b>59.900.668</b>      | <b>59.123.782</b>      |

(\*): Theo Thông báo số 784/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 12 năm 2009, ngày đăng ký cuối cùng thưởng cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư với tỷ lệ thực hiện là 2:1 (cổ đông sở hữu hai cổ phiếu sẽ nhận được một cổ phiếu thưởng) là ngày 29 tháng 12 năm 2009.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2010 bao gồm:

|   |                |                    |  | VNĐ            |
|---|----------------|--------------------|--|----------------|
| Bên liên quan   | Mối quan hệ    | Nội dung nghiệp vụ |  | Giá trị        |
| <b>Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)</b>                       | <i>Cổ đồng</i> | Cổ tức             |  | 50.199.280.000 |
|   |                | Mua chứng khoán    |  | 10.810.130.000 |
|   |                | Phí môi giới       |  | 10.815.570     |
| <b>Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành Phố Hồ Chí Minh (HFIC)</b> | <i>Cổ đồng</i> | Cổ tức             |  | 48.000.000.000 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|  |                |                                |  | VNĐ            |
|--|----------------|--------------------------------|--|----------------|
|  | Mối quan hệ    | Nội dung nghiệp vụ             |  | Phải trả       |
| <i>Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>               |                |                                |  |                |
| Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành Phố Hồ Chí Minh (HFIC) | <i>Cổ đồng</i> | Tiền gửi giao dịch chứng khoán |  | 18.030.291.612 |

#### Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

|                 |               |  | VNĐ           |
|-----------------|---------------|--|---------------|
|                 | Năm 2010      |  | Năm 2009      |
| Lương và thưởng | 6.567.864.743 |  | 6.607.370.305 |

## 2010 Báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

#### Tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính tại tầng 1, 2 và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 614-616-618 Ba Tháng Hai, Phường 14, Quận 10.
- Tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower tại số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1.

#### Tại Hà Nội:

- Văn phòng chi nhánh tại số 6 phố Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm.
- Phòng giao dịch tại số 19 Láng Hạ, Quận Ba Đình.
- Phòng giao dịch tại số 193C Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng.
- Phòng giao dịch Kim Liên, tầng 2 tòa nhà B14, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | VNĐ                          |                              |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
|                  | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2010 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2009 |
| Đến 1 năm        | 8.372.033.312                | 2.883.705.300                |
| Trên 1 đến 5 năm | 17.842.028.911               | 22.929.088.126               |
| Trên 5 năm       | -                            | 102.144.892.331              |

### 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



## Mạng lưới trung tâm giao dịch



1



2



3



4



5



6



7



8

### 1. TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai  
P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM  
T: (+84 8) 3823 3299  
F: (+84 8) 3823 3301

### 2. CHI NHÁNH THÁI VĂN LUNG

Tầng 1, Cao ốc Capital Place  
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. HCM  
T: (+84 8) 3823 2981  
F: (+84 8) 3823 2982

### 3. PHÒNG GIAO DỊCH BA THÁNG HAI

Tầng 2, 614-616-618 Ba Tháng Hai,  
Phường 14, Quận 10, TP. HCM  
T: (+84 8) 3868 7179  
F: (+84 8) 3868 7139

### 4. PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO

Tầng 1 & 2, 569-571-573 Trần Hưng Đạo  
P. Cầu Kho, Q.1, TP. HCM  
T: (+84 8) 3836 4189  
F: (+84 8) 3836 4198

### 5. CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
T: (+84 4) 3933 4693  
F: (+84 4) 3933 4822

### 6. PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

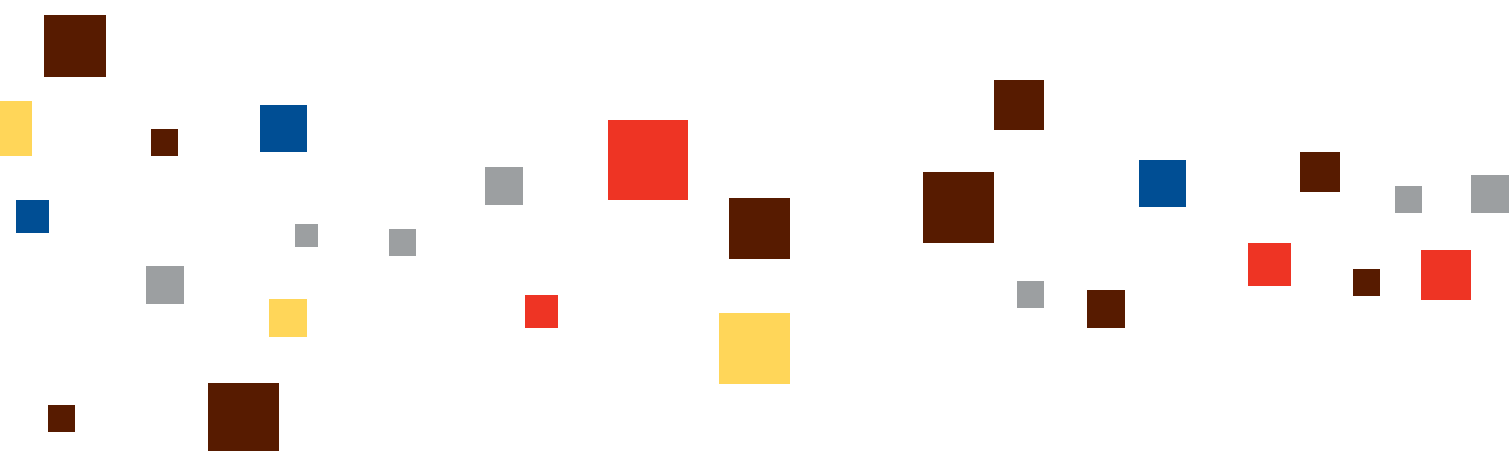
19 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
T: (+84 4) 3514 7799  
F: (+84 4) 3514 9521

### 7. PHÒNG GIAO DỊCH BÀ TRIỆU

193C Bà Triệu, P. Lê Đại Hành  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
T: (+84 4) 3974 8748  
F: (+84 4) 3974 8540

### 8. PHÒNG GIAO DỊCH KIM LIÊN

B14 Kim Liên, P. Phạm Ngọc Thạch  
Quận Đống Đa, Hà Nội  
T: (+84 4) 3574 5599  
F: (+84 4) 3574 5959



**TRỤ SỞ CHÍNH**

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai  
P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
T: (+84 8) 3823 3299  
F: (+84 8) 3823 3301  
E: info@hsc.com.vn

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 6 Lê Thánh Tông,  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
T: (+84 4) 3933 4693  
F: (+84 4) 3933 4822  
E: info@hsc.com.vn

W: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)